

I THÁNG 9 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

VÕ PHIẾN *đất của con người* • VIỆT PHƯƠNG
Mao Trạch Đông và Lưu Thiệu Kỳ hay cuộc tranh chấp
quyền hành tại Trung Hoa lục địa • TỬ MINH *an*
ninh Âu châu dưới mắt điện Cẩm-linh • TRẦN NGỌC
NINH *thương thảo về từ nguyên của hai tiếng « Cái »*
và « Con » • TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG *vài ý nghĩ về*
sự thành lập và phát triển một Hội Học Tây Sơn •
VÕ QUANG YẾN *trên đường tìm thuốc trường sinh :*
chất tạo keo • TRẦN KIM THẠCH *trả lời ông Nguyễn*
Bạt Tụy về bài phê bình quyển « Lịch sử thành lập đất
Việt » • PHẠM DUY *tri ân người tri âm* • NGUY
NGŨ *một ngày ở Trĩ Thiên* • NGUYỄN MỘNG GIÁC
vào đời • VŨ HOÀNG CHƯƠNG *hỏi lâm chi* •
HOÀNG LỘC *được tin người yêu cũ tản cư khỏi Hội-an*

SINH HOẠT *thời sự thế*
giới • *thời sự khoa học*
• *thời sự văn nghệ* •

376



TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút:

Thư ký: TÔN THẮT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Tòa soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

770đ.
1500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung: thêm cước phí máy bay một năm: 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí một năm: 400đ.

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số:

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ.
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ.
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu)	: 175đ.
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ.

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 376 ngày 1 - 9 - 1972

VÕ PHIẾN <i>đất của con người</i>	05
VIỆT PHƯƠNG <i>Mao Trạch Đông và Lưu Thiểu Kỳ hay cuộc tranh chấp quyền hành tại Trung Hoa lục địa</i>	13
TỪ MINH <i>an-ninh Âu-châu dưới mắt điện Cẩm-linh</i>	20
TRẦN NGỌC NINH <i>thương thảo về từ nguyên của hai tiếng « Cái » và « Con »</i>	23
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG <i>vài ý nghĩ về sự thành lập và phát triển một Hội Học Tây Sơn</i>	31
VÕ QUANG YẾN <i>trên đường tìm thuốc trường sinh : chất tạo keo</i>	39
TRẦN KIM THẠCH <i>trả lời ông Nguyễn Bạt Tụy về bài phê bình quyền : « Lịch sử thành lập đất Việt »</i>	45
PHẠM DUY <i>Tri ân người tri âm (gửi Georges Etienne Gauthier)</i>	53
NGUYỄN NGŨ <i>một ngày ở Trĩ Thiên (bút ký)</i>	59
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>vào đời (truyện dài)</i>	65
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>hỏi làm chi (thơ)</i>	71
HOÀNG LỘC <i>được tin người yêu cũ tản cư khỏi Hội-an (thơ)</i>	72
SINH HOẠT	
TRĂNG THIÊN — THU THỦY <i>thời sự văn nghệ.</i>	73
TỪ MINH <i>thời sự thể giới.</i>	77

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
 Chủ bút :
 Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
 Điện thoại : 25.539
 H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ DẰNG
 21, Nguyễn Thiện Thuật — Saig.
 GIÁ : 80\$ Công sở : 160.
 Cao Nguyên và Miền Trung
 cước phí máy bay 8đ. mỗi số

Bạn đọc thân mến

Trong những ngày gần đây anh em chủ trương tạp chí Bách-Khoa rất xúc động trước những thăm hỏi và những thư từ, của các bạn đọc từ mọi nơi gửi về Tòa soạn, lo lắng cho số phận tờ báo đã đứng vững được liên tục 16 năm, qua bao nhiêu biến cố chính trị xã hội, có còn xuất bản được nữa không. Xin quý bạn nhận nơi đây lời chân thành cảm tạ của chúng tôi.

Cũng xin trả lời chung để quý bạn rõ, nếu không có gì thay đổi vào phút chót, thì sau số này Bách-Khoa cũng như một số lớn các báo định-kỳ khác (Thời Nay, Văn, Văn Học, Trình Bày v.v...) sẽ bị coi như tự ý đình bản theo Sắc-luật 007 ngày 3-8-1972.

Tuy nhiên để đáp lại sự ủng-hộ nhiệt thành của quý bạn, Bách-Khoa sẽ cố gắng phục vụ bạn đọc dưới hình thức giai-phẩm cũng ra mỗi tháng 2 kỳ như cũ nếu không có gì trở ngại. Do đó trong những số kế tiếp này, để thích ứng với thể thức mới, nếu tờ báo của quý bạn có ra trễ hơn thường lệ một vài ngày cũng xin quý bạn vui lòng thông cảm cho.

Bách-Khoa tồn tại được cho đến hôm nay là hoàn toàn nhờ ở lòng tin yêu của bạn đọc. Chúng tôi mong rằng lòng tin yêu bền vững này và sự ủng hộ tích cực của bạn đọc sẽ lại giúp cho tờ báo của quý bạn vượt qua những cam go thử thách của giai đoạn sắp tới cũng như đã thắng được những khó khăn trở ngại bao nhiêu lần từ 1957 đến nay.

Nhóm chủ trương BÁCH-KHOA

THIỆT QUÂN LUẬT, GIỚI NGHIỆM Ở NHÀ LÀM GÌ?

ĐỌC QUÁN ĐÒI NGUYỄN-HỮU-NHẬT

— Cuốn Tiểu Thuyết nhẹ như thơ, êm như nhạc, lồng trong bối cảnh trang nghiêm của thiền viện và tình yêu bất diệt.

Bán hết ngàn thứ hai trong tuần lễ đầu.

ANH EM XUẤT BẢN

ĐỒNG NAI PHÁT HÀNH

Đất của con người

Nguyễn Ngu Í có lần thuật chuyện một đêm ở làng Hòa Hảo (1). Hoàng hôn vừa buông xuống thì giọng ngâm sấm văng bắt đầu dâng lên khắp tư bề. Cách một quãng đường có một ngôi nhà gạch vuông hai tầng: tầng trên, tượng Giáo chủ; tầng dưới, một phụ nữ mặc áo dài, tay cầm cuốn kinh sấm, miệng ngâm nga trước măt vi-âm. Khách đi đến đâu tiếng ngâm theo đến đó, khách thức đến đâu tiếng ngâm cũng lại theo đến đó, đến khuya lắc khuya ỉ... Rồi hôm sau, mới sớm tinh sương, trời còn tờ mờ, khách vừa tỉnh giấc, tiếng ngâm đã vang lên tự bao giờ!

Không khí u huyền. Khách bất giác rùng mình.

Nguyễn Ngu Í sinh ra sát miền Nam, sống ở miền Nam lâu đến thế mà anh còn rùng mình. Người xa lạ với sinh hoạt miền Nam hơn thì chẳng cần đến tận thánh địa mới tìm được sự xúc động vì cuộc sống tâm linh của miền Nam. Một hôm, trên chuyến xe sớm từ cầu bắc Cần-thơ đi Mỹ-thuận, tôi đã ngỡ ngàng trước cảnh xóm làng bên đường. Dọc hai bên đường, trong bóng đêm trước giờ hừng đông, qua những tàn cây rậm rạp, ánh đèn lổ nhố nhấp nhả nhấp nháy. Cảnh tượng hàng nghìn ngọn đèn con lao xao giữa trời trong sương sớm như thế thật lạ lùng đối với một người từ các miền ngoài vào: ngoài đó đâu có bàn thờ ông Thiên trước sân?

Ở trong này nhìn đâu cũng thấy biểu hiện của tín ngưỡng. Ngoài sân thờ ông Thiên, trong nhà thờ ông Địa, và khắp cùng nơi nơi dong chơi các ông Đạo! Đất đai miền Nam cơ hồ thuộc về các đấng thần linh.

Thế mà lạ: Không ở đâu con người được đề cao bằng ở đây. Đây mới chính thị là đất của con người.

Xuống chơi Cà-mau mấy hôm, nghe tên sông, tên rạch, tên ấp, tên thôn, mới hay làm sao: xóm Ông Đồ, ấp Ông Khâm, ấp Bà Năm, ấp Trùm Thuật, ấp Ông Muôn, ấp Ông Nhơn, sông Ông Đốc, ngọn Ông Trang, rạch Biện Nhan, rạch Ông Quyên, rạch Bà Quang, rạch Ông Búp, rạch Bà Khuê, rạch Ông Nô, rạch Bà Hương, mũi Ông Trang v.v...

Thân mật, ăm cúng không biết chừng nào: ông nọ bà kia, người với rạch, với sông, với xóm làng, đất đai, cùng nhau quấn quít, chan hòa làm một. Đất đai sông rạch gắn liền với con người, nhưng là hạng người nào? Cái doi đất nhô ra ở gần cửa sông Bảy Háp đó, nó mang tên vĩ nhân nào vậy? Một đấng anh hùng dân tộc, một đại đế nào đó chẳng? — Đừng có nhầm! Ấy là mũi Bà Quang: Không có vĩ nhân nào xen vô đó hết. Bà Quang? Có lẽ không còn ai nhớ rõ bà Quang sống vào thời nào, thọ

(1) Bách Khoa số 173, ngày 15-3 1964

bao nhiêu tuổi, gia thế ra sao, thậm chí cái họ của bà chắc cũng mai một: chỉ còn lại vồn vẹn một chữ tên. Tuy nhiên, có điều chắc chắn đó là một người đàn bà đã cùng bà con chòm xóm lặn lội sinh lầy, góp một tay vào công cuộc khai hoang phần đất mới mẻ này. Tức một con người rất gần gũi, một con người trong đám dân gian. Bà Quang, bà Hương, ông Quyên, ông Muôn v.v..., đều thế cả.

Từ Cà-mau nghĩ đến cả miền Nam: nào cù lao ông Chưởng, nào tỉnh cũ Bà Rịa, nào kênh ông Hội đồng Quới, kênh ông Bác vật Lang, nào kênh ông Hội đồng Chà, kênh ông Huyện Chơn v.v... Không còn là người của quần chúng hay thật gần với quần chúng nữa; nhưng cũng không phải là nhân vật quá xa cách, không có một vua chúa nào cả, chắc chắn đây vẫn là những con người đã trực tiếp tham dự vào các công trình xây dựng, mở mang, tại địa phương.

Những người có góp công trực tiếp ấy, đôi khi chính nhà vua lấy tên mà đặt cho sông núi, như Thoại Sơn, Vĩnh tế hà, để cho tên tuổi được «cùng trời đất không ma diệt» (1). Nhưng trong trường hợp của các bà Năm, ông Búp v.v... không vua nào ban cho vinh dự thì anh Bảy, chị Ba, ông Kèo, bà Cột v.v..., thì đám dân chúng vô danh trong vùng tự động suy tôn, và rốt cuộc tên tuổi cũng lại vẫn « cùng trời đất không ma diệt ».

Ở đất Bắc, nơi núi sông đã lừng lẫy từ nghìn xưa, thì con người nép vào uy danh của bản quán, nương cậy ở khí thiêng của sông núi: thi sĩ Tản Đà, văn sĩ Hồng Nhân (2), cụ Tiên Điền, Hồng Sơn lập họ, Uy viễn tướng công, ông Tú Vi xuyên v.v...

Ở miền Nam, đất mới chưa kịp có tên, thì xây dựng đến đâu, con người cho non sông mượn tên của mình đến đó, trước bạ tên tuổi của mình vào đất đai đến đó.

Cái sự khác biệt giữa một miền người lấy tên đất với một miền đất lấy tên người, dấu sao cũng chưa cụ thể. Đi về Hậu giang, ngồi trên máy bay nhìn xuống, có thể thấy rành rành sự can thiệp của bàn tay người trên cuộc diện đất đai: Những con kinh thẳng tắp như lằn gạch phân chia cả một vùng đồng bằng mênh mông thành từng ô từng ô đều đặn... Cảm tưởng đại khái như khi nhìn vào bản đồ kỷ di của những đường phố ở các đô thị Cựu-kim sơn, Hoa-thịnh-Đốn, Chicago, Vancouver..., bản đồ mà như thẻ trang giấy gạch ca-rô!

oOo

Tại sao ở miền Nam, nơi mà vai trò của con người hiển hiện nổi bật lên như thế, con người lại dành cho thần thánh vai trò lớn lao chừng ấy? tín ngưỡng lại thịnh hành, đạo lại nảy sinh nhiều, lan tràn rộng chừng ấy?

(1) Bia núi Sập (dịch)

(2) Tức Phạm Quỳnh (ở Thượng Hồng)

Có lối giải thích bảo rằng các ông đạo ra đời cũng chỉ là để... làm ăn mà thôi: « Đa số các ông đều nhằm mục đích duy nhất: khẩn đất núi, tạo lập vườn tược. Các ông tự tiện chiếm hữu một khoảnh đất bên sườn núi bấy giờ hãy còn hoang vu ít kẻ tranh giành, lấy lý do tu hành để hy vọng được miễn thuế. Và bao nhiêu tin đồn đến làm công quả là bấy nhiêu nhưn công tình nguyện.» (1)

Có lối giải thích nữa bảo rằng các ông đạo ra đời là vì việc nước: mỗi ông đạo là một hội kín hoạt động chống Pháp (2). Lá cờ khởi nghĩa của nhóm Thiên địa hội Phan Xích Long có bốn chữ Bửu Sơn Kỳ Hương, phá đạo đốt chùa của hệ phái Tứ ân hiếu-nghĩa tại núi Tượng là Palasme de Champeaux với Trần bá Lộc, đạo Cao đài, đạo Hòa hảo v.v... đều có thái độ chính trị.

Lại có lối giải thích bảo rằng cái không khí tôn giáo tràn ngập miền Nam, đồng bào ta thừa hưởng từ những dân tộc lâu đời sống trong vòng ảnh hưởng của văn hóa Ấn-độ, quê hương các đạo Bà-là môn, đạo Phật v.v...

Như vậy đã có lối giải thích bằng lý do kinh tế, có lối giải thích bằng lý do chính trị, có lối giải thích bằng lý do văn-hóa. Miền Nam là đất mới, các vấn đề của miền Nam đều mới, chưa có gì dứt khoát, cố định; vậy có thể nói thêm một lối giải thích nữa.

Bình Nguyên Lộc nhiều lần nói đến chuyện « chợ đen sắc thần » ở Bến

Nghé, Đồng Nai. Dân đã mở đất xong, lập làng xong, nhưng thần làng thì xin mãi chưa được triều đình xa xôi sắc phong cho; bèn có vụ sắc thần của làng này bị đánh cắp đem bán cho làng nọ.

Sự việc ấy nói lên tình cảnh thiếu thốn trong một phương diện sinh hoạt của đám lưu dân một thời. Từ các miền ngoài vào đây, trước lo khai phá đất hoang; nhưng một khi cái ăn, cái sống vật chất đã tạm xong, thì phải tính sang các nhu cầu tinh thần chứ. Không có, nó bơ vơ, tội nghiệp làm sao! Hãy nghe Sơn Nam kể khổ: « Trong khi chưa lập được đình chùa, thì miếu thờ cộp giữ một vai trò quan trọng về đường tinh thần. Ngày giặc Pháp tấn công, dân chúng vùng Tân-hưng bỏ nhà, chạy vào rừng. Nhưng hàng đêm, họ trở về miếu cộp, ngồi xúm xít, nhìn nhau, nhìn khói hương mà rơi nước mắt ». (3)

Khát khao tin tưởng cũng là một nỗi khát khao khẩn thiết. Ai là kẻ đứng ra đáp ứng? Chắc chắn không có mấy nhà trí thức ôm sách vở, mây vị hòa thượng khệ nệ kinh kệ chuông mõ theo những đoàn di dân đầu tiên vào Bến Nghé, U Minh v.v... Lúc nhận thấy có sự đòi hỏi gắt gao về tín ngưỡng, nhìn quanh quất không tìm đâu ra vị lãnh đạo hay nhà diu dắt chuyên nghiệp nào về tinh thần.

(1) Sơn Nam. *Tìm hiểu đất Hậu giang*, Phù sa 1959, trang 114,

(2) G. Coulet. *Les sociétés secrètes en terre d'Annam*, Ardin, Saigon, 1926.

(3) *Tìm hiểu đất Hậu giang*, trang 88.

các thầy Đoàn minh Huyền, ông cử Đa, ông bảy Do v.v... dành ra tay sáng chế tại chỗ để cung ứng nhu cầu. Phong trào ra đời của các tôn giáo, các ông đạo, nó chứng tỏ tài xoay xở của lớp người đến vùng đất mới, mọi việc đều phải tự cấp tự túc. Nó là một lối tự liệu lý (self-service) về việc tinh thần.

Tự đặt ra đạo để tin, chuyện có ngộ nghĩnh một chút, nhưng không trái với óc tháo vát của thể hệ người Việt vào Nam mở đất. Chiếc nóp đề ngủ, điệu ca Vọng cổ đề tiêu sầu, tuồng hát cải lương để giải trí v.v..., mỗi thứ trong lãnh vực riêng của nó đều là những sáng chế tại chỗ trong hoàn cảnh thiếu thốn của địa phương, xa lìa đất tổ.

Vậy những ông đạo đầu tiên bắt đầu dĩ phải ra đời. Nhưng có điều một ông đạo đã ra đời trót lọt, thành công, thì sau đó các ông đạo cứ tiếp tục ra đời mãi. Thành ra có sự lạm phát ông đạo. Thành ra có sự chậm trễ, lỗi thời : Đến cái thời đại Bắc Trung Nam không còn cách trở, giao thông nhanh chóng, các tôn giáo lớn đã có cơ sở hoạt động khắp nơi trong Nam, các giáo lý cao thâm được các giáo sĩ xuất sắc truyền bá rộng rãi, mà các ông đạo vẫn cứ tiếp tục xuất hiện rao giảng những điều thô sơ...

Dẫu sao, như thế các ông đạo không còn chứng tỏ sự thống trị của thần linh ở miền Nam mà lại chứng

tỏ tài hoạt động xoay xở của con người. Thần linh ở đây xúm nhau đề cao vai trò con người !

oOo

So sánh đặc điểm tín ngưỡng ở Nhật bản và Ấn độ, bác sĩ H. Nakamura nhận thấy công trình kiến trúc tôn giáo nổi bật ở Ấn, tức những ngôi tháp *stupa*, là dành chôn hài cốt, dành cho cái chết, còn công trình điêu khắc xuất sắc ở Nhật, pho tượng Đại Phật, thì lại dành cho người sống chiêm bái.

Tại miền Nam ta, không biết cảnh tượng tín đồ kéo đến làm công quả cho các ông đạo khản hoang vỡ đất mà Sơn Nam nói vào thời trước nó tấp nập ra sao ; chỉ biết cảnh tượng những lăng Ông miếu Bà vào những ngày hội ngày vía bây giờ thì náo nhiệt hết cỡ : bây giờ khách thập phương đến để xin xăm, cầu tài, vay của Bà một món tiền về buôn bán làm ăn v.v.. Dù là nơi phát rẫy làm công quả, dù là nơi vay tiền Bà, những nơi đó cũng không có bao nhiêu tính cách thần bí siêu linh, mà tựa hồ những trung tâm hoạt động náo nhiệt, liên quan mật thiết đến cuộc sống của xã hội. Những nơi đó không chút gì tịch liêu lạnh lẽo, mà vô cùng sinh động, mà hừng hực hơi nóng của sinh hoạt, của sự sống.

Ở đây, quả nhiên con người lộ lộ khắp nơi,

VÕ PHIẾN

8-1972

Mao Trạch Đông và Lưu Thiếu Kỳ

hay cuộc tranh chấp quyền hành tại

Trung-Hoa lục-địa

(tiếp theo BK 375)

Sở dĩ Lưu hết mình đề cao Mao, đưa Mao lên địa vị tột đỉnh, có người cho rằng là cố ý đề củng cố địa vị cá nhân của ông ở trong Đảng. Quả vậy, vào năm 1943 Lưu được cử vào trong ban Bí thư Trung ương (gồm 5 người), thế chân Trương Khai Thiên và đã trở nên ngang hàng với Mao. Lưu công nhận là Mao có một nhãn quan rộng rãi về tương lai của Trung Quốc và có một lòng tự tin vững chắc cần thiết cho một lãnh tụ, nhưng ông cũng lại nhận thấy rằng không có cái tài tổ chức của ông thì những dự toán của Mao cũng không thể thành đạt được. Lưu chịu sự lãnh đạo của Mao, nhưng không phải là chịu một cách mù quáng.

Ví dụ, năm 1945, Lưu hoàn toàn tán thành bản cương-lĩnh mới của Đảng do đại hội Đảng lần thứ 7 thông qua và hết sức ca tụng tư tưởng Mao Trạch Đông, coi Mao như là nhà « cách-mạng vĩ-dại », « lý-thuyết-gia vĩ-dại » nhất trong lịch sử Trung Quốc. Nhưng Lưu cũng không quên nhắc tới thời-kỳ 1927-1935 (1927 là năm phong trào Công-sản ở Trung Hoa bị đàn áp, 9-12-1935 là ngày phong trào sinh viên kháng Nhật khởi

phát), mà ông cho là một 'thời-kỳ đen tối, một thời-kỳ phản cách-mạng. 9-12-1935 mới thực là bắt đầu một thời kỳ cách-mạng.

Sau này, vệ-binh-đỏ phê-bình cho rằng nói như vậy tức là Lưu đã phủ nhận tất cả những cố gắng của Mao trong giai-đoạn hoạt động ở nông thôn, lấy nông thôn bao vây thành thị.

Chính Mao trong một bài thuyết trình trước hội nghị Đảng lần thứ 2, năm 1949, đề xác định lập trường mácxít-lêninit « thành thị lãnh đạo nông thôn » của mình, đã chỉnh lại rằng : « Từ 1927 đến nay (1949), trọng tâm hoạt động của chúng ta là nông thôn, dùng nông thôn bao vây thành thị. Thời kỳ đó đã chấm dứt.

« Thời kỳ « từ thành thị đến nông thôn » và « thành thị lãnh đạo nông thôn » nay bắt đầu. Trọng tâm hoạt động của Đảng nay đã chuyển từ nông thôn lên thành thị ».

Vì trung tâm đã chuyển nên vai trò của các nhân vật như Lưu-Thiếu-Kỳ và Đặng Tiểu Bình là những người đã có dày kinh nghiệm hoạt động thành thị tất phải quan trọng hơn. Có lẽ chính Mao cũng cảm

thấy như vậy. Còn Lưu thì coi việc Mao chú tâm đến hoạt động thành thị cũng như là sen vào một lãnh vực không phải sở trường của Mao. Do đó, Lưu thường hay đưa ra những kinh nghiệm về tổ chức và kỷ luật của mình để gián tiếp khuyên bảo Mao đừng có hấp tấp vội vàng.

Ví dụ trong một bài diễn-văn đọc vào tháng 12-1948, Lưu nói: « Tình hình cách-mạng nay đã phát triển rất nhanh, nhanh hơn là chúng ta tưởng. Ngày nay, cái mà chúng ta sợ, không phải là đi quá chậm, mà là đi quá nhanh. Nếu đi quá nhanh chúng ta sẽ gặp nhiều khó khăn, tốt hơn là nên đi chậm hơn, chúng ta có thể sửa soạn kỹ càng hơn ».

Về vấn đề cải cách ruộng đất. Vệ-bình đồ lên án Lưu đã đi sai đường lối của Mao. Nhưng xét cho kỹ, có lẽ đó là do ở thái-độ quá thận trọng của Lưu mà ra. Lưu phân biệt địa chủ với các nông-dân tốt và cho phép các người này được giữ lại một phần đất của mình để canh tác. Mao cũng chủ trương bảo vệ nền kinh tế phú nông để sau này lấy đà khôi phục sản xuất và bác bỏ chủ trương cho rằng Trung-Hoa có thể gạt bỏ tư-bản chủ-nghĩa để tiến ngay đến xã-hội chủ-nghĩa. Vậy không có gì là khác nhau lắm. Điểm khác nhau là ở chỗ Lưu muốn thực hiện cuộc cải cách ruộng đất một cách thận trọng, thành công ở một địa hạt này đã rồi mới lan rộng sang địa hạt khác để nắm vững phong-trào trong tay chứ không chủ trương phóng tay như

Mao.

Điểm thứ 2 là Lưu chủ trương chỉ có thể tập-thể-hóa nông-nghiệp, khi nào có đầy đủ máy móc dụng cụ để cơ-giới-hóa nông-nghiệp, như vậy có nghĩa là cần phải một thời-gian khá lâu nữa. Trong một bài diễn văn vào tháng 6-1951, Lưu nhấn mạnh « kỹ nghệ-hóa nông-nghiệp là điều kiện tiên quyết để tập-thể-hóa nông nghiệp và xây-dựng xã-hội chủ-nghĩa ở nông thôn ». Ông nói: « Có những đồng chí chủ trương rằng nông thôn, dựa trên những tổ đội công và hợp-tác-xã, có thể tiến tới tập-thể-hóa nông-nghiệp. Đó là một thứ xã-hội chủ-nghĩa dân cây không tưởng và sai lầm ». Lời nói này rõ ràng là ám chỉ Mao và Vệ-bình-đồ đã dựa vào đó để cho rằng Lưu đã mật sát Mao.

Qua những điều ở trên ta thấy rõ có 2 chủ trương đối với nông thôn! Chủ trương của Lưu muốn đề cao vai trò lãnh đạo của thành-thị và kỹ-nghệ và muốn giữ vững kỷ luật và trật tự trong công tác phát triển nông nghiệp.

Chủ trương của Mao muốn thiết lập ngay các hợp-tác-xã. Chủ trương này đã được Mao đem ra thực hiện từ 30-7-1955 với việc thành lập các « công-xã nhân-dân ». Lưu rút cuộc phải làm bản tự kiểm-thảo và theo đường lối của Mao.

Tuy nhiên trong bài diễn - văn vào 1-1956, giới thiệu chương trình 12 năm phát-triển nông nghiệp tại hội nghị tối cao quốc gia, Mao cũng vượt

Lưu bầy cách tuyên-bố : « Mục tiêu của cách-mạng là giải thoát các lực lượng sản xuất của xã-hội và xóa bỏ tình trạng chậm tiến của Trung-Hoa về phương diện kinh tế, khoa học, văn hóa trong vài chục năm. Yếu tố quyết định để đạt tới mục-tiêu đó là cần có cán-bộ, cần có một số lượng đầy đủ các khoa-học-gia và kỹ-thuật-gia ». Trong bài diễn-văn đó, Mao luôn luôn nhắc đến sự liên-hệ chặt chẽ giữa thành thị và thôn quê.

Một điểm nữa cũng đáng chú ý là quan-niệm của Lưu về vấn-đề « dân-chủ hạn-chế » và « dân-chủ mở rộng nhân dịp Mao phát động phong trào « trăm hoa đua nở » vào các năm 1956-57 để tiến tới cuộc vận động « chỉnh đảng ». Quan-niệm này được bộc lộ trong 2 bài diễn-văn của Lưu.

Bài thứ nhất vào tháng 5-1957 đọc trước sinh viên tốt nghiệp Viện Địa-chất-học Bắc-kinh liên quan đến vấn đề cán-bộ và quần chúng, Lưu nói : « Nhược điểm của giới trí thức thành thị từ ngàn xưa vẫn là khinh thường Lao động thôn quê, nó sẽ đưa đến bệnh quan-liêu. Nếu không chống nổi bệnh quan-liêu thì chúng ta sẽ bị đào thải ». Theo Lưu muốn chống bệnh quan liêu một cách có hiệu quả, phương-pháp tốt nhất là phương pháp « dân chủ hạn chế » chứ không phải phương pháp « dân chủ mở rộng » nghĩa là dùng phương pháp phê bình và tự phê bình trong một nhóm hạn chế chứ không nên đưa cán bộ ra phê bình công khai trước quần chúng.

Sở dĩ Lưu chọn phương pháp

này, không những vì không tin lắm ở sự trưởng thành chính trị của quần chúng nông dân mà cũng vì Lưu vốn ưa kỷ luật và trật tự, không thích tranh đấu kiểu Mao. Lưu nói : « Hằng hái là cần thiết nhưng cũng cần phải điều độ, nếu không thì không thể đi xa được. Đời còn dài, không cần phải vội vàng, vội vàng sẽ đưa đến rối loạn ».

Bài thứ hai vào tháng 4-1957 đọc trước một hội nghị cán-bộ chỉnh đảng tại Thượng-hải liên quan đến vấn đề giải quyết những mâu thuẫn trong dân chúng. Lưu chủ trương phương pháp nhẹ nhàng như « gió thổi mưa bay », còn Mao thì chủ trương phương pháp mạnh mẽ như « bão tố sóng lớn » « để giải quyết những mâu thuẫn trong xã hội Trung-quốc ». Lưu phân biệt 2 thứ mâu thuẫn, một thứ mâu thuẫn giữa dân chúng với nhau, phải giải quyết một cách nhẹ nhàng êm đẹp, chứ không phải giải quyết vũ bão như thứ mâu thuẫn giữa ta và địch mà Lưu gọi là mâu thuẫn trái ngược. Về điểm này, chính Mao cũng đã nói : « Những cuộc tranh đấu giai cấp đại-quy-mô và quyết liệt nay đã thuộc vào dĩ vãng. » Như vậy là giữa 2 người cũng không khác nhau lắm, chỉ khác ở chỗ là Lưu đã phân biệt rõ ràng 2 thứ mâu-thuẫn và chủ trương nhẹ nhàng trong việc giải quyết mâu thuẫn nội bộ, điều mà có lẽ Mao không nghĩ như vậy. Theo Mao tranh đấu nội bộ cũng cần phải quyết liệt như tranh đấu với kẻ thù.

Trong thời-kỳ « bước tiến nhảy vọt »

(1958), Lưu hoàn toàn đồng ý với Mao cần phải phát triển kinh tế thật nhanh ngõ hầu đưa Trung-Quốc ra khỏi tình trạng nghèo nàn và chậm tiến hiện nay. Nhưng nếu Lưu đồng ý cần phải tiến nhanh tiến mạnh thì lại không đồng ý về đằm tạo thể bất-quân-bình để nhảy vọt.

Theo Mao viết trong cuốn «60 bài về phương pháp làm việc» vào tháng 1-1958 thì thể bất-quân-bình là một định-luật khách-quan và đều khắp. Thể bất-quân-bình là một hiện-trạng thường cửu và tuyệt đối, còn thể-quân-bình chỉ là một hiện trạng tạm thời và tương đối mà thôi. Lưu phát triển thêm: « Thể quân-bình bao giờ cũng là tạm thời, có điều-kiện và tương đối. Không thể nào có thể quân-bình tuyệt-đối ». Thật là hết sức tế-nhị để phân biệt sự khác nhau giữa 2 người ở đây. Mao coi thể bất-quân-bình là một yếu-tố động đưa đến tiến-bộ. Còn Lưu thì coi thể-quân-bình như là một cái gì mà người ta phải tranh đấu để thực hiện, dù là nó rất tương đối. Lưu vẫn muốn bám lấy một cái gì chắc chắn, khác hẳn với Mao muốn đẩy cho mọi sự vật vào thể bất-quân-bình để thực hiện sự tiến bộ không ngừng. Vì thế mà Mao đã chủ trương « bước tiến nhảy vọt » để tạo ra thể bất-quân-bình đó.

Một khác biệt nữa giữa hai người trong thời kỳ này liên quan đến thái độ đối với Liên-xô. Khẩu hiệu trong thời kỳ này là: « Bắt kịp Anh quốc trong vòng 15 năm ». Tháng 12-57, Lưu tuyên bố: « Trong vòng 15 năm, Liên xô sẽ bắt kịp hay vượt Hoa-kỳ vì mức độ sản xuất kỹ nghệ và nông

ngiệp, trong khi đó Trung-Quốc sẽ vượt Anh-quốc về sản xuất sắt thép và nhiều sản phẩm kỹ-nghệ khác... »

Tháng 1-1958, Mao cũng tuyên bố về vấn-đề đó, nhưng không nói gì tới Nga-sô. Mao chỉ nói: « Trung Quốc có dân số lớn lao, đất rộng bao la và tài nguyên dồi dào, lại có lịch-sử hơn 4.000 năm văn hiến, ấy thế mà vẫn không bằng nước Bỉ. Nhân dân Trung Quốc rất cần cù mà sản xuất thép của Trung Quốc vẫn còn rất thấp ». Tuy nhiên Mao vẫn tỏ ra tin tưởng vào tương lai và nói: « Chúng ta không thể tự ví với Bỉ quốc mãi được. Chúng ta phải tiến mạnh và vượt lên và chúng ta sẽ bắt kịp Anh quốc trong vòng 15 năm ». Lưu đề ý đến chung cả phe xã-hội chủ-nghĩa, đứng đầu là Liên xô. Mao cũng biết như vậy nhất là từ khi Nga phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên (11-1957) và Kroutchev tuyên bố sẽ bắt kịp Hoa-kỳ trong vòng 15 năm, hơn nữa Mao cũng đã từng đưa ra khẩu hiệu « Gió Đông thổi bạt gió Tây ». Tuy nhiên ở đây Mao chỉ nghĩ đến Trung Quốc. Có lẽ Mao không muốn Trung Cộng mãi mãi là một đồng minh lép vế của Nga. Ngay từ năm 1950, Mao cũng đã coi Liên-xô như là một tấm gương phải theo, nhưng đó là một sự cần thiết bắt buộc dĩ. Còn đối với Lưu, thì đó là một lẽ tự nhiên. Nga xô giữ vai trò lãnh đạo khối Cộng-sản, hơn Trung quốc là lẽ dĩ nhiên, Trung Quốc có phải học cũng chẳng có gì là nhục nhã. Còn Mao thì coi sự phụ thuộc đó như là một cái gì thương tổn cho quốc-thê Trung-Hoa. Vì thế mà sau này Mao

đã chia lịch sử của Trung Cộng ra làm 2 thời kỳ :

— Thời kỳ thứ nhất cho đến năm 1958, Trung Cộng vì thiếu kinh nghiệm và không thể làm thế nào hơn được nên đã phải theo mẫu Liên-xô.

— Thời kỳ thứ hai từ sau 1958, khi Cách-mạng Trung-Hoa tiến triển đã có những nét sáng tạo và đặc thù, Trung Cộng có một đường lối phát triển riêng biệt.

Sự khác nhau giữa hai người về phương diện này cứ mỗi ngày một rộng lớn và một sâu sắc, nhất là từ năm 1959, khi Lưu chính thức thay thế Mao trong chức vụ « Chủ-tịch nước Cộng-hòa Nhân-dân Trung-hoa ». Mao chỉ còn giữ chức « Chủ-tịch Đảng » mà thôi. Có thể là Mao vì thất bại trong « bước tiến nhảy vọt » nên muốn bỏ công tác chính quyền cho Lưu để chuyên chú vào công tác Đảng. Nhưng việc này cũng làm Mao thương tổn một phần nào uy tín và đã đưa Lưu lên địa-vị số 2, gần ngang hàng với Mao, hình ảnh của hai người được treo song song với nhau. Dần dần ta thấy xuất hiện rõ ràng hai đường lối của 2 lãnh tụ mỗi ngày một khác biệt nhau. Trong khi Mao nhận thấy cần phải loại bỏ một vài phương pháp cực đoan hay một vài tham vọng quá lớn đã làm cho « bước tiến nhảy vọt » thất bại, thì Lưu lại còn đi xa hơn và chỉ trích thuyết của Mao về thể bất-quân-bình trên bình-diện kinh-tế và cho rằng cần phải lập lại thể quân-bình thì nền kinh tế mới có thể tiếp tục tiến nhanh

và mạnh được.

Tuy nhiên, Lưu cũng không bác bỏ hẳn quan-điểm của Mao về phương diện kinh tế. Lưu chỉ đưa ra ý kiến là cần phải thực tế và bớt lý-tưởng đi đôi chút. Lưu nói : « Người ta đi sang tả một chút, rồi cũng phải đi sang hữu một chút, có như thế mới đạt được mục đích ».

Năm 1960, Lưu lại càng đi xa đường lối Mao hơn bằng cách chủ trương rằng khi huấn luyện các chuyên viên, không cần thiết phải bắt buộc họ gia nhập Đảng hay hoạt động chính trị. Năm 1962, Lưu đã chỉ trích nặng nề chính sách « bước tiến nhảy vọt », cho rằng chính sách đó đã phá hoại thể quân-bình của nền kinh tế Trung-Hoa. Lưu cho rằng thất bại đó 30 % do thiên nhiên và 70 % do người. Ông nói : « Vì bước tiến nhảy vọt » nhảy nhanh quá nên sau 3 năm nhảy, phải mất 7 năm để khôi phục lại trật tự » và « Khi Chủ-tịch Mao nói : tình thế rất tốt, đó là ông nói về chính trị, còn về kinh tế thì không thể nói là tốt được mà phải nói là xấu ».

Trong khi đó thì Mao đã quan-niệm vấn-đề như thế nào ? Mao nói : « Trong 4 năm qua, đường lối của chúng ta đúng, chúng ta có phạm một số sai lầm trong khi thi-hành, nhưng chúng ta đã rút được kinh-nghiệm. Như thế là ta đã mạnh hơn trước chứ không phải yếu hơn ». Tuy Mao có trích dẫn Lưu Thiếu Kỳ trong lời tuyên bố trên, nhưng ta cũng thấy rõ

mâu thuẫn giữa 2 người mỗi ngày một sâu sắc.

Đến năm 1962, mâu thuẫn giữa 2 người đến mức độ không còn thể dung hòa được nữa. Ví dụ như trong thái độ đối với Liên-xô, Mao và Lâm Bưu chủ trương học tập kinh-nghiệm tiến tiến của Liên-xô với một tinh thần phân tích và chọn lọc, phối hợp với những sáng tạo riêng biệt của Trung Quốc. Lâm Bưu lại còn đi xa hơn về vấn đề học tập chiến lược chiến thuật của Hồng-quân, khi ông nói: « Chúng ta đã có Mao Chủ-tịch, chúng ta không cần phải học họ nữa ». Còn Lưu thì vẫn chủ trương cần phải học tập Liên-xô. Từ năm 1961-62, thái độ của Mao đối với Kroutchev rất là cứng rắn và nhiều khi thù nghịch. Nhưng thái độ của Lưu thì vẫn nhã nhặn ôn hòa. Mấy tháng trước khi các cố vấn Liên-xô sắp rút về hết, Lưu còn cảnh-giác mọi người đừng có nghe các nhà báo và các học-giả Tây-phương khi họ cho rằng có 2 thứ «mác-xít»: một thứ «mác-xít bảo thủ» của người Nga mà họ ca ngợi và một thứ «mác-xít cách-mạng» của người Tàu. Lưu cho rằng làm như thế họ có ý phá hoại sự thống nhất của phe xã-hội chủ-nghĩa.

Đến khi xảy ra tranh chấp biên giới Nga-Hoa (11-1963), mặc dầu Lưu cũng công kích Liên-xô, nhưng Lưu cho rằng không nên lo việc Liên-xô sẽ cấu kết với Hoa-kỳ để tấn công Trung Quốc vì quyền lợi của hai nước đó hoàn toàn trái nghịch nhau. Về

binh-đồ đã buộc tội ông là « cơ hội hữu khuynh » vì đã có thái độ khoan dung với bọn « xét lại hiện đại ». Còn thái độ của Mao thì khác hẳn. Theo Mao thì Nga cũng là một thứ đế-quốc như Mỹ, bởi thế nên mới có danh từ: « đế-quốc xã-hội Liên-xô ». Họ chỉ là những siêu cường, áp bức các dân tộc yếu kém. Như vậy là Mao đã nhất quyết gạt bỏ sự lãnh đạo của Liên-xô, coi Liên-xô với Hoa-kỳ là cùng một ruộc, cùng một hạng đế quốc...

Đối với Lưu, dù tình thế giữa Nga và Trung Cộng căng đến đâu, Lưu vẫn coi Nga là một phe với mình. Riêng về việc Mỹ ném bom Bắc-Việt vào năm 1965—1968, Lưu muốn vận động để Nga can thiệp đòi Mỹ ngưng oanh tạc. Còn Mao thì cho rằng vô ích vì Nga và Mỹ cùng là đế-quốc. Hơn thế nữa, qua cuộc xung đột biên giới Nga-Hoa năm 1969, Mao coi Liên-xô còn nguy hiểm hơn cả Mỹ. Vì thế cho nên việc xích lại gần Mỹ để chống Nga, đối với Mao là một việc hợp lý, còn đối với Lưu thì là một việc không thể chấp nhận được vì Nga dù sao cũng thuộc phe Cộng-sản...

Vì chủ trương chiến lược của 2 người, cả về phương diện đối nội lẫn đối ngoại, mỗi ngày một khác biệt nhau như vậy, nên đến năm 1965 Mao đã quyết định không còn thể hợp tác với Lưu được nữa. Đã không hợp tác được thì phải tìm cách gạt Lưu ra khỏi bộ máy Đảng và guồng máy chính quyền. Vì thế cho nên

Mao đã phát động cuộc « Đại Cách mạng Văn-hóa » để thanh lọc hàng ngũ đảng, gạt bỏ những ảnh hưởng tư tưởng của Lư. Cuộc cách mạng văn hóa đó dựa trên lực lượng của thanh niên là giới được rèn luyện theo tư tưởng của Mao, dùng lực lượng đó để phá tất cả những cái gì trái với tư tưởng của Mao và bất cứ ai, dù là ở trong hay ngoài Đảng, chống lại sự lãnh đạo của Mao. Không những Lư Thiếu Kỳ và những người theo ông trong khắp các tổ chức của Đảng và công-đoàn bị đề bẹp mà cả những người có tư tưởng lừng chừng như Trần Nghị, cựu Ngoại-trưởng Trung Cộng, cũng bị loại ra ngoài. Chỉ có Chu Ân Lai với thái độ mềm dẻo và khôn khéo của ông là thoát ra khỏi cuộc thanh trừng, để lại tiếp tục leo cao hơn khi cuộc Cách mạng Văn-hóa chấm dứt.

Mấy năm gần đây, với việc Trung Cộng được gia nhập Liên-Hiệp-Quốc và với việc Bắc-kinh bắt tay với Hoa-kỳ với thái độ thù nghịch của Bắc-kinh đối với Mạc-tư-Khoa mỗi lúc một rõ rệt, ta thấy đường lối của Mao đã được áp dụng một cách triệt để. Người thi hành đường lối đó một cách có hiệu quả không phải là Lâm Bưu vì Lâm-Bưu chỉ là một chánh-trị-gia

hoạt động quốc nội, ít tiếp xúc với các nước Cộng-sản và tuyệt đối không hề tiếp xúc với các nước Tây phương, nên không thể thi hành được đường lối đối ngoại của Mao. Người thi hành đắc lực đó chỉ có thể là Chu-Ân-Lai và ê-kíp của ông. Nhưng từ nay cho tới khi Mao chết, không biết những chuyện gì còn có thể xảy ra. Lư, tuy đã bị hạ bệ, nhưng ảnh hưởng tư tưởng của ông chưa hẳn là đã bị hoàn toàn xóa bỏ. Với sự xoay vần của thời cuộc, quốc-nội cũng như quốc ngoại; chưa biết chừng một ngày nào đó tư tưởng của ông lại có cơ được người ta nhắc tới.

Hiện nay, thế giới tự do vẫn còn biết rất ít về Trung Cộng và về các giới lãnh đạo của nó. Vì thế cho nên Trung Hoa lục-địa vẫn còn là một bí mật mà các chuyên viên Tây phương vẫn phải luôn luôn tìm hiểu để có thể thấy được khả-năng và chiều-hướng của những nhân vật đang nắm vận mệnh của 750 triệu nhân dân Trung Quốc đè nặng trên cán cân lực lượng thế giới. (1)

VIỆT - PHƯƠNG

(1) Bài này viết phỏng theo ý-kiến của giáo sư Stuart R. Schram, Giáo-sư Chính-trị-học trường Đại-học Luân-đôn, chuyên nghiên cứu về vấn đề Trung-Hoa và cũng đã từng giảng dạy tại Đại-học-đường California (Berkeley) về vấn-đề này,

15-9-72 phát-hành :

THƯ ƠI TỪ ĐÓ

Tập thơ thứ 4 của TƯỜNG-LINH

In toàn trên giấy đẹp — số-lượng hạn-chế — các bạn ở xa muốn có sách hãy biên thư kèm bưu phiếu 250đ.00 về ông Nguyễn-Linh, 68, đường 5, xã Phế-binh Phước-Bình, Quận Thủ-Đức — Tỉnh Gia-Định.

An-ninh Âu châu trước mắt Điện Cẩm-Linh

Trong những năm vừa qua vấn đề an ninh Âu châu được người ta bàn cãi rất nhiều. Thật vậy song song với chính sách sống-chung hòa-bình của hai phe Cộng-sản và Tư-bản, viễn-tượng một cuộc chiến tranh thế giới càng ngày càng xa. Và các quốc gia Âu-châu càng ngày càng tin tưởng rằng nền hòa-bình hiện thời không còn bị đe dọa như cách đây 20 năm nữa. Vì tin tưởng rằng an ninh được bảo đảm lâu dài nên tại Âu-châu người ta càng ngày càng tỏ ra thờ ơ trước các hệ-thống liên-minh quân-sự. Họ cho rằng trong tình-hình ổn-định của thế-giới ngày nay không một quốc-gia nào còn dám nuôi mộng gây hấn với quốc-gia khác nữa. Thái độ thờ ơ trước các Minh-ước đã tạo nên một tình trạng mới tại Âu-châu. Trong khi các quốc-gia Âu-châu chưa kết hợp được đủ chặt chẽ để trở thành một lực-lượng quân-sự hùng hậu có thể tự bảo vệ lấy an-ninh của mình thì người ta đã tính chuyện loại bỏ ảnh-hưởng của Hoa-kỳ. Các lãnh-tụ Điện Cẩm-linh đã lợi dụng tâm trạng của các quốc-gia Âu-châu để đưa ra một kế-hoạch bành-trướng mới, vì mục-tiêu chính của Nga tại Tây-Âu luôn luôn là tìm cách thay thế Mỹ ở vùng này.

Sự tan rã của các khối liên phòng

Năm 1945 khi cuộc Đệ-nhi thế-chiến vừa chấm dứt thì thế-giới đã bước vào một tình trạng mới lạ. Đó là một thế-giới « song cực ». Trong khi các đại-cường cò - điển như Anh, Pháp, Đức và Nhật bị suy đồi và lu mờ trên bàn cờ quốc tế thì hai siêu cường Nga và Mỹ xuất hiện chia nhau ảnh-hưởng trên hoàn-cầu.

Từ địa-vị của 2 đồng-minh trong cuộc Thế-chiến, hai siêu cường Nga, Mỹ đã trở thành 2 kẻ thù không đội trời chung vào thời hậu chiến. Giữa hai cực Nga và Mỹ thế-giới có một khoảng trống chính-trị và quân-sự bao la. Vì cả hai bên, nhất là Nga, đều muốn nhảy vào lấp chỗ trống này nên chỉ hơn một năm sau khi chiến tranh chấm dứt, những đe dọa của một cuộc chiến tranh mới lại tái xuất hiện.

Để ngăn chặn bước tiến của Nga về phía Tây-Âu, Hoa-kỳ đã cùng với Gia-nã-đại, Đan-mạch, Pháp, Tây-Đức, Anh, Hy-lạp, Islande, Ý, Lục-xâm-bảo, Hòa-lan, Na-uy, Bồ-đào-nha và Thổ-nhĩ-kỳ lập Minh-ước phòng thủ Bắc Đại-Tây-Dương vào

năm 1954. Ngoài Hoa-kỳ và Gia-nã-đại tất cả các nước hội-viên đều thuộc vùng Tây-Âu không cộng-sản. Quân-đội của các quốc-gia hội-viên được hội nhập trong Minh-ước và được đặt dưới quyền chỉ-huy thống nhất. Hiện thời Minh-ước Đại-Tây-Dương có khoảng trên 3 triệu lính sẵn sàng đương đầu với mọi âm mưu gây hấn của Nga.

Năm 1955 tức là một năm sau khi Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương được thiết lập, Nga cũng phản-ứng lại bằng cách lập ra Minh-ước Varsovie qui tụ tất cả các nước Cộng-sản Đông-Âu.

Nhờ sự hiện diện của 2 Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương và Varsovie, Âu-châu đã thoát khỏi một cuộc chiến tranh xâm lược của phe Cộng-sản. Hai Minh-ước với lực lượng tương đương đã ngăn chặn lẫn nhau và làm ổn-định tình hình thế-giới. Tình hình thế-giới càng được ổn định hơn nữa và hòa-bình ở Âu-châu càng được củng cố hơn nữa khi mà cả Nga và Mỹ đều đẩy mạnh việc sản xuất các vũ khí nguyên-tử và hạch-tâm. Để tránh một cuộc tự sát tập thể các đại cường không còn dám tính tới việc dùng chiến tranh làm phương-tiện thực-hiện các mục-tiêu quốc-gia nữa. Đó là một giai-đoạn mà hòa-bình và an-ninh Âu-châu được đặt trên cái mà người ta gọi là thể «quân bình của khiếp sợ» (Balance of terror)

Bắt đầu vào thập niên 1960 trở đi

giai đoạn «quân bình của khiếp sợ» được thay thế bằng giai-đoạn «sống chung hòa bình». Tại cả hai phe ngoại trừ những cuộc thử thách địa phương như chiến tranh Việt-nam, chiến tranh Đông Hồi v.v..., người ta gần như loại bỏ hẳn chiến tranh vì chiến tranh sẽ đưa tới những hậu quả quá trầm trọng cho tương lai của nhân loại.

Khi nhân loại bước vào thập niên 1970 thì nền hòa-bình thế-giới lại được củng cố hơn lên vì khoảng trống chính-trị và quân-sự do cuộc Đệ-nhiệ Thế-chiến đã được lấp tại Á-châu với sự xuất hiện của Trung-Cộng và tại Âu-châu với khối Thị-trường Chung 10 nước Tây-Âu.

Trong bối cảnh hòa-bình này các quốc-gia Âu-châu bắt đầu cho rằng các Minh-ước không còn đáp ứng với nhu-cầu an-ninh của họ nữa. Tại Tây-Âu người ta càng ngày càng tin rằng Hoa-kỳ không đời nào lại can thiệp ở Á-châu bằng vũ-khí nguyên-tử nếu an-ninh của chính Hoa-kỳ không bị trực tiếp đe dọa. Ngay cả người Mỹ cũng nghĩ như vậy. Từ năm 1959 Bộ-trưởng Ngoại-giao Mỹ Christian Herter cũng có một luận điệu tương tự trước Ủy-ban Ngoại-giao Thượng-viện. Và người Âu-châu tự hỏi như vậy duy trì Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương làm gì nếu không là để cho Mỹ có một phương-tiện để thống trị Âu-châu. Càng tiến bộ và phát triển, các quốc-gia Âu-châu càng chống đối lại địa-vị thống-trị của Hoa-kỳ. Nhất là hiện

nay với chính sách sống chung hòa bình của Nga và Mỹ, với một thể quân-bình lực-lượng mới, chiến tranh khó có thể xảy ra, thì không còn lý do gì mà người ta tiếp tục đặt quân đội của mình dưới quyền chỉ-huy của các tướng lãnh ngoại quốc nữa dù là các tướng lãnh đồng-minh.

Vì vậy mà Tướng De Gaulle đã là người đầu tiên quyết định rút quân ra khỏi Minh-ước Đại-Tây-Dương vào năm 1966. Và các quốc-gia hội-viên khác như Na-uy và Đan-mạch cũng như Gia-nã-đại cũng đã tìm cách « giải kết » khỏi Minh-ước.

Ngay tại Hoa kỳ nhiều người Mỹ cũng có một thái độ tương tự. Thượng Nghị-sĩ Mike Mansfield vào tháng 5-71 đã đưa ra quyết định yêu cầu hành pháp rút một nửa quân số Mỹ ở Âu-châu trở về. Tuy quyết-nghị này bị Thượng-viện Mỹ bác, nhưng hiện nay Thượng Nghị sĩ McGovern vẫn tiếp tục dùng việc rút quân khỏi Âu châu làm đề tài tranh cử Tổng Thống của mình ».

Tại phe Cộng-sản một vài nước cũng có một thái độ như vậy đối với Minh-ước Varsovie. Lỗ-mã-ni luôn luôn sợ rằng Minh-ước Varsovie được Nga dùng làm công cụ để kiểm soát và xâm lăng các nước chư hầu Đông Âu. Việc Nga dùng quân đội của Minh-ước Varsovie để xâm lăng Tiệp khắc vào tháng 8-1968 lại càng cho các nước Cộng-sản Đông-Âu lý do để

lo ngại.

Trước thái độ thờ ơ với Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương của các nước Tây Âu, Nga-sô đã áp dụng một kế hoạch hết sức xảo quyệt để xâm nhập vào vùng này bằng phương tiện ngoại-giao.

Kế-hoạch xâm nhập của Điện Cẩm-Linh

Khi mà Minh-ước Bắc Đại Tây Dương còn được duy trì thì Nga không có hy vọng tính chuyện xâm nhập vào vùng Tây-Âu. Mỗi hành động gây hấn võ-trang của Nga đều có hậu quả trầm trọng tới nền an-ninh của thế-giới. Vì vậy Nga cố tìm cách lợi dụng các kẽ hở của Minh-ước Bắc Đại-Tây Dương để bành trướng về phía Tây Âu.

Theo một nhà ngoại-giao Trung Cộng ở Paris, thì kế-hoạch xâm nhập của Nga gồm 3 điểm và 3 giai đoạn : Trước hết là hợp-thức-hóa các đường biên-giới của Nga ở Trung-Âu. Thứ hai là loại Mỹ khỏi Âu-châu. Giai đoạn ba và giai đoạn chót là tự do hoành hành khi không còn một lực lượng nào ngăn cản.

Hai điểm đầu đã được các lãnh-tụ Điện-Cẩm-linh cố gắng áp-dụng trong khoảng thời-gian 3 năm vừa qua. Ngay từ tháng 11/1966 khi ông Willy Brandt, lãnh tụ Đảng Xã-hội lên nắm quyền Thủ-tướng tại Tây-Đức, Điện Cẩm-linh đã cố gắng thương-thuyết với ông để ổn định bang giao
(Xem tiếp trang 56)

Thương thảo về từ-nguyên của hai tiếng « CÁI » và « CON »

IV— NGUỒN GỐC CỦA LOẠI-DANH CÁI VÀ CON

Cái không phải là một tiếng có gốc hoa-ngữ.

Con không phải là một tiếng có gốc ở thái-ngữ.

Cả hai tiếng *cái* và *con* đều không phải do mã lai-ngữ truyền sang việt-ngữ.

Vậy, nguồn-gốc của hai loại-danh này là ở đâu ?

Tôi xin thú thực rằng, khi viết về « Xã-hội và văn-hóa thái-cổ Việt-nam », tôi hoàn toàn không có một ý-niệm gì về vấn-đề này cả. Tôi không đề ý đến từ-nguyên-học. Danh-từ việt đã được nghiên cứu trong cơ-cấu ngữ-pháp, nghĩa là theo khía-cạnh đẳng-thời của ngữ-lí-học, và do sự phân-tích cơ-cấu ấy, tôi đã tái-lập cái vũ-trụ-quan của người Lạc-Việt. Nhưng tôi không đặt vấn-đề nguồn-gốc của một tiếng. Bài thương-thảo của ông Bình Nguyên Lộc đã đến với tôi như một... viên đạn lạc, bỗng nhiên ở đâu rơi xuống, mà lại rơi trúng ngay vào cái chỗ yếu nhất của mình như tất cả các viên đạn lạc ! Bởi vậy nên tôi đã phải nghiên cứu lại tất cả vấn-đề.

« Tất cả vấn-đề » ở đây không có nghĩa là hai tiếng *cái* và *con*. « Tất cả vấn-đề » là tất cả vấn-đề nguồn-

gốc của việt-ngữ. Người ta không thể tách rời ra hai tiếng nhỏ ra để mà xét, mà không cần biết gì đến cái toàn thể của ngôn-ngữ cả. *Cái* và *con*, như tất cả các tiếng khác trong việt-ngữ, ở trên hai cái trục ; hai cái trục ấy liên hệ liên-đối với nhau để làm thành ra ngôn-ngữ: nói theo Ferdinand de Saussure, thì là hai trục của *cái-chỉ* và *cái-được-chỉ*, của *signifiant* và *signifié* và nói theo Hjelmslev thì là bình-diện của nội-dung và bình-diện của biểu-hiện, *plan du contenu* và *plan de l'expression*. *Cái-chỉ* và *cái-được-chỉ*, đều có cơ-cấu và ở trong một cơ-cấu. Một ngôn-ngữ là một hệ-thống làm bởi sự ráp hai cái trục (hay hai cái bình-diện) lại với nhau một cách chấp-định đã được nhận là qui-mức bởi truyền-thống của cộng-đồng. Như Trang - Tử đã viết : « danh là khách của thực », *cái-chỉ* (danh) và *cái-được-chỉ* (thực) là hai cái khác nhau đã được ghép vào với nhau trong một thời-gian mà thôi. *Cái* danh không có ở trong *cái* thực.

Trên bình-diện nội-dung, *cái* và *con* phân định hai khu-vực trong vũ-trụ của sự sống. Trong cơ-cấu ý - nghĩa của việt - ngữ, hai tiếng không hoàn-toàn đối nghịch nhau; thực ra thì phải nói rằng

cái bao trùm con, cho nên 1- có khi hai tiếng này đi với nhau được, theo thứ-tự bắt buộc là *cái con* A_1 : và 2- có những trường-hợp nói được là *cái* A_1 (như *cái kiến* ~ *con kiến*). Vì tính-cách bao-trùm này, nên có thể nói rằng hệ-thống danh-từ của việt-ngữ có tính-cách bất-đẳng-hướng (anisotrope): hai điểm cơ-cấu trên không có điểm phản-nghịch.

Cái và *con* lại được phân ra thành nhiều loại và tiểu-loại nữa. Danh-từ việt-ngữ cho phép chồng chất một, hai, ba hay bốn loại-danh lên trên một biệt-danh, như:

cái con dế mèn
 $\pm A_4 \pm A_3 + A_2 + A_1$
 hoặc *cái cây rau cải tàu-trâu*
 $\pm A_5 \pm A_4 \pm A_3 + A_2 + A_1$

Những đặc-điểm này là biểu-hiện của một cơ-cấu ý-nghĩa rất đặc-sắc, mà việt-ngữ chỉ có chung với một số môn-khmer-ngữ (như *mnông chrau*, *brôu*,...) mà thôi.

Hoa-ngữ cũng như mālai-ngữ, không có những đặc-điểm này. Hoa-ngữ có số-danh, mà không có một hệ-thống loại-danh như việt-ngữ. Việt-ngữ cũng có vay-mượn của hoa-ngữ những số-danh như *phong*, *bao*, *bì*, *bánh*, *hòn*, *viên*, *sự*, *tình*, nhưng những số-danh này đều được lồng vào trong cái khung của cặp *cái/con*. Còn mālai-ngữ thì có loại-danh, như *burong* «chim», *ikan* «cá», *udong* «tôm», *ular* «rắn», *chaching* «run», *belalang* «bọ» *pohon* «cây», *kachang* «đậu» v.v...

nhưng không có hai loại-danh tương đương với cặp *cái/con*, và không có cơ-cấu bao-trùm trong hệ-thống loại-danh.

Trên đất nước Việt-nam, có lẽ chỉ có các ngữ nùng, thổ thuộc ngữ-tộc thái là có một sự phân-biệt tương đương với *cái/con* trong việt-ngữ. Nhưng ngay cả các ngữ này cũng không theo mẫu-hình bao-trùm, và không cho phép sự chồng-chất hai loại-danh trong cấu-tạo của một danh-từ.

Trong khuôn-khò của một bài báo, tôi rất tiếc không thể đi sâu vào trong những vấn-đề này được. Cuốn *Nguồn-gốc Việt-ngữ* sẽ trình bày những điểm vừa được nêu ra một cách rõ-ràng hơn với nhiều dẫn-chứng. Ở đây, tôi chỉ cần xác định lại rằng: trên bình-diện nội-dung, cơ-cấu của danh-từ việt-ngữ chứng minh rằng việt-ngữ thuộc dòng môn-khmer của ngữ-tộc nam-á, với vài nét cơ-cấu do sự tiếp-xúc trong khu-vực tạo ra. Những tiếp-xúc quan-trọng nhất là với thái-ngữ và mālai-polinesi-ngữ, trước khi có sự xâm-nhập của hoa-ngữ với hệ-thống số-danh của ngữ này.

Bình-diện biểu-hiện là bình-diện của các hình-thức ngữ-âm. Tiếng *cái* và tiếng *con* là hai hình-thức ngữ-âm khá phức-tạp đã được dùng để chỉ hai cái khu-vực phân loại mà ta vừa nói đến trong một đoạn trên. Tại sao lại hai tiếng ấy chứ không phải là hai tiếng khác? Đứng về phương-

diện triết-lí ngôn-ngữ, thì sự dùng hai tiếng này để chỉ hai cái ấy chỉ là do một sự chấp-định mà thôi. Nhưng đứng về phương-diện lịch-sử ngôn-ngữ, thì sự dùng hai tiếng đặc-biệt ấy phải có một lí-do và lí-do này chỉ có thể là một trong ba điều :

1.— Những tiếng trên là tiếng truyền lại từ nguồn-gốc của một ngôn-ngữ : Trong trường-hợp này, thì những ngôn-ngữ cùng thuộc về một ngữ-tộc với ngôn-ngữ nói trên, tức là những ngôn-ngữ có chung một nguồn-gốc có thể còn giữ những tiếng cùng-gốc với *cái* và *con*. Sự nhận-diện những tiếng cùng-gốc (cognate) đặt căn-bản trên những định-luật di-chuyển âm vị ;

2.— Những tiếng trên là tiếng tân-tạo trong một dòng của một ngữ-tộc : Trong trường-hợp này, thì chỉ có những ngữ thuộc dòng này là có thể có những tiếng cùng-gốc ấy mà thôi (trừ khi tiếng tân-tạo quá mới trong một ngôn-ngữ chưa bị phân chia) ;

3.— Những tiếng trên là tiếng vay-mượn (emprunt) ở một ngữ khác, do sự tiếp-xúc của hai nhóm người thuộc hai ngữ khác nhau ; thí-dụ như :

cù-lao, lạ-cái (vay-mượn của mǎlai, chàm)

tài-xế, thờ-mộ (vay-mượn của hoa-ngữ)

bù-loong, mô-tô (vay-mượn của pháp-ngữ)

ô-kê, năm-bờ-oăn (vay-mượn của mi-ngữ).

Sự di-chuyển âm-vị trong nhóm sau-cùng này tạp biệt hơn hai nhóm trên, và đem vào trong một ngôn-ngữ những tiếng mới, có cấu-tạo âm-vị khác-thường, chẳng hạn như *văn [-ec]* với *việt-ngữ* hoặc *tiền-văn cù, bù, ô-, lạ...* trong cấu-tạo của tiếng), và có thể có một cấu-tạo dạng-vị khác thường nữa (như *sư-tử, bạch-quả, mô-bi-lét*).

Trong các môn-khmer-ngữ ở Việt-nam, có *brôu-ngữ* dùng cặp *tiền-lâm/acán* giống như cặp *cái/con* của *việt-ngữ*. *Chrâu-ngữ*, thuộc nhóm *mnong*, dùng *nam-bahnar*, dùng cặp *tiếng lâm/con* một cách in hệt như thế. *Con* *mường-ngữ* thì dùng hai tiếng *cái/con* như *việt-ngữ* (với vài sự khác-biệt không đáng kể về ý-nghĩa).

Cái cơ-cấu nội-dung thì vẫn theo một mẫu-hình truyền lại từ nguyên-thủy, chỉ thay đổi trong một vài chi-tiết nhỏ, tùy theo các sự gặp gỡ do những điều-kiện lịch-sử và địa-lí tạo nên. Nhưng những tiếng dùng để chỉ vật đã thay đổi.

Cặp *lâm/acán* của *brôu-ngữ* và *lâm/con* của *chrâu-ngữ* rõ ràng là tương-ứng với nhau trong hình-thức ngữ-âm. *Brôu lâm* và *Chrâu lâm* là những tiếng cùng gốc ; *Brôu acán* và *Chrâu con* cũng là những tiếng cùng gốc ; Sự cùng-gốc này còn được chứng minh giữa *brôu-ngữ*

và chrâu-ngữ qua nhiều cặp tiếng cùng-gốc khác, theo đó chúng ta có thể tái lập, ở một giai-đoạn nào đó của nam-á-ngữ, một cặp *lăm/akal, với những nội - dung tương - ứng. Giai-đoạn này có thể gọi là nguyên brôu-chrâu, và có lẽ có thể gọi là nguyên-brôu-nam-bahnar được.

Việt-ngữ và mừng-ngữ có chung một tiếng con với chrâu-ngữ, tức là một tiếng cùng-gốc của brôu-ngữ acán. Nhưng tiếng *lăm hay *lăm, lẽ ra phải có, nay đã mất hoặc đã biến thể thành một từ khác và đã được thay thế bằng cái. Mà cái cũng là hậu-duệ của *akal, theo những luật di-chuyển âm-vị trong việt-mừng-ngữ.

Sự bỏ rơi tiền-vận /a-/ không có ảnh-hưởng gì đến cấu-tạo của vần chính /-kal/ được dùng làm tiếng.

Vần chính /-kal/ có thể biến theo hai chiều khác nhau, trong nguyên việt-mừng-ngữ. Một đằng thì âm bên-lông [-l] thành âm mũi [-n], một đằng khác thì âm lông [-l] thành bán-âm [-y]. Nguyên-âm có thể không thay đổi hoặc cũng có thể thay đổi, trong sự di-chuyển phụ-âm cuối này. Sự biến-chuyển *kál thành con [kɔn] có làm thay đổi nguyên-âm, còn sự biến-đổi *kál thành cái [káy] không thay đổi nguyên-âm.

Sự biến chuyển hai-chiều này không phải chỉ có với cặp cái / con. Có nhiều tiếng khác đã di chuyển như thế. Sau đây là vài thí-dụ :

Kuy paal ;	Jeh pāl ;	Sek pāl, pol ;	Mừng pal ;	Việt bay
		Nguồn păn		bụi
Bahnar phul ;	Sek pul ;	Mừng pũl ;	Việt	
	Nguồn pun		hun	
Jeh hul ;	Bahnar thuól ;		Mừng húl ;	Việt
	Hrê thui		thồn ;	thời, thủi
Brôu koal ;	Kuy kal ;	Chrâu kal ;	Mừng kál ;	Việt cây
			kân	cối
Bahnar akal ;	Sadang kal, kan		Mừng cái ;	Việt cái

Tiếng cái sau-cùng này nghĩa là « lớn » và có lẽ cùng một từ-nguyên với tiếng cái « mẹ ». Sự đồng-âm với cái « loại-danh » rất đáng chú ý.

Ngay trong việt-ngữ, cũng còn có một số tiếng liên-hệ với nhau rất chặt chẽ về nội-dung, và có thể coi là hai biến-thể của một tiếng gốc, dùng vần */-al/.

Thí-dụ :

sạn,	sỏi
han,	hỏi
van,	vòi
lăn,	lười
dăn,	dài, đuổi
ngán,	ngại
mán,	mọi
mặn,	muội, muối

<i>lặn,</i>	<i>lội</i>
<i>sẵn,</i>	<i>sỏi</i>
<i>nguồn,</i>	<i>ngồi</i>
<i>bản,</i>	<i>mọi</i> (hai loại giấy cò)
<i>lặn,</i>	<i>lại, (lị)</i>

(Người Nam nói : « Ông có cả trăm triệu lặn » ; Người Bắc nói : « Ông ấy có cả trăm triệu lại »).

Những cặp tiếng này là kết-quả của hai chiều biến-chuyển song-song của một tiếng có vần */ - al/ trong nguyên-ngữ và chứng minh rằng *con* và *cái* chính là hai biến-thể của **akal*, thuộc một dòng môn-khmer trong ngữ-tộc nam-á.

Vì mừng-ngữ cũng có cặp tiếng *cái/con* dùng làm loại-danh (với những nội-dung hơi khác-biệt trong chi-tiết), nên chúng ta có thể kết luận

IV. MÃ LAI-NGỮ VÀ MÔN-VIỆT-NGỮ

Tất cả sự chứng minh trên đã dựa vào những căn-bản khoa-học vững-chắc nhất của ngữ-lí-học hiện-tại, tức là những tương-ứng âm-vị và cơ-cấu ngôn-ngữ. Hai tiếng *cái* và *con* đã phát xuất như hai biến-thể của một tiếng gốc là **akal*, đề chỉ hai khu-vực phân loại vạn-vật theo một cơ-cấu cở-sơ của ngôn-ngữ nguyên-thủy.

Ngôn-ngữ nguyên-thủy này là ngôn-ngữ chung cho những ngữ cùng-gốc với việt-ngữ.

Gần nhất với việt-ngữ là mừng-ngữ ; không những là mừng-ngữ ở Hòa Bình (Khế, Côi...) mà cả mừng-

rằng hai tiếng này đã xuất hiện từ nguyên-việt-mường-ngữ, nghĩa là ít nhất là mười chín thế-kỉ trước ta (có thể trước nữa). Nhưng vì hai tiếng cùng phát xuất ở một tiếng trong nguyên-ngữ (là **akal*) nên sự phát âm hai tiếng lúc đầu có lẽ không sai biệt lắm. Những tài-liệu lịch-sử ở thế-kỉ thứ XIII xác nhận rằng ở thời đó, sự phát âm còn là *kán* / *kan* hay *kál* / *kal*. Nhưng đến thế-kỉ thứ XV thì đã thành *kái* / *ko* hay có lẽ, đúng hơn, là **kái* / **koe* (vì lí-do gì, tôi sẽ nói rõ trong cuốn *Nguồn-gốc Việt-ngữ*). Cách phát âm ngày nay là *kái* / *kon* hay [kí] / [kân] khi ta nói nhanh. Đồng thời với những chuyển-biến ngữ-âm nói trên, có một sự xê-dịch trong nội-dung của cái tương-quan giữa *cái* và *con*.

ngữ ở xa hơn về phương Nam như Mày, Arem, Uy-lô, Khong Kheng, Sek, Nguồn, và có lẽ xuống tới cả biên-giới Cambutchia nữa. Chúng ta gọi cái ngôn-ngữ ở gốc của việt-ngữ và mừng-ngữ là nguyên-việt mừng-ngữ. Hai tiếng *cái* và *con*, ở những trạng-thái phát âm khác nhau (**kál* / **kwan* chẳng hạn) đã có trong nguyên-việt-mường-ngữ.

Xưa hơn nữa trong quá-khứ, là một ngôn-ngữ gốc của cả brôu-bal nar và việt-mường, trong đó **lăm* và *akal* được dùng để chỉ những khu-vực mà ngày nay ta gọi là *cái* và *con*. Ta có thể gọi ngôn-ngữ này là nguyên-việt-khmer.

Xa xưa hơn nguyên-việt-khmer, là nguyên-môn-việt. Vì những lí-do mà tôi không nói được ở đây (do giới-hạn của một tạp-chí), tôi nghĩ rằng giữa việt-ngữ và môn-ngữ, có những tương-ứng rất sát cận, nên về phương-diện ngữ-lí, phải xếp việt-ngữ ở giữa môn-ngữ và khmer-ngữ trong sự thân-tộc nguồn-gốc. Nhưng về phương-diện địa-lí, việt-ngữ đã di về cõi Cực Đông, còn môn-ngữ thì di về phương Tây, (với khmer-ngữ ở giữa), nên tôi đã gọi dòng này là nguyên-môn-việt.

Xưa hơn cả nguyên-môn-việt, là nguyên nam-á-ngữ, bao gồm cả những ngữ đã sớm li khai khỏi cái gốc chung để phát triển ở những chân trời riêng-biệt, như wa, palaung, munda, nicobar và có lẽ cả khasi-ngữ nữa.

Đây là ngữ-tộc nam-á như đã được lập nên bởi W. Schmidt, Priludzki và tu bổ, sửa chữa bởi các nhà ngữ-học mới như Pinnow, Shafer, Seboek, Thomas... Tất cả các nghiên-cứu riêng của tôi về việt-ngữ xác nhận cái sơ-đồ chung này, với một vài chi-tiết mà các nhà ngữ-học chuyên-môn về môn-khmer-ngữ có thể nhận thấy qua sự trình-bày sơ-lược trên.

Trong sự phát-triển của nam-á-ngữ, đã có những sự tiếp-xúc tiền-sử lâu-dài với những ngôn-ngữ thuộc các ngữ-tộc khác. Từ những tiếp-xúc đó, có những vay-mượn tự-vưng, và khi những vay-mượn này lên tới một khối-lượng khá lớn, thì có cả những

ảnh-hưởng thâm-sâu hơn vào cơ-cấu của ngôn-ngữ.

Những tiếp-xúc còn để lại dấu-vết trong việt-ngữ là :

— với khối tibet-miền điện-lolo.

— với khối thái - miêu.

— với khối mālai - polinesi.

— và sau cùng, trong thời lịch-sử, với khối hoa-ngữ và khối ấn-ngữ.

Ở đây, tôi chỉ nói đến mālai-polinesi-ngữ mà thôi.

Mālai-polinesi-ngữ là một ngữ-tộc riêng-biệt, không cùng nguồn-gốc với môn-việt-ngữ. W. Schmidt, năm 1908, đã ghép hai ngữ-tộc này vào với nhau để xây dựng nên một đại-ngữ-tộc, gọi là Nam-phương (Austric) trên căn-bản tự-vưng, với những tiếng có hình-thức ngữ-âm giống nhau. Nhưng cho đến ngày hôm nay, 11-6-1962, chưa có một nhà ngữ-học nào chứng minh được rằng giữa nam-đảo-ngữ và nam-á-ngữ thực có những tương-ứng âm-vị khả dĩ chứng tỏ rằng hai khối ngôn-ngữ này có chung một nguồn-gốc.

Những ý-kiến của W. Schmidt về ngữ-tộc Nam-phương đã bị phê bình một cách hết sức gắt-gao (và có phần quá đáng) bởi Halévy. Không phải vì thế mà thuyết Schmidt đã bị bác bỏ. Thuyết của Schmidt đã bị phủ nhận mặc dầu uy-tín rất lớn của ông trong địa-hạt cổ-sử và triết-ngữ, vì một lí-do, là tất cả các nghiên-cứu

sau này, cho đến ngày nay, đều chứng minh rằng ngữ-tộc mǎlai-polinesi có một tính-cách thuần nhất và biệt-lập, đã cho phép tái lập được một nguyên-mǎlai-polinesi-ngữ (Dempwolff, I. Dyen), và xây dựng được những nét chính của lịch-sử phát-triển ngữ-tộc này trong thời nguyên-thủy (Murdoch).

Theo những khám-phá mới ấy, thì trung-tâm phát xuất của ngữ-tộc mǎlai-polinesi là ở khu-vực Melanesi (Hắc-đảo), tức là do những người xưa kia đã làm chủ-nhân một số đảo ở đây. Có thể có một trung-tâm thứ hai nữa, ở khu-vực Phi-luật-tân. Từ những trung-tâm này, nguyên-ngữ đã lan rộng ra gần khắp mặt Đại-dương (trừ Ứ-châu) và Ấn-độ-dương, cho tới đảo Malagasi (Madagascar). Vấn-đề xuất-xứ của những dân-tộc nói nguyên-mǎlai-polinesi-ngữ không được đặt ra trong những nghiên-cứu trên, và không thể giải quyết được bởi ngữ-lí-học. Cũng như trong nhiều vấn-đề nguồn-gốc khác (nguồn-gốc của chủng-tộc, nguồn-gốc của ngôn-ngữ...), tới một chỗ nào đó thì ta phải biết nhận định rằng biên-giới của khoa-học đã tới, và bên kia là những xây-dựng trong cõi vô-minh, để ta dừng lại.

Giữa khu-vực của nam-á-ngữ và khu-vực của mǎlai-polinesi-ngữ, có cả một vùng ở đó có những sự tiếp-xúc rộng-rãi, qua chiến-tranh và hòa-bình, bởi sự đổi-chác hiện-vật và văn-hóa, trong không biết bao nhiêu ngàn năm của tiền-sử. Ở vùng này, các ngữ gốc mǎlai-polinesi (như

chàm, jarai, radê, roglai, chru, rai, kadai ở Việt-nam; mǎlai-indonesi và thồ-ngữ ở vùng xích-đạo) đã nhiễm một số tính-cách cơ-cấu của nguyên-môn-việt-ngữ. Ngược trở lại, các ngữ gốc nam-á, đặc-biệt là dòng môn-việt, cũng nhiễm một số tính-cách cơ-cấu của mǎlai-polinesi-ngữ. Sự vay - mượn tự - vựng chỉ là một phần của sự tương - nhiễm này. Sự ảnh - hưởng, nhìn qua khía - cạnh của cơ - cấu ngữ - pháp, là một phần khác, mà tính - cách quan-trọng càng ngày càng nổi rõ, qua các nghiên-cứu ngữ-lí-học, và đã đưa đến một quan-niệm vô-cùng phong-phú về tính-cách khu-vực trong ngữ-lí-học xuyên-thời.

Việt-ngữ quả đã thâm nhận nhiều ở mǎlai-ngữ (theo cái nghĩa thông-thường của danh-từ này). Những sự tiếp-xúc giữa người Việt thái-cồ và người Mǎlai (những người nói thái-cồ-việt-ngữ và nói một cồ-mǎlai-ngữ) đã kéo dài từ lúc ban đầu của thời-đại đồng-thau, qua văn-hóa Phùng-Nguyên và văn-hóa Đông-Sơn, cho đến lúc rạng đông của lịch-sử, tổng cộng ít nhất cũng gần hai ngàn năm. Sau đó, từ thế-kỉ thứ 11 trở đi, trên bước đường Nam-tiến, dân-tộc Việt lại tiếp thu các người và định-chế Chàm. Người Chàm và văn-hóa chàm là hậu-duệ của Melanesi—Mǎlai ở đây với ảnh-hưởng của Khmer, Ấn-độ, Trung-Hoa và Arập. Về phương-diện ngôn-ngữ, thì tiếng chàm là mǎlai-ngữ, với những vay mượn của môn-khmer, và những

tầng-lớp khác, mới hơn. Một lần nữa, việt-ngữ lại có thêm một số tiếng vay-mượn của mǎlai-ngữ. Trong việt-ngữ có một vài tiếng mǎlai đã nhập tịch việt-ngữ hai lần, một lần đầu trong đêm-tối của tiền-sử, và một lần nữa trong khoảng 10 thế-kỷ gần đây. Một thí-dụ là tiếng Malai *pulau*, Chàm *culao*; lần thứ nhất đã cho việt-ngữ tiếng *đảo*, mà hoa-ngữ vay mượn của ta, đọc là Thái-cồ * *tóg*, Cồ *táu*, Kim-hoa *táo* (quan-hoa) (1); lần thứ hai, tức là mới đây, cho tiếng *cù-lao*, với một cấu-tạo tiếng còn rõ ràng là chàm, chưa được hấp thụ. Những tiếng việt mới, gốc chàm, hiển nhiên là nhiều hơn ở những vùng mới được tiếp thu vào bản-đồ Việt-nam trong triều Nguyễn: và nếu ta làm một bảng thống-kê đầy đủ các tiếng việt đã vay mượn của chàm-ngữ (tức mǎlai-ngữ) trong khoảng một ngàn năm nay, thì sẽ thấy rằng phần lớn là tên giống vật (như *baba*, *tắc-kè*...), địa-danh (như *cù-lao*, *vàm*...) và nhân-danh.

Nói như thế không phải là để giảm sự quan-trọng của yếu-tố mǎlai trong việt-ngữ. Nhưng dầu quan-trọng đến đâu chăng nữa, thì yếu-tố mǎlai cũng vẫn là một yếu-tố hậu-đắc chứ không phải là một yếu-tố di-truyền và bầm-sinh. Việt-ngữ đã nhận nhiều của mǎlai-ngữ (và ngược lại), không ở nguồn-gốc, mà qua những tiếp-xúc khu-vực.

Hệ-thống danh-từ của việt-ngữ, với hai khu *cái/con* và những lớp dưới làm bởi các loại - danh khác (*chim*, *rắn*, *run*, *cây*...) là một hệ-

thống di-truyền, bầm-sinh, ở nguồn-gốc, tức là ở nguyên-nam-á-ngữ, truyền qua nguyên-môn-việt cho tới các ngữ hiện thời như việt, mường, sek, bahnar, châu, brôu... Trong việt-ngữ, hệ-thống loại-danh có lẽ cũng đã được giàu thêm chút ít bởi mǎlai-ngữ, nhưng theo thực-tế của ngôn-ngữ mà chúng ta nói ngày nay, thì hoa-ngữ đã đem lại một phần lớn hơn gấp bội với các số danh gốc hoa.

Đó là kết-luận của tôi về vấn-đề từ-nguyên của hai tiếng *cái*, *con*, dùng làm loại-danh. Từ-nguyên của những tiếng đồng-âm đã được nói ở trên.

Tôi nhận thấy cuộc thương-thảo đã quá dài, về một vấn-đề mà quả tình, tôi đã không cho là quan-trọng đến thế. Bài thương-thảo này chỉ là một phần của cái công-việc mà tôi đã phải làm để đi đến câu kết. Cuốn *Nguồn gốc Việt-ngữ* sẽ trình bày cái công việc nằm lót ở dưới. Cuốn sách ấy sẽ bỏ túc cho cuốn *Cơ-cấu Việt-ngữ* mà tôi viết xong đã từ lâu nhưng chưa xuất bản. Quá nhiều giấy mực đã bị dùng vào công-việc này, mà trước kia tôi chỉ làm để tiêu khiển, không ngờ rằng lại tạo nghiệp cho mình. Đề xám hối, tôi gửi một mớ tập và bút cho những em lạc gia-đình trong chiến - cuộc Miền Trung, không có giấy bút để viết, và đang mất cái gì quí nhất trong ngôn-ngữ, tức, không phải là những tiếng của tự-vưng, mà là cái sắc-thái tình-cảm trong nội-dung của mỗi âm-thanh trong tiếng mẹ đẻ.

TRẦN NGỌC NINH

(1) Tiếng này xuất hiện lần đầu trong Kinh Thư.

Vài ý nghĩ về sự thành lập và phát triển một HỘI HỌC TÂY SƠN

Bài này vốn được dành riêng cho tạp chí TÂY SƠN, giai phẩm Đông — Xuân Nham Tý, một đặc san của địa phương Bình Định. Vì thế người ta không lấy làm lạ về cái giọng thân mật riêng tư trong bài. Nhưng ngoài sự riêng biệt cần thiết đó, vấn đề được đặt ra không phải không thể vượt ra ngoài địa phương được. Bài viết xuất hiện lại trên tạp chí này không có tham vọng làm kiểu mẫu cho bất cứ ý hướng khảo sát ở địa phương nào — mỗi nơi có những điều kiện riêng biệt, tất nhiên. Nhưng nó nhân nói về một địa phương mà mong mỗi gợi ý cho những âm vang đồng bộ ở các địa phương khác và nhắc lại điều người ta thỉnh thoảng có nói đến nhưng lại dễ quên ngay : vấn đề phát triển quốc gia trên căn bản duy trì đặc tính quốc gia, là phát triển từ các địa phương.

3 0 - 6 - 7 2

Trên con đường tìm hiểu quá khứ của một dân tộc cũng như trong lúc đặt vấn đề phát triển cho tương lai, sự suy ngẫm có căn bản khoa học về các khả năng của dân tộc ấy là điều đáng phải chú ý đầu tiên. Thường thì người ta hay bằng lòng với một số tiền-đề tự-phong đề để dàng tự mãn, tự đắc trên mớ luận-cứ càng bắp bênh hơn, suy-diễn từ các tiền-đề bắp bênh đó. Lập lại sự phân-loại của Auguste Comte, phải nói là chúng ta đang ở thời kỳ khoa học mà vẫn sống dưới sự ngự trị của thần linh. Cái không khí âm u mờ mịt làm chỗ trú cho thần linh ngày xưa, đến nay không phải chỉ bao phủ đám quần chúng cần sự khích động của các áp lực siêu-nhiên mà lại vẫn còn ám ảnh để làm chỗ bầu vùi tin tưởng cho một số người có địa vị, học thức nữa. Như niềm hãnh

diện "4.000 năm văn hiến" đã dự trên những thần-thoại nhiều khi kết tập rất gần đây khiến kẻ bênh vực đôi khi phải lúng túng tìm bằng cớ thì lại đồ-sùng núp sau các luận-cứ và tinh-tự dân-tộc để biện-hộ chống đối lại lời công-kích.

Quan-niệm tiến-hóa theo đường thẳng, một chiều, ban phát từ một trung tâm khảo-sát rồi (nhưng đã đầy đủ chưa ?) càng khiến cho người ta an-tâm núp sau một số định-kiến làm nghèo nàn thêm thực-chất tập-thể. Đứng về phương-diện luận-lý, đã thấy có sự sai lầm đối với một quan-niệm như vậy : lẽ-lối suy-diễn vốn đã có những sơ hở của những kết luận lẫn át, bao che, cho nên phải cần sự bổ túc của một lẽ-lối quy-nạp dựa trên những sự-kiện điển-hình được quan-sát khác nhau

trong không-gian và thời-gian.

Đường hướng nghiên cứu đó không phải là mới lạ, nhưng hình như vì điều kiện chiến tranh, đám trí thức co rúm ở thủ đô, ở các thành phố bị bao vây đã không có phương-tiện để thực hiện nên đành phải sử dụng các kết-quả vài mươi năm trước, do bởi những người ngoại-quốc ít nhiều cũng xa lạ với xứ sở và có mặc cảm tự tôn với đám dân bản xứ họ ngự trị. Hiện nay chiến tranh có kéo dài nhưng nền học-văn phổ-thông-hóa vẫn tiến-triển và cũng từ hệ-luận của chiến tranh, kiến-thức kỹ-thuật lại được đưa đến tận các tầng lớp dân chúng. Vậy mà căn-bản của sự phát triển xứ sở tức là điều-kiện «biết mình» cho kỹ đã không được các giới trí thức đào tạo từ các trường Đại-học đem ra thực hiện khiến cho trí-thức gánh chịu bao lời chê bai và vai trò hướng-dẫn quần chúng trút sang một bên ngu phu hoạt đầu loanh quanh, lẩn quẩn, rồi lúng túng la ó vang lừng.

Nếu người trí thức có bằng cấp (ít ra trong một chừng mực nào đó, cấp bằng là mức thước cụ thể của kiến thức), nếu những người này không chịu bằng lòng với vai trò thư-lại đang trôi buộc, họ có thể xúm xít lại làm một trò chơi ngông, đi tìm hiểu chung quanh mình, tìm hiểu người đang sống với mình, đất nước dung chứa mình... để vừa rời bỏ được khung trời đen tối đang nhận chìm đời mình, vừa giã từ khung trời viễn mơ của những ngày thơ đại

«đi trong sân mà nhớ chuyện trên trời».

Có thể là từ những ý nghĩ đó, hoặc cho mục đích phục vụ xã hội, hoặc cho một giải thoát riêng tư như đã nói, mà một Hội Học Tây Sơn thành hình cho những người trí thức Bình-Định muốn hoạt động, muốn làm một cái gì...

Danh xưng đưa ra thực không tiếp nhận được hết những người muốn hoạt động văn hóa ở Bình Định. Thông thường một, sự-kiện đặc biệt không phải bỗng chốc sinh ra, trên không chẳng, dưới không rể mà chính là hình-thức hiển-hiện nhất, tiêu-biểu nhất kết-tinh từ những sinh hoạt ngấm ngấm, bình thường xảy ra hằng ngày. Trong một chừng mực nào đó, quan-niệm phong-thủy «địa linh nhân kiệt» có thể chấp nhận được vì sự tương thông giữa con người và đất đai sinh sống. Cho nên cho dù chữ Tây Sơn đã được thời phồng vì nhu cầu chính trị giai-đoạn — một bên muốn tìm trong lịch-sử địa phương một phong-trào cách-mạng nông dân đề biện-minh cho một lý-thuyết nhập-cảng còn gây nhiều hoang mang, một bên muốn đề cao hoặc đề giải-tỏa mặc-cảm phần đất không lịch sử (?!), hoặc đề nuôi dưỡng, kích động một tinh thần thống nhất mà thực tế sờ toẹt — phong trào Tây Sơn vẫn là một biến động lịch sử to tát nhất, trước hết là của địa phương Bình-Định mà một sự nghiên cứu sâu xa đòi hỏi nhiều thời gian, sức lực, nhiều phương-tiện khiến cho những kẻ khỏi

xuống và những người tham gia phải nhìn lại thời gian và hoàn-cảnh sống của mình để lúc ban đầu hãy chỉ bằng lòng với một học hội về sự-kiện đó mà thôi.

Biển động Tây-Sơn thấy ghi trên sách vở hiện đại không ngoài một số sự-kiện nhai lại từ các quyền sách lịch-sử chính thống, không những sơ sài và sai lạc vì tính cách chống đối có ưu thế của kẻ chiến thắng mà còn vì xây dựng bởi một quan-niệm lịch sử xưa cũ như còn thấy ở các quyền dã sử, các chuyện tích về triều đại đang lưu hành trong dân chúng. Giới hạn khả-năng của những nhà nghiên cứu địa phương trước kia bởi tinh thần kinh-diễn, trích cú tầm chương của họ khiến chúng ta có những «chuyên thư» thật là thảm hại. Từ lâu, chúng tôi vẫn náo nức nghe nói đến quyền Đồ Bàn Thành Ký nên đã chụp lấy đọc ngẫu nhiên bản dịch trên Tập san Sử Địa. Và thất vọng. Toàn trên mười trang giấy đã chỉ có vài dòng là kết quả của sự quan sát tại địa phương. Trong khi như chúng ta biết, những sự kiện được trình bày hay giải thích đáng lẽ phải là các công trình tại chỗ để từ đó đưa ánh sáng mới cho những kiến giải, tài liệu xưa cũ. Thất bại của một cá nhân góp kinh nghiệm cho Hội Học Tây Sơn thật trọng hơn.

Trước hết, Tây Sơn phát xuất từ Bình Định, nhưng cho đến nay chúng ta đã biết gì về đất đai Bình Định một cách có hệ thống ngoài quyền địa-lý nhỏ của ông giáo Bùi-văn-Lăng

đã làm việc quá sức mình? Một quyền địa-lý địa phương về Bình Định lôi ra tất cả những khía cạnh của tổ chức đất đai, sinh hoạt kinh tế, giá trị nhân văn... thật là cần thiết. Khi nghe chúa Tây Sơn là dân *buôn nguồn*, chúng ta thấy có tài liệu nào về sinh hoạt này trong tỉnh không? Hay phải tự tìm lấy, quan sát lấy các vùng nguồn An Lão, Kim Sơn, Hà Giao, An Tượng... đang đổ nước xuống cửa An Dũ, Đầm nước Ngọt, Thị Nại? Chúng ta phải có một chuyên thư hay một chương của Bình Định Tỉnh Chí về các lưu vực này, về sinh hoạt buôn bán lớn lao này, xem nó đã gây ra những tác động lớn lao nào về mặt nhân văn, lịch sử với sự phân công, tham gia của các tập đoàn chủng tộc, đẳng cấp trong vùng. Hiện nay các xa lộ mở rộng thênh thang, các phi trường thiết lập rộn rịp nối liền các địa điểm xa xôi, trong lúc đồng quê cháy nát, dân chúng trong rừng núi trốn bom đạn tuôn về dọc các trục giao thông, khiến cho sinh hoạt nguồn có vẻ tàn lụi dần, nhưng thực ra nó vẫn còn đấy và chờ cơ hội sống dậy khi nền kinh tế tầm gỏi hết bám vào ân huệ phung phí của nước người.

Nói đến sự phân công tham gia của các chủng tộc trong sinh hoạt nguồn thì cũng có thể nghĩ luôn đến sự pha trộn giống trong vùng. Các người Chăm, Thượng bây giờ có thể mang các họ Đinh, Lê, Lý, Trần, Nguyễn... hay các họ có vẻ Tàu: Tôn, Lương, Lư... nhưng nếu đem

đối chiếu với họ của người Chăm vùng Bình Thuận chẳng hạn thì ta cũng có thể tìm ra nguồn gốc Chăm của những người sống quanh ta. Từ anh chàng văn sĩ Mang Viên Long bành diện «sinh ở thành Đồ Bàn» đến các quan to, các người nổi tiếng đang trốn núp nguồn gốc, dấu vết Chăm vẫn hiển hiện trên tên họ họ. Mặc cảm che dấu, xấu hổ phát sinh ở một số người thuộc tập đoàn này chẳng qua cũng chỉ là kết quả của một quan niệm chật hẹp về lịch-ử không nhìn thấy sự kết hợp phức tạp của một dân tộc, trong đó có cả sự kết hợp bằng máu xương. Trở về vấn đề ở đây, các phát giác trên có dẫn tới phương pháp nào để biết mức độ hòa hợp nào và tách biệt của các khối chủng tộc thời Tây Sơn không? Khám phá này có đưa kiến giải gì về phong trào không?

Địa điểm Nước Mặn được biết từ thế kỷ 16 nay chỉ còn tên làng Nho-Lâm. Có ai chịu khó lục trong vùng để tìm dấu tích một thương-cảng phồn-thịnh cũ không? Biết bao vấn đề phối hợp chủng tộc, tôn giáo có thể nảy sinh từ sự nghiên-cứu này! Cái tên Nho-Lâm chứng tỏ ảnh hưởng Trung-Hoa theo thương thuyền đến. Cũng theo thương thuyền là các nhà truyền giáo đã xây dựng các họ đạo tràn ngập vùng đồng bằng sông Côn từ Xuân Phương, Gò Thị đến Mỹ Cang, Kim Châu... Chúng ta hi vọng những người Công Giáo sẽ lần lần xóa bỏ mặc cảm tự tôn — cũng là

một dấu vết tự ti, xa rời, khép kín của một thời sát tả, bài đạo, rồi núp bóng ngoại quốc để trở về với nếp sống bình thường của một tôn giáo quốc gia. Lúc đó người khảo cứu sẽ hi vọng lục trong mớ giấy tờ sinh hoạt của các họ đạo, tìm ra dữ-kiện về lịch sử Nam Hà các thế kỷ 17, 18 và cả 19, 20 nữa.

Sự thất thế của Tây-Sơn khiến không còn có hi vọng gì tìm lại được một tài liệu đương thời nói về họ trong vùng họ xuất phát — nghĩa là vùng bị canh chừng kỹ nhất. Sự tàn phá của chiến tranh là một nguyên nhân thiêu hủy tài liệu. Chúng tôi đã thấy hạ xuống trong thời kỳ đóng thuế nông nghiệp những căn nhà lá-mái mà P. Gourou đã khen là đặc biệt vì là một chứng minh cho dấu vết indonésien trong văn hóa Việt-nam. Trong chuyến về xứ ghé Phú Phong năm nay, thấy những nhà mới dựng mái ngói đỏ, tường màu sáng chứng tỏ một thời Mỹ đóng quân sung túc. Chúng tôi không tìm ra được một cái rương-xe, một cái cối xay tay và bóng dáng của anh thợ sửa cối gánh mớ đất sét với gỗ vụn chà - rang làm rằng : đó cũng là bằng chứng về sự hủy hoại tài liệu. Chỉ còn hi vọng biết đâu trong sự kiên nhẫn tìm tòi giữa những đồ nát của quá khứ, người ta thấy được một cuốn gia phả, một tập dã sử nào đó có liên quan đến Tây Sơn, Nam Hà...

Hiện giờ quan niệm tài liệu lịch sử

không chỉ dừng lại ở tài liệu thành văn, sử ký, bút ký... mà còn từ những dấu vết nhân văn khác nữa. Nhìn quanh thành Chà Bàn thấy có thôn Phương Danh, xã Đập Đá xúm xít đông đảo các nhà nghề lò rèn. Hẳn không phải là sự tình cờ. Nhưng từ các lò bể thô sơ ấy, từ những khối óc chứa đựng ký ức không hơn vài mươi năm ấy làm sao ta moi ra sự kiện trên dưới vài trăm năm của đám kỹ-thuật-gia chế tạo vũ khí, đúc tiền cho Nguyễn-Nhạc bị tập trung về đây?

Những tấm không-ảnh của đồng bằng Hậu-giang cho phép một Malleret xác định và xây dựng lại óc-eo, thành phố của vương quốc Phù-Nam. Những tấm không ảnh có cạnh phía đông là cửa biển Đề Gi, Thi Nại tràn lên phía tây đến vùng Kim Sơn, An-Khê giúp gì cho ta hiểu về dấu vết thành Cha, thành Sứ, về vai trò thực sự của thành Chà Bàn của Chiêm Thành cũng như của Tây Sơn? Trong một chi tiết khác, chúng giúp gì cho ta hiểu hơn về vai trò của sông đào Phú Phong, con sông mà chuyện truyền kỳ về phong thủy bảo rằng của anh thầy Tàu nào đó «chơi» Nguyễn Nhạc? Thực sự con sông đào này đóng vai trò dẫn thủy nhập điền, hay vai trò phòng vệ cho Hoàng-đế thành? Một sự nghiên cứu về tổ chức đập, yền trong vùng có trả lời cho câu hỏi không?

Năm nào, bàn về địa phương tính, chúng tôi có đưa giả là câu về

Bình Định hay lo

Thừa Thiên ních hết

(mà dân mình tức giận đòi là:

Bình Định là to

Thừa Thiên ních hết)

Vốn chỉ có thể xuất hiện sau Tây Sơn vì Gia Long đàn áp triều đại nghịch thù làm tê liệt cả sức kháng cự của đám dân rủi ro sản sinh và nuôi dưỡng ba anh em Nhạc, Lữ, Huệ. Dựa trên dẫn giải đó chúng tôi nghĩ rằng cuộc cải cách ruộng đất của Minh Mạng vốn chỉ có mục đích đàn áp dân Bình Định truất quyền lợi những kẻ được hưởng ân sủng dưới triều nghịch, để xóa tận cội rễ kinh tế những mần mống chống đối. Tóm lại chúng tôi cho rằng cuộc cải cách có ý nghĩa chính trị củng cố vườn quyền chó không mang ý nghĩa xã hội, kinh tế gì hết như hàm ý của ông Nguyễn Thiệu Lâu và hội Ái-hữu Cứu Sinh viên Trường Luật Hà Nội đã đăng bài khảo cứu vấn đề ấy trong một số đặc-khảo về Cải-cách Điền-địa. Nay chúng ta, những người địa phương, thấy nhà họ Bùi có Bùi thị Xuân vang danh còn đây, chúng ta có thể lục trong trích lục đất đai của họ rồi so sánh với địa bộ Gia Long chẳng hạn để minh chứng thêm cho giả thuyết trên của chúng tôi chẳng? Hay cuộc đối chiếu này đưa ra những ánh sáng trái lại, những kiến giải nào mới mà chúng ta chưa nghĩ tới được?

Những kết quả bất ngờ theo kiểu này là mong ước thích thú nhứt của người tìm tòi: ánh sáng sự thật không phải có ngay, nhất định từ lúc

bắt đầu mà là dần dà, thay đổi, hướng tới trên con đường của chúng ta.

Công cuộc đòi hỏi kiến thức, tất nhiên. Hiện nay chúng ta không thiếu điều kiện này vì ít ra trên một chừng mực nào đó kiến thức phổ thông cũng đã quảng bá nhiều hơn trước. Trường Trung-học đã đi xuống tới quận, xã lớn đón mời các giáo sư tốt nghiệp các Đại-học dồn về... Còn thiếu chăng là cái ý thức sử dụng thích đáng mở kiến thức của mình, sử dụng trong chiều hướng dẫn thân, lao tác chứ không phải "chỉ tay năm ngón". Chúng ta xót xa thông cảm nỗi thất vọng ê chề của người thầy, người trí thức nói chung trong xã hội này. Chiến tranh âm ỉ vì sự găm giữ của các lực lượng đối kháng, khiến cho khó có điều kiện hòa hợp làm căn bản cho sự thông cảm tìm hiểu nhau. Nhưng không lẽ ông thầy cứ lo trả bài cho học trò rồi dòm chừng xem chúng bị phạt có bắt mẫn đi làm sĩ quan đề dẫn lính về xin tí huyết mình không? Không lẽ ông Phó Quận tốt nghiệp Quốc gia Hành chánh cứ mãi phải lo đối phó hay hòa theo ông Thiếu, Trung tá Quận trưởng rồi không chịu làm gì hơn để người ta khỏi chê cười cái mảnh bằng «Tú Tài Ba» của người tốt nghiệp Cao-đẳng Đại-học?

Đã có một người đàn anh làm gương: ông giáo viên Bùi văn Lăng ông thầy cận thị đến thành chuyện truyền kỳ về cái lỗ mũi dính đầy mực mỗi khi chấm bài! Ông thầy

khả kính mà chúng tôi không có hân hạnh được làm học trò đó đã vẽ lại Bình Định chúng ta trong quá khứ, trong hiện tại của các năm trước chiến tranh nhiều hơn bất cứ ông kiến-thức-đầy-mình nào! Về phía hành chánh, hãy nghĩ tới những viên chức người Pháp đã tìm hiểu địa phương từ vị trí người cai trị. E. Aymonier, viên công sứ Bình Thuận, vị học giả xứ Chàm đã hòa nhập được với đám dân khảo-sát bằng một kết-quả cụ thể là một người con trai nổi tiếng trong vùng — tất nhiên bây giờ đã thành cụ lão và đã chết rồi. Các tạp chí Excursions et Reconnaissances, BAVH... còn lưu giữ các bài khảo sát về Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên... của các viên chức Pháp, người thì nhìn xét một khía cạnh sinh hoạt (xe nước), người thì ghi chép di tích lịch sử (tháp Chàm)... Họ, những người ngoại quốc cầm quyền, những người xa lạ bị dân bản-xứ nếu không thù ghét cũng sợ hãi, họ đâu có đủ điều kiện và thời gian để tìm hiểu sâu xa vùng đất họ cai trị? Cho nên, người trí thức VN trong vùng vẫn còn có chỗ để đưa mắt tới, cho dù giả-định rằng dân Bình Định không thay đổi gì từ đó. Huống hồ, một tập thể nhân loại vốn không phải là cái gì có hình thức chết cứng một chỗ mà linh động, sinh hóa không ngừng, nghĩa là đòi hỏi một sự tìm hiểu, chuyển biến miên tục.

Ông thầy giáo có một đám tay chân (hiểu theo nghĩa, thân thiết nhất) để

« móc nối » với dân chúng là đám học trò còn nhiều lý tưởng nên dễ sử dụng vào những việc thuộc loại tổn công, mệt sức mà không thấy ích lợi ngay trước mắt này. Ông hành chánh có cả một đám cán bộ càng ngày càng đông của cơ cấu thư lại phức tạp của ta, còn có uy thế chính quyền đề to mò mà không gây ngạc nhiên, không bị chống đối. Về phương tiện thì chiến tranh cũng có thể cung cấp thêm được. Những tập không ảnh hưởng nói ở trên chắc là có rất nhiều nhưng vẫn còn là bí mật quân sự, có ai nghĩ đến và tìm cách có được đề dùng khảo sát Bình Định không. Dễ hơn, có ai xách cái magnétophone hay cassette với những cuộn băng còn nguyên vẹn đi thâu, không phải những âm thanh của các Jo Marcel, Lê Thu tỉnh lẻ, mà là giọng nói của người dân từng vùng một, lựa từ những địa điểm điển hình trên một xứ Bình Định ai cũng biết là có nhiều giọng, nhiều đến nỗi không phải từng vùng lớn mà từng xã, người ta cũng đã nói khác nhau ?

* * *

Những khảo sát mở rộng khu vực chứng minh theo loại này dẫn đến những kiến giải ngoài phạm vi lịch sử Tây Sơn, đến những hiểu biết căn bản về văn hóa, lịch sử VN nói chung. Trong chiều hướng đó, Hội Học Tây Sơn không chỉ dừng lại ở sự khảo sát một triều đại mà còn là một học hội có cái tên lấy từ một xuất hiện đặc biệt của lịch sử trong vùng.

Mở rộng phạm vi, Học Hội sẽ là nơi của những đề xướng mở mang khu vực. Hiểu biết căn bản về đất đai làm đà cho sự phát triển kinh tế nông nghiệp hoặc kỹ nghệ... Hiểu biết về nhân văn làm đề dăng cho sự thực thi những đề án. Đời sống dân chủ bao gồm sự tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng nhân phẩm của nhau trong sự tiến bộ tương nhượng đồng đều. Tôn trọng đòi hỏi hiểu biết nhau. Những đề án phát triển cho dù mục đích tốt đẹp đến đâu nếu chỉ là những « lệnh » từ trên xuống cũng không thành công, mà thành công qua sự cưỡng ép dẫn đến hủy diệt một thành phần của tập thể cũng không phải là thành công ước muốn của con người thời đại mới. Cho nên những hiểu biết về khoa học nhân văn không phải chỉ là những kiến thức làm dáng núp sau các bằng cấp lớn nhỏ mà phải là những kiến thức thực tiễn trong nhu cầu phát triển chung. Hội Học Tây Sơn mở rộng ra có làm tròn nhiệm vụ ấy không, cái đó còn tùy ở những người yêu mến địa phương sinh sản ra mình, nuôi sống mình có muốn làm việc thiết thực hay không vậy.

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

KBC 3265 ngày 8-6-1971

BÁCH KHOA

đóng tập

Đã có : bộ Bách-Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các 1, 9, 12, 28, 64, 70, 81, 88, 92, 95).

Giá 23.000đ.

Hỏi tại Tòa soạn Bách-Khoa

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÃ (Menthol)



BẦU LỘC BIỂU DÃI
Thượng hảo hạng

Thơm mùi - mát cổ - thơm dịu

Chấ t tạo keo

Những nhà luyện đan thuở xưa dày công suốt đời chế biến hòn đá điểm kim, ngoài những mục đích triết lý cao siêu, trong thực tế đã kiếm cách chống già tuổi tác, tìm ra cho được một chất thuốc gây trường sinh bất tử. Nhưng một chất thuốc dù màu nhiệm đến đâu, làm sao chống chọi lại được thời gian, với ngày tháng làm cho cơ thể suy nhược, da thịt nhăn nheo, tim thận yếu mệt.

Y học ngày nay tuy đã rất tiến bộ cũng chưa giải quyết được vấn đề. Tuy nhiên, các nhà sinh vật học, khi quan sát từng bộ phận của cơ thể và những cấu chất của chúng, đã tìm ra được một hóa chất một mình chịu trách nhiệm mọi triệu chứng của sự già nua, Chính vì nó mà mắt nhìn kém, tai khó nghe, khớp xương rỉ,... Một hóa chất chiếm gần 40% tổng số protéine trong cơ thể mà mãi đến cách đây 30 năm thôi mới tìm thấy được !

Chất tạo keo có mặt trong khắp mọi cơ quan

Thật ra, con người tiền sử đã ứng dụng nó vào trong đời sống hằng ngày : họ đã lấy da thú làm áo quần chống rét lạnh. Muốn dùng da thú, họ đã biết đem da ra thuộc, mà thuộc da chẳng qua chỉ là một phương

sách vớt bỏ những cặn dơ trong da và chỉ giữ lại một chất mềm dẻo nhưng rất bền chắc. Những hóa sư đã đặt cho nó một cái tên dễ hiểu : chất tạo keo (collagène). Đặt tên như vậy là vì đem nhúng nó trong nước rồi đem đun nóng thì hóa chất ấy biến ra keo, hồ. Kỹ nghệ ngày nay đã biết dùng da thú, nhất là những thớ dưới da (tissu sous cutané) và những gân ở các bắp thịt để làm keo hồ rẻ tiền.

Trong vòng thế chiến vừa qua, bác sĩ Klemperer bên Hoa-kỳ, nhân khảo cứu những lớp chất tạo keo trong da cơ thể, đã đi đến một kết luận : chính các chất tạo keo đã gây ra nhiều bệnh chứng. Nếu ngày nay lý thuyết ấy chưa được hoàn toàn công nhận, nó đã nêu lên nhiều cuộc tranh luận sôi nổi suốt một thời kỳ và nhất là đã làm cho giới y khoa chú ý đến chất protéine quan trọng ấy.

Từ ngày tế bào được tìm ra từ năm 1824, trong rất lâu người ta có thói quen bỏ sót tất cả những gì không phải là tế bào. Trong những tổ chức tiếp hợp (tissu conjonctif), người ta chỉ biết có ba cấu chất : fibroblaste, histocyte và mastocyte. Người ta đã quên mất một đẳng môi trường căn bản đã chứa đựng các tế bào gồm có một chất hơi lỏng trong ấy còn có nước, khoáng chất, các

chất đường và protéine, một đăng rường cột của các tổ chức tiếp hợp là những thớ của chất tạo keo.

Sự bỏ quên đáng tiếc này là một thiếu sót lớn về mặt căn bản khoa-học và các tổ chức tiếp hợp là những tổ chức vừa bền chắc để bảo vệ tế bào chống mọi tấn công từ bên ngoài vào, vừa dẻo dăng để có thể sắp ráp theo bất cứ bộ phận nào và theo dõi những cử động của các bộ phận ấy. Tổ chức tiếp hợp làm tròn được sứ mệnh là nhờ cấu tạo của những thớ chất tạo keo. Ở những tổ chức dưới da có nhiệm vụ bảo vệ thì nó mềm dẻo vì kết hợp thành những tấm ướt khi giãn, khi dầy. Ở những mạch và ống bài tiết, cần phải dẻo dăng để thích ứng với thay đổi bên ngoài thì các thớ này lại quấn tròn thành những ống xoắn ngược chiều. Ở gân rắn rỏi thì chúng lại sắp thành song song. Trong xương cứng chắc, chúng xếp đặt quanh các tinh thể calcium tạo nên một tổ chức rất bền. Da, gân, xương đều có nhiều chất tạo keo nhưng mỗi nơi dùng nó theo một hình thức khác nhau. Người ta cũng tìm được nó, tuy ít hơn, ở các bắp thịt, phổi, tim, gan, thận. Như vậy là nó có mặt khắp các cơ quan vô cùng sai biệt và vận dụng một cách chuyên hóa.

Thường thường, ở một cơ quan trưởng thành, thành phần chất tạo keo không thay đổi, trừ những chỗ cần phải biến hóa mau lẹ. Ví dụ, khi người đàn bà có mang thì số lượng

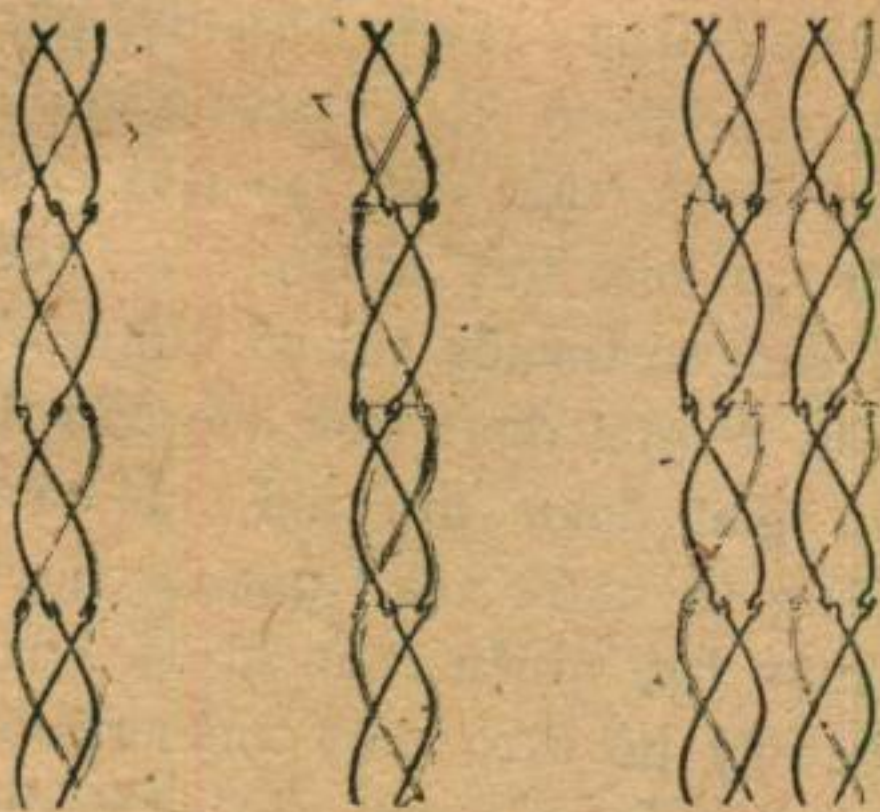
chất tạo keo ở tử cung tăng lên rất nhiều, nhưng khi con đã đẻ ra thì số lượng này giảm bớt lại cũng rất mau chóng. Ở bệnh lý học cũng vậy, khi có vết thương chẳng hạn thì chất tạo keo cũng được tạo ra rất nhiều nhưng hễ vết thương hàn gắp thì số lượng sản xuất cũng thuyên giảm ngay. Người ta nhận thấy ở cơ thể một người già, chất tạo keo cũng bất thường được tạo ra như ở cơ thể con trẻ.

Những chiếc «cầu» giải nghĩa cơ chế sự già nua

Vì là một chất rất quan trọng trong cơ thể, tưởng cũng nên biết cấu tạo của nó thế nào và cơ chế ảnh hưởng ra sao.

Nhờ biết là chất tạo keo được sản xuất khi có vết thương, người ta cắt một vết nhỏ ở da chuột, cho vào một mảnh bột nhân tạo bằng polyvinyle rồi khâu lại. Các tổ chức kết hợp được cơ thể chuột tạo ra nhưng lại bị mảnh bột nhân tạo giữ lại. Sau này chỉ có việc lấy mảnh bột nhân tạo ra là có được chất tạo keo để khảo sát. Nếu lặp lại nhiều lần tùy theo thời gian thì người ta có được những mẫu tuổi tác khác nhau.

Muốn khảo sát cận kề chất tạo keo, cần phải dùng kính hiển vi điện tử có thể phóng lớn 14.000 ngàn lần. Người ta thấy được chất tạo keo gồm có những thớ nhỏ do những sợi dài từ 200 đến 2.000 angstrom ($1 \text{ angstrom} = 10^{-8} \text{ cm}$) hợp lại mà làm thành. Người ta cũng biết rõ được



Ba dây acide aminé cấu thành phân tử chất tạo keo. Kết thành hình chong chóng, chúng đã hiến cho chất tạo keo tính chất mềm dẻo. Bất ngang qua các dây acide aminé là những chiếc « cầu » hóa học đem lại một cấu tạo cứng rắn. Khi cơ thể trở nên già, những chiếc « cầu » tăng lên gấp bội thì các dây acide aminé hết còn được tự do vận động : da bị nhăn, mạch hết dẻo, khớp xương đau đớn khi vận dụng.

cấu tạo của chất tạo keo : nó là một protéine gồm có 19 loại acide aminé từ những fibroblaste của của tổ chức kết hợp tiết ra. Những acide aminé kết lại với nhau thành một dây quấn thành hình chong chóng cho nên trở rất dẻo dăng. Giữa các dây này có những cách nối hóa học như những chiếc « cầu » kết chúng lại rất vững bền. Chính ở các « cầu » này mà nay mai người ta sẽ giải nghĩa được vì sao cơ thể trở nên già.

Thật vậy, dây acide aminé còn dẻo dăng khi các « cầu » kia còn ít. Nhưng ngày nào số « cầu » kia tăng lên quá nhiều, làm cho dây acide aminé hết còn được tự do vận động thì tổ chức

trở nên cứng rắn, da bị nhăn, mạch hết còn dẻo, các khớp xương đau đớn khi vận dụng. Thí nghiệm cho biết những chiếc « cầu » kia tăng lên rất chóng với tuổi tác. Giờ đây người ta đang học hỏi để hiểu biết thêm và biết đâu lại không tìm ra được cách dùng hãm cơ chế gây già nua của các chiếc « cầu » hóa học kia.

Đứng về mặt khoa học, ngày nay người ta có một cách đo tuổi tác đúng hơn cách dùng năm tháng đã được thông dụng. Thật vậy, hai người cùng có 60 tuổi chẳng hạn chưa chắc đã già yếu giống nhau. Trái lại, trích tiết chất tạo keo ở hai người ấy rồi đem đo độ co, tất nhiên biết được tình trạng sinh lý họ của họ, từ đấy có thể xác định số tuổi thật sự. Người ta nhận thấy đem ngâm trong nước một chiếc gân thì nó càng co lại nhiều nếu cơ thể càng già, chính vì có nhiều « cầu ». Như vậy, muốn đo thì chỉ việc đem móc ở đằng cuối chiếc gân một trọng lượng nhỏ (cỡ một gam), đừng quá lớn vì gân sẽ bị đứt, đúng đề cho gân khỏi co lại. Thí nghiệm cho thấy nếu gân lấy ở cơ thể càng già thì trọng lượng này càng lớn. Từ đấy người ta thiết lập một bản vẽ tiêu chuẩn chỉ rõ tuổi sinh lý học của từng người. ③

Về mặt cấu tạo của những chiếc « cầu » kia, hiện người ta chưa biết được tường tận. Người ta cũng

chưa tìm hiểu được cách thành lập của chúng. Vì sao cơ thể càng già thì lại càng có nhiều «cầu»? Người ta biết vật chất không đứng yên mà luôn cử động (cử động brownien). Phải chăng những chiếc «cầu» kia đã được thiết lập khi các nguyên tử va chạm nhau? Như vậy thì cuộc thiết lập các chiếc «cầu» có thể là một sự ngẫu nhiên. Hay là có những giếu tố đã ngấm ngấm điều khiển cuộc thành lập kia. Công tác khảo cứu cần phải khám phá giải thích những dilemma này.

Các chất phá keo chịu trách nhiệm nhiều chứng bệnh

Ngoài ra còn có những bí mật khác. Vì sao chất tạo keo ở xương lại không giống chất tạo keo ở da hay ở gân? Theo những mẫu chất tạo keo đã lấy ra được từ những mảnh bột nhân tạo, người ta đã thấy như tuồng sự cấu tạo giống hần nhau lúc ban đầu: tổ chức tiếp hợp bành trướng mau chóng để chiếm đóng hoàn toàn chỗ trống. Nhưng qua giai đoạn thứ nhì, tổ chức tiếp hợp này nở khác nhau, tùy vị trí của nó: nó lập lại những mẫu tổ chức nằm xung quanh để cùng có một nhiệm vụ. Bây giờ cần biết chất gì hay cơ quan nào đã điều khiển cuộc chế tạo này. Vai trò của kích tố (hormone) đã được nêu ra. Người ta nghi kích tố đã có ảnh hưởng lên từng giai đoạn của cuộc chế tạo vì đã chứng minh được kích tố các tuyến thận, các chất corticoide, ngăn cản hoàn toàn cuộc chế tạo chất tạo keo. Ai cũng biết các chất corticoide thường được dùng để trừ khử

những chứng có tính viêm như phong thấp cấp kịch ở khớp xương vì dùng hãm được cuộc chế tạo quá chừng chất tạo keo. Tuy nhiên, như tuồng các chất corticoide chỉ có ảnh hưởng nhiều ở giai đoạn chế tạo đầu tiên. Qua giai đoạn thứ nhì, rất có thể những tổ chức xung quanh cho tiết ra một hay nhiều chất gì để hướng cuộc này nở theo một chiều nào đó. Những chất này còn cần phải được khám phá ra.

Như trên đã thấy, cơ thể trở nên già, chất tạo keo trở nên già, thì những chiếc «cầu» dần dần hiện ra. Nhưng tiến triển tuần tự này có khi bị phá hoại. Ví dụ khi có bệnh chẳng hạn, các tổ chức tiếp hợp đột nhiên được tăng gia rồi lại giảm dần xuống. Ở người đàn bà nằm nơi xong, tử cung cũng nhỏ dần lại vì chất tạo keo hết còn được sản xuất nhiều. Cơ chế này đã được thực hiện nhờ những giếu tố có thể hủy phá chất tạo keo, gọi là những chất phá keo (collagénase). Người ta đã phải đợi rất lâu mới trích được những chất phá keo từ con người và thú vật.

Những chất phá keo đầu tiên được tìm ra đều thuộc về vi trùng. Ngang đây tuồng cũng nên biết đến một thí nghiệm hứng thú. Một nhà sinh vật học người Hoa-kỳ, bác sĩ Gross, nghĩ rằng nếu con nòng nọc mất đuôi ở thời kỳ biến hình, tức là ở đây cần phải có một chất gì có thể bẻ gãy được phân tử chất tạo keo. Ông cho lấy đuôi nòng nọc găm lên chất tạo keo đặc, tức khắc chất tạo keo chảy

lông ra. Như vậy thấy ngay trong đuôi nòng nọc có chất phá keo. Từ đây các chất phá keo ở cơ thể thú vật bắt đầu được trích tiết ra. Hiện nay người ta cũng đang khảo cứu nhiều về các chất này vì rất có thể chúng đã gây ra nhiều chứng bệnh, chẳng hạn những chứng phong thấp.

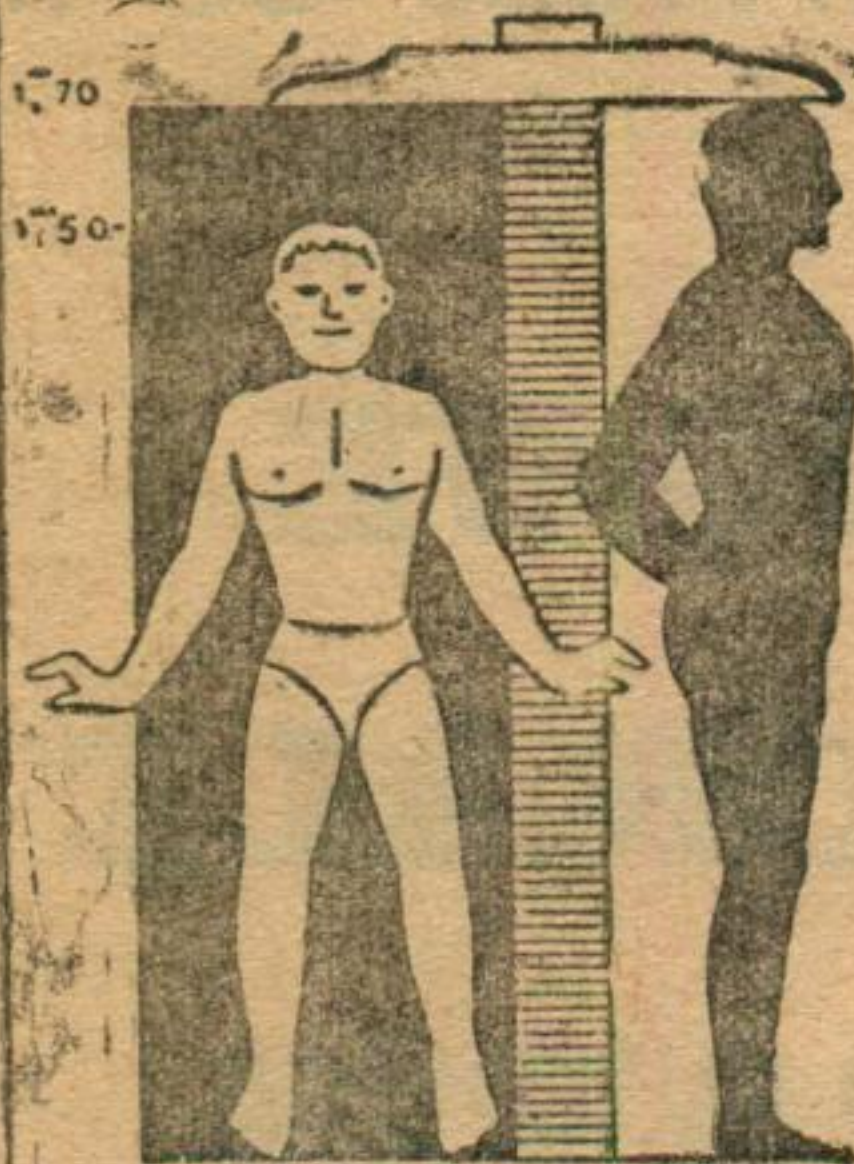
Nói tóm lại, các chất tạo keo và phá keo đều quan trọng, không những vì đã phát khởi nhiều chứng bệnh mà còn là những yếu tố trong cơ chế đưa cơ thể lại thời già yếu. Nếu ta

để ý nhận xét trong các loài động vật, thời gian sống trung bình thật khác nhau, có thể ngắn từ một ngày như ở con thiêu thân hay lâu đến khoảng 100 năm như ở loài người chẳng hạn, mà trong mỗi loại lại có những cá nhân già nua mau chậm khác nhau thì đủ thấy cơ chế tác dụng của các chất tạo keo và phá keo phức tạp biết chừng nào. Thuốc trường sinh có lẽ rồi phát sinh từ cuộc học hỏi các chất ấy.

VÕ QUANG YẾN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

קניין

A votre service
tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS

Trả lời ông Nguyễn Bạt Tụy về bài phê-bình quyển : « *Lịch sử thành lập đất Việt* »

L.T.S. Ô. Nguyễn Bạt Tụy và Ô. Trần Kim Thạch đều là những người đã cộng tác với tạp chí Bách-Khoa, Ô. Nguyễn Bạt Tụy là nhà ngữ-học kiêm Dân-tộc-học (G.s. Bùi Hữu Sùng đã có một bài phỏng vấn trên Bách Khoa số 371 (15-6-72), đã từng viết một số bài về Ngữ học cho Bách-Khoa vào năm 1960. Ô. Trần Kim Thạch đồ Tiến-sĩ Địa-chất-học tại Anh quốc hiện làm Giáo sư Trưởng ban Địa-chất-học tại Đại-học Khoa-học Saigon, cũng là tác giả một số bài về Địa-chất, về Giáo-dục đã đăng trên Bách Khoa vào những năm 1964 và 1969 v.v...

Trên nguyệt-san Phương-Đông số 14 tháng 8-72 vừa qua Ô. Nguyễn Bạt Tụy có viết một bài với tựa là « Từ quyển Lịch sử thành lập đất Việt đến quyển Nguồn gốc Mã-lai của Dân tộc V.N. » trong đó ông đã phê bình cuốn sách và phê bình ông Trần Kim Thạch với lời lẽ rất nặng nề. Như trên đã trình bày, cả hai ông đều là những người đã cộng tác với Bách Khoa. nên trong trường hợp ông Trần Kim Thạch bị đá kích, Bách Khoa phải đề ông « mượn đất » trả lời. Do đó mà đã có bài sau đây. Tất nhiên ông Nguyễn Bạt Tụy cũng có thể « mượn đất » Bách Khoa như ông Trần Kim Thạch, nếu ông muốn. Lập luận của hai ông đúng hay sai, xin dành sự xét định lại cho các bạn đọc của Bách Khoa vốn là những người bao giờ cũng mong có dịp đề rộng đường kiến-thức.

Trong tờ Phương-Đông số 14. tháng 8 năm 1972, ông Nguyễn-bạt-Tụy có phê bình quyển *Lịch-sử thành-lập đất Việt* của tôi viết với các đồng-nghiệp Lê-quang-Xáng và Lê-thị-Đinh. Về cách thức phê-bình trong bài đó, xin đề bạn đọc-phán-xét. Sau đây, tác-giả chỉ mong nói lên những điều thuộc phạm-vi chuyên-môn mà ông Nguyễn-bạt-Tụy đã đề-cập.

1) VỀ ĐẠI-CƯƠNG QUYỂN SÁCH

CHỈ-TRÍCH : Quyển nhì (tức LSTLĐV) là một công-việc dịch và chép những ý-kiến của các nhà khảo-cứu về học-chất-đất người Pháp,...

TRẢ LỜI : Quyển này chỉ là một sách phổ-thông viết cho các học-sinh lớp Mười Vạn-vật và sinh-viên lớp Dự-bị Vạn-vật-học đọc thêm. Chúng tôi đã có nói, trước khi vào đề, rằng : « Trong thiên biên-khảo nhỏ bé này, những giai-đoạn quan-trọng của địa-sử nước ta sẽ được mô-tả... Đây không phải là một bộ Địa-sử hoàn-hảo, vì khảo-cứu khoa-học hiện-thời

chưa cho phép thực hiện một công-tác qui-mô như vậy.» Chắc hẳn chúng tôi không dịch, vì trong phần Thư-mục tóm lược, có cả bài khảo cứu của chúng tôi. Nhưng quyển sách có dựa trên một số bài khảo cứu dày công của Fromaget, Fontaine và Saurin là những nhà địa-chất lỗi-lạc của người Pháp đã bỏ cả cuộc đời nghiên-cứu đất đá và địa-sử nước ta. Trước 1960, không có một địa-chất-gia Việt-nam nào được đào-tạo để khảo-cứu địa-sử, vậy nay không viện-dẫn họ thì viện-dẫn ai ?

II) HÌNH THỨC

CHỈ-TRÍCH : ...quyển sách ấn--loát lồi-thôi, trình-bày lem-nhem...

TRẢ LỜI : Với kỹ-thuật ấn-loát hiện tại của nhà in tự-túc, không có vốn-liếng cao, thì quyển LSTLĐV chỉ có thể ấn hành như tờ Phương-Đông, không hơn được. Có như vậy mới bán hạ giá cho các bạn trẻ hiếu học. Kỹ-thuật làm bản kẽm rẻ không thể đẹp như offset được, miễn là hình vẽ rõ-ràng mà thôi.

CHỈ TRÍCH : Những khoảng giữa-đoạn đề quá xa không những cho thấy là nhà xuất-bản vụ-lợi quá đáng mà còn khiến người đọc có cảm-tưởng rằng các người viết đồng lõa với nhà xuất-bản trong việc coi thường người đọc.

TRẢ LỜI : Không rõ ý-định kỹ-thuật của nhà in, nhưng điều-kiện chuyên-môn đã buộc các phần mô-tả phải nằm cạnh các hình vẽ. Có đoạn hình nhiều hơn chữ, nên nhà in phải rải chữ ra. Mỹ-thuật buộc nhà in không thể in khít chữ chỗ này, rải chữ ra chỗ khác, cho nên phải rải đều. Và lại, tiền bán không cao hơn sách thường với giá ghi bán là 180 đồng một quyển sách dày 125 trang, dồi-dào hình-vẽ.

Nhà xuất-bản Lửa-Thiên đã nổi tiếng trong giới biên-khảo là cả gan cho ra những quyển sách chuyên-môn (phần lớn thuộc Đại-học), tức là sách in tốn kém (chữ đặc-biệt, hình vẽ nhiều), mà bán ít người mua. Ô. Nguyễn Bạt Tụy phải hiểu rằng không một nhà xuất bản nào trục lợi bằng cách nói rộng thêm một trang hay đôi dòng để kiếm lời cả.

CHỈ TRÍCH : Còn đâu thành đáy biển, nhưng người đọc dò tìm mãi chẳng thấy "còn đâu" đâu.

TRẢ LỜI : Sự thay đổi của lịch-sử địa-cầu cho thấy có nhiều vùng đất liền bị sụp xuống thành biển, rồi sau đó, đáy biển sẽ trở thành núi cao. Do đó, "còn đâu đáy biển" với nghĩa bóng được dùng để cho thấy sự thay đổi, xáo-trộn dữ-dội. Nếu ông thực tình cố đi tìm còn đâu, thì thật đáng tiếc!

CHỈ TRÍCH : Đến trang 99 ta thấy chú-thích một bản đồ như sau : «Bản đồ cổ-địa-ý VN nhân cuộc hải-xâm thời *Hùng-vương* (4 500 năm)». Sau đó, ở tr. 104, các người viết đã nói với người đọc một cách tự nhiên : «Trước đời *Hùng-vương* một khoảng lâu là thời Toàn tân».

TRÁ LỜI : Chúng tôi dùng chữ *Hùng-vương* như một mốc thời-gian phổ-thông và nhẹ nhàng, dễ gần với bạn-đọc hơn. Có Hùng Vương hay không, xin để các nhà viết sử minh-định. Nhưng tuổi 4.500 năm của cuộc hải xâm Flandrien thì đã được định bằng than phóng xạ nơi Hải học viện Monaco. Theo các nhà địa - sử - học Pháp, thời Toàn tân bắt đầu cách đây 8 000 năm. Vậy thời đó xuất hiện trước 4.500 năm, mà chúng tôi ví von là thời Hùng Vương. Chúng tôi cũng ghi *bản-đồ cổ-địa-lý*, nên chẳng thể lăm với *bản-đồ địa-lý* của thời Hùng Vương.

CHỈ-TRÍCH. Trong ngữ ta, không có con nào gọi là con *ngang*, mà chỉ có con *ngan* với cái *cổ*...

TRÁ-LỜI. Xin nhận lỗi chính tả này. Người sửa bản thảo có sơ xuất vào phút chót. Ngay trong bài của Ô. Nguyễn Bạt Tụy, trang 113, dòng thứ 8, ấn công đã sắp : «không vì bằng trước hết nói đến cái *lầm*...». Chúng tôi chắc chắn rằng đó là lỗi ấn-công.

CHỈ TRÍCH. «... quả thông, trái thông (*cône de pin*) mà các giáo sư của ta gọi là *cồi thông*...»

TRÁ LỜI. Cây thông thuộc nhóm *Hiền Hoa Khỏa Tử*, với hoa *cổ lỗ* kết-thành nhiều vảy cứng. Không có nhà thực-vật-học nào dám gọi chùm vảy đó là *quả*, hay *trái* (theo kiểu quả chuối, trái dừa) Giáo sư Phạm hoàng Hộ, trong quyển *Cây Cổ Miền Nam Việt Nam* trang 114, gọi là *chùy* (tiếng Hán-việt), chúng tôi gọi là *cồi* (tiếng nôm) để tránh chữ *trái* sai lạc về mặt thực-vật-học, và với mục đích gợi ý cứng rắn của chùm vảy đã hóa thành đá đỏ, nằm lẫn trong các lớp đá-cát.

CHỈ-TRÍCH... Con *nhum* (*oursin*) bị gọi là *cầu-gai*, vì có-lẽ các vị ấy chẳng có dịp nào gần-gũi dân chài lưới...

TRÁ LỜI : Chữ *con nhum* chỉ là tiếng địa-phương rất giới-hạn. Chúng tôi chọn chữ *cầu-gai* vì nó tượng hình một con vật hình cầu, tua tua gai. Ngoài ra, tiếng đó nằm trong bộ Danh Từ Động Vật Học của Trường Đại-học Khoa-học Saigon. Đó là tiếng khoa-học thông dụng. Ô. Nguyễn Bạt Tụy đừng tưởng mình là người đi nhiều hơn học trò địa chất của chúng tôi.

CHỈ TRÍCH... Tiếng *Hùng sơn* để dịch *Huronian*, đã khiến người đọc hiểu lầm là «Núi Hùng».

TRẢ LỜI : Theo cách đặt-tên các thời địa-chất, địa-sử-gia dựa vào sự thành lập núi của vùng nào đó trên mặt đất. Dãy núi này phải mang địa-danh của vùng. M. Gignoux (*Géologie Stratigraphique*, trang 36, hình 6 và trang 47 dòng 14) gọi là *Chaine Huronienne*. Dãy núi ngất ngưỡng này ngày nay đã bị mài mòn và sụp xuống thành hồ sâu, trong đó có hồ Huron. Nếu người đọc « hiểu lầm » là Núi Hùng thì các người viết không mong gì hơn.

III) NỘI-DUNG

CHỈ-TRÍCH : Bào là học-dại thật không oan... quyền LSTLĐV chỉ đưa ra một con số cũ-kỹ như thế, đủ tỏ rằng người viết chưa theo kịp đà tiến của khoa học.

TRẢ LỜI : Tuổi tuyệt đối đo bằng tính phóng xạ của đất đá bao giờ cũng được đo lường với một sai-số lớn, càng lùi về quá khứ bao nhiêu, sai số càng lớn bấy nhiêu :

— Phấn kỷ (Cretaceous) dài 65 ± 5 triệu năm.

— Cam kỷ (Cambrian) dài 100 ± 20 triệu năm.

(theo A. Holmes, *Principles of Physical Geology*, tr. 360 - 361)
Nên nói rõ cho ông Nguyễn-bạt-Tụy là A. Holmes vốn là anh cả của khoa tính tuổi phóng xạ của trái đất hiện nay, giải thưởng Vetlesen 1964 (một thứ Nobel của địa chất học). Thử so sánh quyền ITE của ông kẻ với Holmes (1970) :

Cồ sinh (Palaeozoic) ITE : 375 triệu năm

HOLMES : 375 ± 65 triệu năm

Tuổi của đất đá ở mỗi nơi, trong cùng một thời, có thể chênh lệch nhau ; như trên chúng ta đã thấy đối với Cồ sinh Nguyên Đại sai số có thể đến 65 triệu năm.

Lại nữa, chúng tôi cũng không bao giờ bảo con số 4.161,7 triệu năm là tuổi của trái đất. Nếu ông đọc kỹ lại trang 24 và 25 thì sẽ thấy rằng đó là chiều dài của lịch sử đất đá nước ta. Cái lịch sử này dựa trên sự phỏng định của lớp xưa nhất và cộng thêm một sai-số ước lượng tối đa. Con số đó chẳng ăn chịu gì đến con số 5.000 triệu năm là tuổi phỏng định cho toàn địa-cầu từ khi còn là khối bụi không gian đến ngày nay.

Về tuổi chung của Địa cầu, trong quyển *Địa Cầu Trong Không Gian Và Thời Gian* (Trần kim Thạch viết, Lửa Thiêng xuất bản 1972 tại Saigon), chúng tôi ghi số trung bình 5.000 triệu năm (tr.103, dòng 9). Đó là để trả lời ông Nguyễn bạt Tụy rằng chúng tôi không dốt về con số đó. Còn về tính chất mới mẻ của kiến thức chúng tôi có, đây là bằng chứng. Trong bài biên

khảo chuyên môn tựa là *Các Phương Pháp Định Tuổi Trong Khoa Địa-Chất* (Trần kim Thạch và Lê văn Tiết, Khoa-học Kỹ-thuật số 56, 1966) chúng tôi đã viết ; "gần đây, Collins, Russell và Farquhar (1953) tính lại tuổi địa-cầu và cho biết là 5,3 tỉ năm". Con số này có thể sai lạc chừng 200 triệu năm. Đó là con số hoàn toàn phỏng đoán, chưa có một đáp số chính xác nào cả. Ô. Nguyễn bát Tụy cho rằng chúng tôi đưa ra con số cũ-kỹ là hoàn toàn do ông không biết một tí gì về công việc làm của chúng tôi, và về khoa địa-chất-học, mới hồ đồ dùng một tài-liệu cũ, quyển *Investigating of the Earth* ra năm 1967 để chỉ trích những điều mà chúng tôi biết từ 1958, và đã phổ biến cùng bạn đọc bốn phương từ 1966. Để biết rằng tài liệu chúng tôi có mới hay không, xin bạn đọc lật quyển *Sinh Vật Xưa* (Lửa Thiêng ấn-bản 1972, tr.32), quý vị sẽ thấy tài liệu học tập dẫn chứng của chúng tôi xuất bản vào tháng 4-1971. Nhà Lửa Thiêng được chúng tôi gửi sách in, vì ngoài tinh thần không vụ lợi, còn có thiện-chí in thật đẹp, thật mau, để tài liệu dạy được luôn luôn mới. Chưa chắc có sách giáo-khoa ngoại-quốc nào lại có thể dẫn chứng mới hơn được.

CHỈ-TRÍCH : Ở trang 21, Ô. Trần-kim-Thạch giảng cho người đọc : "...mất một khoảng thời gian... là T bằng 7.600.000.000 năm. Ông và các người cộng sự của ông đã học đâu được lối tính cả đời của Uranom thì không biết, chớ các nhà khoa-học tài ba nhất đều chỉ dám nói đến nửa đời.

TRẢ LỜI : Giải thích một tuổi tuyệt đối của đất đá có hai cách. Cách rườm rà là bằng bán-sinh (nửa đời) như Ô. Nguyễn bát Tụy trình bày trong hai trang 116 - 117 bằng cách liệt-kê một số nhà vật lý không phải là cha đẻ của tuổi tuyệt-đối dùng cho địa chất học. Cách thứ hai, thực tế, dễ hiểu và khiêm nhường hơn, là suy từ chu-kỳ hủy-biến bán-sinh, rồi tính tuổi tuyệt-đối trên lượng chì còn sót lại trong đá. Cách này do Carl O. Dunbar đề xướng (nơi quyển *Historical Geology*, J Wiley and Sons xuất bản, Asia Foundation ở Saigon tặng) ở trang 26, từ dòng 11 đến dòng 31 " ... nếu một lượng nhỏ uranium đến trên một màng bằng sulfur kẽm, mỗi nguyên tử helium phóng ra sẽ đập lên màng sulfur ấy và loé sáng lên dưới kính hiển vi như con đom đóm thấy trong đêm tối và có thể đếm được. Đếm như vậy cho thấy rằng mỗi gram uranium tạo ra mỗi năm $1/7,600,000,000$ gram chì và một thời gian t năm sẽ tạo ra

$$(t \times 1 \times U) : 7,600,000,000$$

Nhưng lượng chì (Pb) được tạo ra do một lượng nhất định uranium

(U) trong một số năm nhất định (t) có thể được trình bày :

$$Pb = \frac{tU}{7.600.000.000}$$

Vậy thì, khi nhân với 7.600.000.000 và chia cho U, ta có

$$\frac{Pb \times 7.600.000.000}{U} = t$$

hay

$$t = \frac{Pb}{U} \times 7.600.000.000...$$

KẾT LUẬN

Trong lời nói đầu của ông Nguyễn-bạt-Tụy, ông có cho biết ý định của ông là « muốn nói về cái sai của một người không chuyên môn... không gì bằng trước hết nói đến cái lầm của những người chuyên môn » «...để người viết quyền *Nguồn gốc Mã-lai của dân-tộc Việt-nam* hiểu rằng biển học mênh mông, không phải cứ có chiếc thuyền là ghé bờ cập bến được, mà còn phải biết chèo biết chống, phải quen bẻ lái trương buồm ». Do đó ông đã « chiếu cố » đến cuốn « *Lịch sử thành lập đất Việt* » của chúng tôi. Nhưng qua những lời phê bình, giảng giải của ông thì người ta thấy rõ người đã thốt ra những lời kiêu hãnh, dạy đời và khinh miệt trên đây đối với tác giả « *Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt-nam* » lại có một số vốn liếng quá thiếu nảo về khoa học, đến nỗi không những trên lãnh vực địa-chất-học ông không « biết chèo biết chống, không quen bẻ lái trương buồm » đã đành, mà đến « chiếc thuyền » căn bản để đi trong biển học mênh mông ông cũng không có nốt nữa. Có chăng là một chiếc que, chiếc gậy nắm trong tay mà ông cứ nghĩ là chiếc bơi chèo, để vội vàng khoa trương và la hét om sòm, đòi hướng dẫn cho người này kẻ nọ « ghé bờ cập bến »!

TRẦN - KIM - THẠCH

Đã phát hành toàn quốc :

MỘT CHÚT CHO TÌNH YÊU

Tập thơ thứ 2 của ĐÌNH TRÂM-CA

— Những bài thơ tình buồn bã và đẹp như con sông Thu Bồn đất Quảng.

Bìa Hồ-Đắc-Ngọc, Đoàn Huy-Giao trình bày.

Đã phát hành toàn quốc :

THUẬT VIẾT VĂN

của NGUYỄN VĂN HẦU

— Cuốn sách làm lợi lớn cho sinh viên, học sinh và những người tự học trong việc luyện văn.

— Cuốn sách dẫn vào nghề văn, nghiệp báo cho những ai cầu tiến bản thân trên đường thử dụng.

— Tác giả đọc hàng ngàn cuốn sách để trích dẫn, phê bình, chỉ lỗi và sửa văn, để giúp người học viết mau có tài viết.

— Tái bản với sự đòi hỏi của hàng ngàn độc giả, hàng trăm nhà sách. Có tặng bộ phong phú.

HƯƠNG SEN xuất bản — Giá 340đ.



ĐẠI-Á NGÂN HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.700 — 98.460

Trương Mục

TIẾT KIỆM ĐỊNH KỲ

Lãi Xuất 24% 1 Năm

Kể từ ngày 01-08-1972, ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG sẽ dành **LÃI XUẤT ĐẶC BIỆT** cho loại Ký Thác Tiết-Kiệm Định-Kỳ, tương-ứng với thời gian ký-thác như sau :

— dưới sáu tháng	19%
— đã đủ hay trên 6 tháng	21%
— đã đủ hay trên 9 tháng	22%
— từ 12 tháng	24%

Gửi tiền vào Trương Mục Tiết-Kiệm Định-Kỳ « CON PHƯỢNG VÀNG » Quý vị sẽ hài lòng vì :

- TIỀN LỜI TÍNH HÀNG NGÀY TỪ KHI GỬI ĐẾN KHI LẤY RA
- MUỐN RÚT VỐN RA BẤT CỨ LÚC NÀO CŨNG ĐƯỢC

KÝ THÁC TIẾT KIỆM THƯỜNG : LÃI SUẤT 19% MỘT NĂM
(THAY VÌ 17% MỘT NĂM).

CÁC CHI NHÁNH

— Chi-Nhánh Cholon, 47 Tổng
Đốc Phương ĐT : 51.047
— Chi-Nhánh Cầu Ông Lãnh,
21 Yersin ĐT : 99.386
— Chi-Nhánh Gia-Long, 121-123
Gia-Long ĐT : 96.827
— Chi-Nhánh Thị - Nghè, 22
Hùng Vương ĐT : 96.251
— Chi-Nhánh Biên Hòa, 10
Nguyễn Hữu Cảnh ĐT : 36

— Chi - Nhánh Banmêthuột,
80-82 Quang Trung ĐT : 148.083
— Chi-Nhánh Sàdec, 139-141
Tổng Phước Hòa ĐT :
— Chi-Nhánh Vĩnh Bình, 24
Gia Long ĐT : 92
— Chi-Nhánh Long An, 36
Thống Nhất ĐT : 20
— Chi-Nhánh Vĩnh Long, 49 Phan
Thanh Giản ĐT : 93
— Chi-Nhánh Đà Nẵng, 197
Độc Lập ĐT : 21.077

Tri ân người tri âm

Tôi sẽ không bao giờ dám viết gì thêm vào loạt bài của Georges Etienne Gauthier nếu tôi không tìm thấy, ngay từ khi mới quen anh cũng như suốt hai năm đọc anh, ngoài mỗi thiện cảm anh dành cho tôi còn có mỗi tình rất lớn anh gửi đến quê hương tôi, đến đồng bào tôi. Sự kiện đó đã khiến tôi phải viết những dòng này, trước là đề tri ân một người bạn tri âm. sau là đề nói thêm với Georges về đất nước và những con người đã nâng đỡ, đã chần vỗ kẻ ca nhân từng làm cho một người Gia Nã Đại phải chú ý...

Tôi lúc nào cũng cho rằng phải có đủ ba yếu tố để làm nên sự thành công của một nhạc phẩm : 1) giá trị bản thân của tác phẩm - 2) tài năng của nghệ nhân và sự hoạt động tích cực của cơ quan phổ biến tác phẩm - 3) sự biểu đồng tình của người nghe ! Yếu tố thứ ba là yếu tố quan trọng nhất !

Thực vậy ! Là một nghệ nhân có nhiều cơ hội đi hát ở khắp nơi trong nước và suốt mấy chục năm qua, tôi nhận thấy quần chúng đóng góp nhiều nhất vào sự thành công của ca nhạc. Ví dụ, sở dĩ những ca khúc của những ngày tiền và hậu Cách-Mạng (cũng là lúc tôi chập chững bước vào đời ca nhân) được thành công dễ dãi, đó là vì tự trong lòng quần chúng Việt-nam lúc bấy giờ đã có tiếng nhạc réo lên rồi ! Lưu Hữu Phước, Văn Cao hay tôi lúc đó chỉ làm công việc so giấy đàn, lựa lời ca cho phù hợp với bản hợp tấu vĩ đại đã nằm sẵn trong lòng dân. Về sau này cũng thế, những năm 50 vẫn cho ta thấy có sự hòa điệu, hòa nhịp giữa

lòng dân và nghệ sĩ, và nếu những năm đầu của thập niên 60 có là những năm lòng lẻo giữa đôi bên thì trước khi bước sang thập niên 70, ta cũng đã thấy văng lên một tiếng hát chung của những con tim quần chúng và nghệ sĩ, tuy rằng lần này với một giọng buồn của một thứ cung oán ngâm khúc thời nay. Tôi muốn nói những điều này với Georges để mời anh có dịp ra khỏi tác giả và tác phẩm trong việc nghiên cứu nhạc Việt. cũng như để anh sẽ đỡ thắc mắc khi thấy rằng gần đây và có thể mai đây có tác phẩm hay tác giả tốt mà không thể vươn lên được, bỏ lẽ lòng người nghe còn ngủ...

oOo

Thái Thanh quả là yếu tố thứ hai tuyệt vời của yếu tố thứ nhất ! Thế nhưng Georges cũng phải biết lòng tri ân sâu xa của tôi đối với những nhà hòa âm phối khí, nhạc trưởng như Trần Văn Lý, Vũ Thành, Nghiêm Phú Phi, Hồ Đăng Tín, Văn Phụng, Hoàng Trọng, Võ Đức Tuyết, Lê Văn Thiện Otto Soelner... là những người

đã hết lòng thêu hoa dệt gấm cho những đơn điệu nghèo nàn của tôi ! Ngoài ra những giọng vàng của ngày xưa (cũng chẳng xưa gì lắm !) như Anh Ngọc, Duy Khánh, Kim Tước, Châu Hà, Mộc Lan... cũng không phải là không quan trọng trong việc giới thiệu nhạc Việt nói chung, nhạc Phạm Duy nói riêng, với thiên hạ, trong nước hay ngoài nước. Phải nhìn vào sinh hoạt ca nhạc hiện nay (1972) nhìn vào thành phần nhạc trưởng, ca sĩ thì mới thấy lẽ lỗi làm việc, tinh thần trách nhiệm, khả năng ca dẫn của các vị kể trên là đáng quý như thế nào !

Lại còn phải nói đến một tinh thần Mạnh thường Quân rất cao độ của những ngày trước, rất cần thiết cho sự phát triển âm nhạc, qua sự đãi ngộ đúng mức của vài vị trưởng đài phát thanh (lúc đó là cơ quan duy nhất có khả năng phổ biến âm nhạc) và nhất là khiếu thẩm âm cao của những người chủ xưởng các mục Văn Học-Nghệ-Thuật, Nhạc Chủ Đề, Tuần Báo Nghệ Thuật Truyền Thanh như Phan Lạc Phúc, Nguyễn đình Toàn, Nguyễn quang Hiện, Vũ trành An, Trần dạ Từ, Vũ Dzũng... Nếu không có sự tích cực của những vị Mạnh thường Quân đó, ca nhạc không sống mạnh được và ca nhân cũng chỉ sống thoi thóp mà thôi !

Tôi nói ra đây những điều này để Georges Gauthier và đề cho những người đọc loạt bài *Một người Gia Nã Đại và nghệ thuật của một nghệ sĩ Việt Nam* biết rằng loạt bài đó chính

là sự ca tụng chung tác giả, tác phẩm, nghệ nhân, những người đóng góp vào việc phổ biến tác phẩm và trên hết, cái quần chúng vô danh đã tham gia vào tác phẩm !

Thực tình ra, sau khi được bạn bè đưa lên bàn mổ trong mấy năm qua, sau khi, nói như Xuân Diệu thời xa xưa, *gập lại lòng mình* qua những trang sách báo viết về thân thể và sự nghiệp đó, tôi chỉ thấy trong lòng mình một nỗi buồn vô hạn... Tôi vốn là một kẻ sống vội nên ít khi ngoái nhìn về dĩ vãng. Bản tính lại rất hay quên (Georges Gauthier thường rất ngạc nhiên khi biết rằng có nhiều bài hát đã bay ra khỏi trí nhớ tôi, chẳng hạn một số bài tiền chiến và kháng chiến) và cũng rất thích quên (để đỡ đi lại vết mòn) ! Bây giờ, đột nhiên phải nhớ lại, sống lại những thời đã qua, qua người khác ! Trong khi tôi chỉ muốn có thể xóa đi tất cả những gì mình đã làm, để... *xin đi lại từ đầu* ! Bây giờ thì tôi hiểu câu nói của Hélène, người bạn của 25 năm trước : « Ước gì đời mình được như chiếc áo len, để có thể tháo ra, đan lại ! »

Bởi vì làm sao mà Georges có thể biết được sự tủi nhục của kiếp ca nhân ở một nước tan tác này ? Làm sao người bạn ở xứ tuyết trắng trong lành kia có thể biết được những mặc cảm phạm tội mà suốt ba mươi năm qua người ca nhân nào ở nơi đầu sôi lửa bỏng này cũng phải đeo trên cổ ? Xưng tụng ái tình thì lo bị kết án bi lụy ! Hát mơ hòa bình thì sợ bị tội phản chiến. Mặc quần áo đẹp

hát ở nơi cao sang hay mặc quần áo đen hát ở giữa chợ cũng có thể bị nghi ngờ là làm chánh trị! Chuyện phi lý và nực cười. Nực cười nhất là hiện nay, ở đây nghề ca hát ở nơi công cộng là nghề quốc cấm!

Tuy nhiên đề cho những bài viết của Georges không phải là vô ích, con người đã từng vác cây đàn thập tự, sẽ phải vác đàn đi nốt quãng đường cuối của đời hắn. Lần này, với hình ảnh của một người bạn tri âm ở trong lòng. Hơn nữa, đề cho anh thanh niên ở cách Việt Nam một vài đại dương và một vài lục địa được yên tâm về số phận của quê hương chúng ta (anh đã xin nhận Việt Nam làm quê hương, nói theo kiểu Nguyễn đức Quang), hòa bình đã le lói ở cuối đường hầm rồi! Người nghệ sĩ nào đã chọn lựa khóc

cười theo mệnh nước thì đã đến lúc hắn có thể hát cười vui được rồi! Nhất là khi hắn vẫn còn rất nhiều tin tưởng vào dân tộc hắn, và nếu từ nay hắn có mất đi những cuộc phiêu lưu tình ái nào đó thì hắn vẫn còn nhận rất đầy đủ ân tình ở người vợ hiền, một ngày nào sẽ vượt mặt hắn cũng như đã từng khuyến khích, vỗ về, tha thứ hắn hơn nửa đời qua.

Tưởng cũng nên tri ân anh Lê Ngô Châu đã đề cho một người Gia Nã Đại và một người Việt Nam quá lạm dụng diễn đàn chung và xin những độc giả Bách Khoa nào phải đọc những dòng này, rộng tình tha thứ cho một kẻ chưa bao giờ có một tham vọng nào ngoài ý muốn đóng góp vào nỗi buồn vui của thời đại.

PHẠM DUY

Đã tái bản :

- VƯỢT ĐÊM DÀI
- MÁU ĐÀO NƯỚC LÃ
- NGỤC THẮT GIỮA RỪNG GIÀ
- LỬA DẬY TRỜI XUÂN

của MINH QUÂN

Cây bút được yêu chuộng của Tuổi thơ

Đã phát hành

BAO GIỜ

Tập truyện của TẠ TỴ

Một tác giả đang được ái mộ.

Gìn Vàng Giữ Ngọc xuất bản – Giá 300đ.

An ninh Âu châu trước con mắt...

TỪ MINH

(tiếp theo trang 22)

giữa Nga và Tây-Đức, đồng thời tách Tây-Đức khỏi Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương. Sau nửa rằm trời thương-thuyết, một «hiệp-ước hợp-tác và bất-tương-xâm» giữa Tây-Đức và Nga đã được ký kết tại Mạc-tư-khoa vào tháng 8-1972. Bằng hiệp-ước này Tây-Đức xác nhận rằng đường biên-giới Oder-Neisse giữa Đông-Đức và Nga có tính cách vĩnh viễn. Ngoài ra hai bên còn cam kết không tấn công lẫn nhau. Một nước Tây-Đức, hội viên của Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương và là một tiền-đồn phòng thủ trong chiến-lược của một Minh-ước chống Cộng mà lại tuyên-bố là không tấn công Nga-sô thì Minh-ước chỉ còn tồn tại trên giấy tờ mà thôi.

Thừa dịp này Nga-sô tiếp tục chính-sách hòa dịu với các quốc-gia đồng-minh Tây-Âu. Điện Cầm-linh mở một chiến-dịch ve vãn các hội viên Âu-châu của Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương và đề-nghị Minh-ước này ký với Minh-ước Varsovie một hiệp-ước bất-tương-xâm để chấm dứt dứt khoát tình trạng căng thẳng ở Âu-châu. Bị lôi cuốn trước tính-cách hấp dẫn của đề-nghị của Nga — vì nước nào mà không muốn một nền hòa-bình vững chắc — các quốc-gia hội-viên Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương đã nhóm họp nhiều lần để bàn cãi về việc thương-thuyết với Minh-ước Varsovie. Hiện thời Nga còn đang chuẩn bị một «Hiến-chương Hòa-bình Âu-châu» sẽ được trao cho

các quốc-gia Âu-châu để xin chấp-thuận. «Hiến-chương» này đề-nghị thành-lập một Liên-minh Âu-châu qui tụ tất cả các quốc-gia của lục-địa này. Đề đi đến một Liên-minh Âu-châu Nga còn đề-nghị giải tán cả Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương lẫn Minh-ước Varsovie. Giải tán hai Minh-ước và lập một Minh-ước mới Nga sẽ chỉ có lợi mà không có thiệt. Thật vậy, giải tán Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương thì Mỹ sẽ đương nhiên bị gạt ra khỏi Âu-châu. Trong khi đó, giải tán Minh-ước Varsovie, Nga không bị thiệt gì, vì bằng những hiệp-ước song phương với các nước chư hầu, Nga vẫn có thể duy trì được sự hiện-diện của 31 sư-đoàn lính Nga để chi phối đời sống chính-trị ở Âu-châu.

Sau hết đề bồ túc kế-hoạch loại Mỹ, Nga còn dùng đòn kinh-tế. Khi Irak quyết định cho phép mỗi mình Pháp được quyền giữ cổ-phần trong Công-ty dầu-hóa Irak, không ai biết rằng chính Nga đã xúi Irak làm như vậy. Cho Pháp được đặc quyền trong lãnh vực dầu hỏa, Nga muốn tách Pháp ra khỏi Cộng-đồng kinh-tế Tây-phương và đồng thời đặt Tây-Âu vào vòng lệ-thuộc dầu hỏa của Trung Đông do Nga kiểm soát.

Nga lại càng hoạt động hơn nữa khi mà Hoa-kỳ, từ nhiều năm qua, vì quá bận rộn tại Á-châu, nên không thể tích-cực tham gia vào công việc ở Âu-châu. Hơn nữa, một số giới chức Mỹ còn cho rằng nếu người

Âu-châu mà không còn muốn Mỹ tiếp tục bảo vệ họ thì không có lý do gì Mỹ cứ tiếp tục phải hy-sinh mà lại còn bị chỉ trích là thống-trị Âu-châu.

Tuý nhiên một vài hành động vụng về của Nga đã khiến cho một số người ở Âu-châu ý-thức được các âm mưu xâm nhập của Điện Cẩm-linh. Sau khi Nga xâm lang Tiệp-khắc vào năm 1968, các quốc-gia Đan-mạch, Na-uy và Gla-nã-đại đã bỏ hẳn ý định rút khỏi Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương. Và chính ông Willy Brandt cũng hoảng hốt trước sự tan rã của Minh-ước Đại-Tây-Dương nên vào tháng 6-1972 vừa qua, khi sang thăm Mỹ, ông đã tới Viện Đại-học Harvard để bỏ ra 50 triệu Mỹ-kim nhờ Viện nghiên-cứu phương-thức củng cố bang giao giữa Hoa-kỳ và Âu-châu. Ông còn nhấn mạnh rằng nếu thiếu sự ủng hộ mạnh mẽ của Hoa-kỳ, Âu-châu sẽ lâm vào cảnh hỗn loạn và khủng hoảng trầm trọng.

oOo

chưa đủ vững chắc để người ta tính chuyện giải tán Minh-ước Đại-Tây-Dương. Nếu ở Á-châu đời sống chính-trị dựa trên một thể quân-bình tương đối ổn-định giữa Nga, Hoa-kỳ và Trung Cộng thì tại Âu-châu giữa Hoa kỳ và Nga khoảng trống chính-trị và quân sự chưa được lấp với khối Thị-trường-Chung 10 nước Tây-Âu. Vì hầy còn muốn giữ vững chủ quyền quốc gia, nên 10 quốc-gia Tây-Âu chưa chịu liên kết chặt chẽ để trở thành một lực-lượng đồng nhất và hùng hậu. Nhưng cũng vì muốn giữ nguyên vẹn chủ quyền mà các quốc-gia này đã tính chuyện giải tán Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương. Một quan-niệm quá chặt chẽ về chủ-quyền chỉ đưa Âu-châu tới những khó khăn trong tương-lai. Giữa một chủ-quyền bị Hoa-kỳ giới hạn và một sự mất hẳn chủ-quyền cho Nga, các quốc-gia Âu-châu cần phải cân nhắc trước khi lựa chọn. Tính chuyện giải tán các Liên-minh trong giai-đoạn hiện-tại là một điều quá sớm.

Thể quân-bình mới trên thế-giới

TỪ MINH

Nha xuất bản SÁNG TẠO đã cho bán tại các tiệm sách :

Bộ Đoản Thiên Doãn Quốc Sỹ TRUYỆN CỔ TÍCH và KỊCH

Gồm ba tập: Sợ Lửa (1956), Hồ Thủy Dương (1960), và Trái Cây Đau Khổ (1963) đóng lại thành bộ, bìa cứng, Ngọc Dũng trình bày. Các bạn độc giả ở xa, xin gửi bưu phiếu 600đ. về cho Doãn Quốc Sỹ, 338/60B Thành Thái, Saigon 5, sẽ nhận được sách gửi bảo đảm đến tận nhà.

Công dụng mới
thuốc mới

hemocalcium B12

VI. SUY YẾU - CHÂM LỚN
KÉM ĂN - THIẾU MÁU



hemocalcium B12



SIFAPP SAIGON

Có chất Sorbitol để giúp cho
tự thẩm nhuận sinh tố B12
qua màng ruột mà không bị
tiêu hao.

bán tại các nhà thuốc tây

Công thức môn
thuốc mới :

HÉMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHÂM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
nhuần sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

1 ngày ở Trị Thiên

Ngày 24-7-1972.

Sau khi tìm không gặp mấy anh bạn ký giả, chúng tôi trở về lại phố vừa đúng 12 giờ. Chúng tôi: tôi, Phú, người tài xế của Phú. Ba mạng, cái jeep thấp dính đầy đất bùn. Phú giữ tay lái. Thay vì cho xe qua thẳng cầu Sông Hương hẳn lại bọc xuống cầu Trường Tiền, chạy thêm một vòng phố mới lên Phú văn Lâu. Ăn cơm bây giờ hay sao, Phú hỏi. Tôi bảo: Thôi để chốc tính sau. Người tài-xế ngồi nhìn đồng hồ nói trống: mới đó mà 12 giờ 20 rồi kìa, mau thiệt.

Phú văn Lâu. Đường Trần Hưng Đạo chạy dọc tới, mang tên khác: Trình minh Thử. Kỳ đài vươn cao bên kia thành, lá cờ phơ phất bay, những mái ngói cong cong đầy dấu đồ nát, cỏ bần, rác rưởi khắp nơi. Nhà máy nước đã chiến, nước đổ sang các xe nước quân sự bị hư hỏng ống dẫn sao đó chảy tràn ra đầm đìa cả một khoảng đường rộng. Da trời xanh trên những tàng cây già héo, nắng lớn, gió nam từng lúc kéo cát bụi bay thốc lên thành từng đợt trắng mù như mưa sương. Xe nhà binh đủ cỡ đủ kiểu đậu ngập cả vùng đất quanh Phú văn Lâu. Jeep, Dodge, GMC, xe tăng, chiến xa... Những chiếc GMC có kéo thùng nước nỏ máy gầm gừ tới lui. Những chiếc xe tăng và chiến xa

còn nguyên lá ngụy trang đậu bất động. Lính từ xe mới vào bãi đậu ồn ào nhảy xuống, lính từ chợ Đông Ba lè kè mang các gói thức ăn lên tìm xe đơn vị hoặc xe quá giang đề ra mặt trận. Xe đủ kiểu, đủ cỡ và lính hàng chục thứ. Nhảy dù, biệt động, thủy quân lục chiến, bộ binh, thiết giáp, pháo binh, truyền tin, công binh, địa phương quân, quân cụ, quân y... Những huy hiệu, những thứ giọng nói, những màu áo màu quần. Đủ hết. Và những quán giải khát quây lại như một khu chợ nhỏ, cạnh các quán hút tót, dăm ba người già và trẻ lang thang.

Cách nhà máy nước bên kia, ngang đường, hàng trăm thứ xe liên tu huyền não qua về. Chén vài chiếc dân sự còn bao nhiêu đều là quân sự: xe ở Diên sanh. Mỹ chánh, Phò trách vào Huế, Đà Nẵng và từ Đà Nẵng, Huế ra Phò trách, Mỹ chánh, Diên sanh, Quảng trị. Trước công viên là thế, còn sau, ven bờ sông nhiều cây: đám đàn bà chủ đồ và gái chị em ta luôn tay luôn miệng vẫy gọi mời khách. Cuối tháng, thời gian lính tráng có tiền.

Chuyện trò lằng nhằng dăm ba câu với một người chủ đồ quen ngày trước, tôi quay trở lại quán giải khát cũ. Phú cắt tóc. Người tài xế ngồi ôm tay lái móc số lường vừa lãnh ra đếm, lầm nhảm tính toán gì đó, ngừng lên nhìn tôi cười.

Có tiếng nổ lớn trong thành nội, Pháo kích. Hình như ngã Mang cá lớn, Quân y viện Nguyễn tri Phương. Một trái. Hai trái. Nhiều trái. Đại bác 130 đã được điều chỉnh tọa độ khá chính xác. Và đạn súng nhỏ bắn chỉ thiên báo động vang lên ở nhiều nơi. Sinh hoạt chung quanh vẫn y nguyên. Lính vẫn ngồi uống nước, tán gẫu. Xe vẫn chạy. Chị em ta vẫn mời khách vui vẻ. Tôi cười với cái ý của Phú: Chắc bọn chế ra súng 130 ly không cách nào lại hình dung được ở Việt nam người ta đón tiếp đồ « viện trợ » của chúng một cách lạnh nhạt thế !

Hốt tốc, không cần cạo râu, Phú trả tiền. Ra xe, vẫn giữ tay lái, vội vàng đi ăn cơm, cho kịp buổi chiều còn ra Quảng trị.

Phố nằng. Sinh hoạt thương mại sa sút, biếng trễ. Nhiều cửa hàng đóng cửa. Phố đặc cả lính với lính. Hai ba người lính dù say rượu lang thang ca hát đầu núi cầu Trường Tiền. Một người lính biệt-cách-dù dẫn một cô gái đi thăm thì chuyện trò trước cửa Thượng Tứ ; một người lính thủy quân lục chiến ngồi ăn cơm cạnh quán Lạc-sơn, với cái xắc nhỏ và mấy chiếc nón bài thơ, mề xúng mấy gói buộc kỹ, vui cười kể : Tôi sắp về Nam, nghỉ phép dưỡng thương mà anh, quà cho vợ đây, bà dặn hoài. Phú vừa ăn vừa nói về tình trạng thành phố lãnh đạn pháo kích như một chuyện khôi hài : 6 giờ sáng là chúng nó bắn, khi thì 5 quả, khi thì 3 quả, khi cả

chục quả, bắn đề đánh thức dân chúng dậy; sáng nào cũng thế, đó là chưa kể suốt ngày và đêm còn lại, ban đầu người ta còn sợ, lần hồi trở nên quen thuộc thân thiết hẳn, không khéo dạo nào cả tuần không thấy pháo người ta lại đâm nhớ.

Vội vàng đến quán, vội vàng ăn, vội vàng đi. Nhật báo từ Sài òi vừa ra. Đảo vài vòng xe mua thêm báo chí, ít thứ lật vật xong, chúng tôi ra khỏi thành phố, dọc Quốc lộ 1 hướng về mạn Bắc.

Đường chật cả xe. 99% là xe nhà binh, 1% còn lại là xe hàng. Xe chuyên quân, xe tiếp tế, xe chở đạn trọng pháo, tải thương binh nhẹ. Xe hàng Huế-Quảng trị, Huế-Mỹ chánh hay Huế-Đông hà gì cũng chỉ còn chuug một đoạn giữa hai bến Huế-Phò Trạch. Đến Phò Trạch là hết. Và lính, đủ mọi thứ binh chủng, không những chỉ trên xe nhà binh mà còn ngập cả xe hàng.

Xe chúng tôi đến Đồng lâm, cách Huế chừng 35 cây số Tây Bắc, Phú cho người tài xế xuống vào căn cứ trước, còn hai đứa sang căn cứ bên cạnh tìm một người bạn khác là Việt. Căn cứ Tangs và Evans. Phú ở bộ chỉ huy một tiểu đoàn pháo binh và Việt ở một đài radar suốt ngày đêm tìm chỗ đặt súng trọng pháo của đối phương trên mặt kiếng, hướng dăm dăm vào vùng núi đồi đằng trước.

Tiếng máy C25 rè rè, radar làm việc. Khung kính nhỏ mờ mờ lung

linh. Ở đó, trên khung kính, trước đôi mắt xem xét của người hạ sĩ quan ngồi trực, các thung lũng xa bên ngoài pháo đài là những vùng đen thẫm, các đỉnh núi sườn núi hiện thành những vệt trắng bạc. Việt vừa ở Đà Nẵng ra thay thế cho viên sĩ quan trước, đi phép tìm gia đình hồi sáng. Tôi và Phú đứng chuyện trò với mấy người lính trong lúc Việt thay áo quần. Xong, 3 mạng lên xe, quặt ra khỏi cổng căn cứ, ra Phò Trạch, Mỹ Chánh.

Phò Trạch cháy đen, cây khô úa buồn thảm tro trụi và những tấm tôn vương mắc đông đưa, tất cả sinh hoạt chỉ còn thu nhỏ lại ở bến xe sát ngoài cửa quận, và sinh hoạt không còn chỉ hơn là sinh hoạt bán mua: người bán là đám đàn bà con gái dân địa phương đã mất cửa nhà, người mua là đám lính thuộc các binh chủng từ nhiều mặt trận chung quanh, theo xe tiếp tế hấp tấp tìm đến tìm đi, hàng hóa là dăm ba thức ăn khô, nước ngọt. Cầu sắt Phò Trạch chưa gãy. Cầu Phong nhĩ vẫn còn. Bắt đầu từ đây đường chỉ rất xe nhà binh, hiếm hoi mới có vài chiếc xe nhỏ của báo chí chạy ngược lại. Nhảy dù và bộ binh đóng dọc ven đường, sâu về mạn trên. Những chiếc xe hư cháy nằm rải rác. Vở đạn trọng pháo, hoặc đã đốt cháy đen hoặc chưa kịp đốt, nằm vun thành từng ụ lớn. Áo quần nhiều màu của dân chúng vương vãi trên mặt lộ. Càng gần Mỹ Chánh vở đạn, xe cháy, áo quần dân chúng càng nhiều. Về

Mỹ Chánh. Bụi ngập, không một bóng người. Tất cả vắng ngắt. Nhà cửa không cháy nhưng đã đổ sập điêu tàn đến cùng cực. Hai cây cầu cũ bị hư nát, cây cầu phà được thiết lập phía cuối dãy phố, nối sang làng Lương điền. Xe chạy ngang qua phố, từ quốc lộ đề xuống cầu sang sông, bụi bay tung mù, tiếng máy gầm gừ hung hãn. Rồi xe qua khỏi, khu phố còn lại giữa nắng, không có một âm thanh nào khác ngoài tiếng gió khua những tấm tôn mất đỉnh treo lơ lửng thì thăm lay động. Âm thanh nhỏ, đều đều, xa, buồn bã như một lời kể khó hiểu.

Trên các vách tường chúng tôi đọc được rất nhiều giòng chữ. Có nơi là tên các đơn vị Thủy quân lục chiến, Nhảy dù. Có nơi là một lá thư nhỏ: *"con có về thăm nhưng không gặp ai cả, không biết hỏi ai cả"*, *"con đang ở tiểu đoàn 2, hành quân qua nhưng cha mẹ đã đi mô hết rồi, có gặp chú K... ở trại Hòa Khánh..."*. Có nơi là một lời nhắn *"Nhà không còn gì cả, đừng phá"*, hoặc *"vợ chồng H... đi ngày..."*

Khỏi Mỹ Chánh, sang Lương điền, ra Tân trường, Bến đá, đến Hải Lăng, tất cả lại được gia thêm nồng độ mới. Mùi thịt người. Xe cháy. Áo quần. Vở đạn. Phú và Việt thay nhau kể cho tôi nghe ngày di tản: sự kinh hoàng dây chuyền ở đám dân chạy loạn và quân đội bỏ phòng tuyến Quảng-trị sau khi tướng Giai lên phi cơ ra đi, những loạt đạn của quân Cộng-sản bắn xối vào dân, những

đứa trẻ bò lồm ngồm, những người bị xe cán phăng qua, những chiếc xe bốc cháy, những trái đạn đại pháo nổ ngay trên mặt đường, những bãi mìn khủng khiếp... Tất cả là một cơn mê sảng đẫm máu. Cơn mê đã qua nhưng chưa hết, hình tích vẫn còn, vọng âm không thể bôi xóa kịp, mầm rễ của nó còn dai dẳng vây quanh: đến Diên-sanh xe không thể đi thêm được, quân Dù đang chạm súng phía trên quốc lộ cỡ một cây số.

Chúng tôi quay lui, đã hơn 6 giờ chiều, đông thẳng vào An lõn ăn tối luôn. Ở đây, trong một quán ăn nhỏ, lại có tin, do người đàn bà chủ quán vừa vào Huế lấy hàng mang về: Thành nội bị pháo. Trưa 5 trái, chiều 7 trái. Hai con số gọn ghẽ. 5 và 7. 12 tiếng nổ trong một ngày. Chỉ chừng đó. Còn "có ai chết và bị thương không" là một chuyện thừa, không được đề cập tới. Bởi đã quen thuộc và nhàm chán quá rồi.

Và quen thuộc nhàm chán với cả h chết, đời sống vẫn tiếp tục. Cũng như với những trái đạn 130ly, các tay chế tạo ra nó hẳn không tài nào ngờ nó đã bị đón tiếp lạnh nhạt hờ hững ở Huế, Việt-nam như thế ;

và bây giờ, hẳn khắp các miền no ấm khác, cũng sẽ không ai có thể ngờ được dân chúng Việt-nam sống như thế nào giữa những trái đạn ghê rợn đó. Cây số 17 (kể từ Huế ra), An lõn.. Khi chúng tôi rời quán ăn, bóng tối đã mông lung dâng lên khắp trời. Đèn sáng ở các vùng dân cư ven lộ, hắt soi bóng những cặp gái trai thanh thản đi chầm chậm chuyện trò, trẻ nhỏ đùa giỡn, trâu bò về chuồng. Bình thản, tự nhiên, tựa hồ không quan hệ gì với tiếng đạn đang liên tu bất tận lên núi, tiếng bom B52 nổ vọt lại, những hàng tit lớn trên trang nhất các nhật báo quốc nội quốc ngoại. Tôi nói điều mình nhận thấy như thế, Việt báo : ngày mới mở mặt trận, chưa rõ gì cả, bọn nhà giàu và bọn có chút đỉnh quyền thế đã lo ùn ùn kéo nhau chạy, sẵn xe nhà, sẵn đủ mọi phương tiện để tiếp tục sung túc, đến trại tạm cư ngon lành, trong lúc dân nghèo đói vẫn bám lấy đất đai đồng ruộng mả mồ, cho tới ngày cuối... Mẩu chuyện bị bỏ lửng, được tiếp lại với một hình ảnh khác, khi Phú đã về Đồng lâm, chỉ còn hai đứa ngồi uống trà dưới chân đài radar : ... cho tới ngày cuối bầu vào nhau chết hàng đồng dọc đường.

TIN MỪNG

Chúng tôi nhận được hồng-thiệp báo tin hôn lễ của anh NGUYỄN CHÍ MINH (NGUYỄN MINH) và Chị NGUYỄN THỊ LAN cử hành tại Phan-Rang ngày 19-8-1972.

Chân thành cầu chúc Anh Chị trăm năm hạnh phúc.

Anh em VĂN MỚI

Đêm có trăng. Trời sáng bạc mênh mông và dãy Trường sơn phía trước chúng tôi — như nhan một cái truyện dài nhật báo của Cung Tích Biền — đang lên màu hồng. Màu hồng của đạn trọng pháo, bom B52 và đèn trái sáng. Nhiều vùng rừng cháy lửa bốc cao. Người lính già mang trà ra, ngồi gộp chuyện, hỏi tôi về những cảnh sống ở xa và kể đời mình: 35 tuổi, 16 năm lính, lon trung sĩ, 13 lần bị thương, 1 vợ 3 con, bây giờ cả gia đình vợ con đang bị kẹt ở ngoài kia sông Thạch hãn; hơn nửa đời người rồi quay lui quay tới thấy sản nghiệp mình chẳng có gì ngoài cái xác quân trang.

Bom nổ chuyển rền trong đất, lửa chớp hắt lên đỏ rực từng vùng mây núi, đạn trọng pháo ở Phò-trạch và Đồng-lâm gào xé bắn đi. Trong máy C25, hai người lính bên này đang gọi chuyển công điện cho nhau chọt có giọng một người lính bên kia chen vào. Bọn này, ba cái thằng Cộng sản, Đ.M, chửi thề, cãi, nhiều giọng khác chen thêm. Và «trở về sổ nhà cũ», cúp máy. Tôi nghe, hỏi Việt.

-- Bọn nó chắc ở đâu gần đây nhỉ, tiếng rõ quá.

— Lẽ dĩ nhiên là gần lắm rồi.

Rất gần, ngay sát ngoài phòng tuyến. Chỗ chúng tôi ngồi là nơi đã ăn hàng chục trái đạn pháo kích — bởi là một điểm cao dễ định vị trí và hơn nữa các tay đề-lô chúng đã làm việc khá kỹ càng từ lâu. Và chỉ

một lúc sau khi cúp máy, một người lính khác rà tần số tìm « chúng nó gọi nhau », gặp ngay. Chúng cũng đang chuyển công điện. Giọng anh chàng lính Bắc Việt nào đó ngọt ngào: « Thôi mà mấy anh Cộng hòa, cho làm việc chút đã... » 12 giờ khuya, ở mạn Tây Bắc căn cứ, nơi một cánh quân Dù và Thiết kỵ ta trấn đóng, nhiều thứ đạn khua rạn lên: quân Bắc Việt tấn công. Vừa ôm súng ngồi lấp ló xem chừng ở mặt sau pháo đài, viên trung sĩ vừa lặp lại lời xin với Việt: Mai hẳn chỉ ông cũng cho tui đi, đi vô mấy trại tạm cư trong tề mà coi thử, nghe người ta mới vô thêm một số... Việt gật, hèn. Súng vẫn nổ ròn, càng lúc càng dữ hơn. Và tôi, ở chiếc giường song song cạnh giường Việt, với một ngày mệt mỏi đường dài, thiếp đi khá dễ dàng.

Sáng hôm sau, ở Huế, trong một quán café quen thuộc khá đông khách, tôi lại nghe tiếng đạn pháo kích. Đâu trong thành nội, ngã dưới Mang-cá lớn, quân-y-viện Nguyễn tri Phương.

Ngày 25.7-1972. Ngày thứ 5 của chuyến về Trị Thiên, đúng 18 năm và 5 ngày sau hiệp-định Genève, 2 ngày trước khi Thủy quân lục chiến tràn vào Quảng trị thay thế quân Dù, một ngày trước chiều Toàn chết.

oOo

Ngày 24, ngày 25, tháng 7. Mỹ chánh, đèo Hải vân, Qui nhơn,

Quảng Ngãi, Nha trang, Long khánh,
Phò trạch, Hải lã, Nam giao,
Lương điền. Những con số.
Những địa danh. Những nơi mà,
áo quần ướt dính mồ hôi, tôi vội vàng
đi nhanh qua và những nơi tôi lần
khăn buồn rầu đứng lại. Có nơi tôi đã
được sinh ra đời, có nơi tôi đã ấu
thơ lui tới, có nơi tôi đã cười cợt
với bạn bè, có nơi tôi đã một mình

lang thang mơ mộng, có nơi tôi đã
yêu thương, có nơi tôi đã khóc. Tất
cả bây giờ là một miền vô đạn. Vô
đạn cháy đen, bất động, và những tấm
tôn rời đong đưa kẻ lè thì thầm :
nơi Toàn đã khôn lớn, theo súng đạn
tìm về và đã ngã chết, 23 tuổi, một
con trâu điên quên cày bừa đồng
ruộng và đã bỏ hàng ngũ trâu điên.

NGUYỄN NGỮ



V À O ĐỜ I

(tiếp theo BK số 375)

Chương 10

Hai chị em đi dọc theo đường cái quan, vừa đi vừa nói chuyện. Chị Phú đã có vẻ bình tĩnh hơn ngày hôm qua, ăn nói mạch lạc từ tốn. Cơn bão táp qua đi, cây cỏ lại lần lượt vươn mình đứng dậy. Chim chóc trở về. Người phu lục lộ vẫn cặm cùi quét lá rơi trên đường vắng. Nhưng dấu vết của một cuộc tang thương vẫn còn thoảng hiện đây đó: một chồi non dập nát không nhú lên nổi, lá xanh teo lại, héo úa. Rãnh nước bên đường vẫn còn vết lở lói, và dòng suối dưới chân dãy núi cao vẫn còn ngập nước đỏ ngầu. Quang nhìn nét mặt chị, mái tóc lòa xòa, đôi mắt buồn thảm, và cái miệng mím lại thường xuyên, khiến Quang bùi ngùi. Chị Phú nói:

— Út xách hai cái túi có nặng không? Đưa chị xách bớt cho.

Bàn tay chị ồm ồm xanh xao thấy rõ, Quang vội từ chối:

— Không sao đâu chị. Có nặng gì mấy đâu. Em từng vác, từng mang nhiều cái nặng nề hơn nhiều. Thăm gì.

Chị Phú nhìn Quang thương hại:

— Mẹ mà còn sống, Út đâu có khổ như thế này. Mẹ cưng Út nhất.

Em đã biết đi, vậy mà mỗi lần chị thả em xuống chập chững, mẹ la rầy om sòm. Mẹ bảo: Da chân em nó còn non, để nó đi dậm gai làm độc, chữa không được đâu.

Quang hỏi:

— Chắc hồi nhỏ, mẹ cũng cưng chị như vậy. Chị là con gái một mà.

— Chị không nhớ, nhưng chắc không được nuông chiều như Út. Mẹ bảo: Con gái tập làm lụng khổ cực cho quen. Ăn không ngồi rồi chỉ thêm hư. Mười tám tuổi, chị đã phải lo nấu cơm, quét nhà, gánh nước, cho heo ăn. Chị khổ cực quen rồi. Chị chỉ lo Út không kham nổi.

Quang trấn tĩnh chị:

— Lúc nhỏ khác, bây giờ khác. Em đã lớn rồi chị. Vai em quen chịu nặng nề nhọc nhằn rồi. Da chân em cũng chai lì, sức mảy gai đâm lủng được. Chị khỏi lo cho em.

— Vào đến nơi, nhớ viết thư ngay cho chị với anh hai biết chuyện ăn ở như thế nào. Nếu ở xa trường, Út cứ xin cái Mobylette của anh Hai đem vào đi. Ảnh đâu có cần nữa. Đi trận đã có xe mười bánh, về nhà nằm ụ một chỗ...

Quang nhận thấy cần phải nói đôi lời gửi gắm, dặn dò, tuy biết là vô ích.

— Làm sao chị ngăn được cho anh Hai uống rượu nữa. Đã tốn tiền còn

hại gan hại ruột. Mỗi lần em nhắc tới chuyện đó, là anh em kinh lộn. Anh chê em con nít mà lên mặt đạo đức giả. Chị lớn hơn, chắc anh chịu nghe.

Chị Phú nghe một cách lơ đãng gật đầu ơ hờ :

— Ủ, đề chị nói. Xe này lên An-kê đây mà. Khách đông dữ.

Chiếc xe chở hành khách chạy vụt qua, hướng về phía tây, chị Phú cúi đầu đi, nhìn xuống đường cái không nói gì. Quang im lặng, và chợt nghe chị thở dài. Chị ngược lên lấy hơi định nói gì đó, nhưng sau cùng tiếp tục im lặng, che giấu bối rối bằng cách đưa lưỡi liếm môi một lượt. Quang lấy bạo, nói một lần, cho xong.

— Chị đừng buồn nữa, số của nó hẩm hiu như vậy, thì đành chịu chứ biết làm thế nào.

Câu nói của Quang khơi dòng nước mắt tuấn. Không thể dẫn được nữa, chị Phú sụt sùi khóc, lấy ống tay áo quệt nước mắt. Câu nói lấp lửng ngắt quãng giữa những tiếng thút thít :

— Nó nằm một mình giữa rừng, lạnh lẽo, bơ vơ. Không biết nước mưa có xoi lở năm mộ không ?

Quang tìm cách an ủi :

— Chị ráng sang năm cải táng, đem cháu về nằm bên bà ngoại. Em nghe hình như trên làng nay đã bình yên hơn. Dân chúng đã bắt đầu hồi cư.

Rồi Quang dừng lại, nói với chị :

— Minh đứng ở đây chờ xe cũng được, chị. Chỗ này không phải khu quân sự, xe đâu không việc gì.

Hai chị em đứng bên vệ đường. Chị Phú lấy guốc dừa nhẹ ngọn cỏ xanh cho nước mưa rơi xuống, trong khi Quang lo cột lại cái bao cát đựng một sổ sách vở. Chị hỏi :

— Út đã nhớ mang theo đầy đủ giấy tờ chưa ? Thẻ kiểm tra, giấy hoãn dịch...

Quang cười :

— Chị khỏi lo. Bùa hộ mệnh của em mà. Quên cha quên mẹ, quên anh quên em, quên bạn bè tiền nong còn được, nhưng không thể quên giấy hoãn dịch.

Chị Phú hơi ngại ngùng, trước khi hỏi em :

— Anh hai đưa Út bao nhiêu tiền ?

Quang vội đáp :

— Đu mà chị. Chị khỏi lo cho em. Vào Sài Gòn, được tin anh hai với chị mạnh khỏe, là em đủ vui rồi. Em sẽ viết thư bao cho chị biết địa chỉ. Chị nhớ viết cho em nghe.

Chiếc xe Phi Long hiện ra ở đầu giốc. Chị Phú hốt hoảng :

— Xe kia kìa. Em làm dấu cho họ ngừng lại đi.

Nói thế nhưng không đợi Quang, chị đã hấp tấp đưa tay vẫy trước. Chiếc xe hàng lớn đầy nhóc hành khách từ từ dừng lại trước mặt hai

người. Lơ xe nghiêng đầu ra ngoài hỏi lớn :

— Đi đâu?

Chị Phú trả lời :

— Đi Sài Gòn. Còn chỗ không ?

Hành khách lao xao. Tiếng nhiều người phản đối :

— Chạy đi. Đâu còn chỗ nào nữa mà dừng lại.

Bác tài xế nhỏ nhẹ :

— Bà con thông cảm. Hồi này xăng lên giá rồi, bà con. Chở đúng số ấn định làm sao mà sống. Chịu khó một chút bà con. Chạy một lúc rộng liền à.

Ông ta quay lại kiểm soát một lượt khắp xe, tìm một chỗ trống cho Quang. Mắt ông sáng lên khi thấy một bà cụ ăn mặc quê mùa đang ôm cái giỏ trước bụng. Tài xế gọi lơ xe :

— Còn chỗ đây Bảy. Bác đưa cái giỏ cho thằng lơ để trên trần. Ôm kê kê một bên, choán hết chỗ người khác.

Bà cụ khur khur ôm cái giỏ, không chịu cho lơ xe dăng ra :

— Để trên trần bề hết mấy cái

trứng của tui. Cái giỏ tui ôm trước bụng, mắc mớ gì.

Lơ xe gắt :

— Luật không cho để đồ đạc trên xe. Bề ráng chịu.

Một hành khách bức mình, hỏi lại :

— Luật có cho ép hành khách như ép cá mè không ?

Nhiều người giục :

— Chạy nhanh lên. Nóng quá rồi.

Lơ xe ôm hai cái túi của Quang quăng đại lên trần cho thằng lơ khác cột, rồi mở cửa hông phía bà cụ, nói với Quang :

— Lên đi.

Quang vừa chui vào, tên lơ đã đóng ập cửa lại. Bà cụ phải khép chặt thêm đuôi, so vai cho nhỏ lại. Quang loay hoay tìm cách ngồi xuống, thì tài xế đã cho đề máy. Chị Phú nói lớn :

— Thôi Út đi, nhớ viết thư về liền nghe.

Quang vẫn chưa tìm được chỗ đặt dít, vội trả lời :

— Dạ, chị về.

Đã phát hành toàn quốc :

ĐỘ C - H À N H

Nguyên tác của Constant Virgil Gheorghiu

bản Việt-ngữ của Lê thị Duyên và Người Sông Kiên

Một tác phẩm nói lên những bí thảm cùng cực và những ưu tư sâu xa nhất của thời đại.

SÔNG KIÊN xuất bản

NAM CƯỜNG tổng phát hành.

Nhưng chắc chị Phú không nghe, vì tiếng máy nổ và tiếng ồn ào của hành khách.

Cái thể ngồi chật chội không pho phép Quang chút thoải mái nào hết. Khoảng băng hẹp dành cho Quang nhằm chỗ bánh trước, nên sàn xe lồi lên. Quang phải đưa hai gối lên cao, thành thử tuy ngồi trên ghế, Quang vẫn cảm thấy ruột thắt lại, dây nịt ép bụng khó chịu như đang ngồi chồm hồm trên mặt đất.

Hai đầu gối Quang kề sát lưng dựa của băng trước, nên mỗi lúc qua ổ gà, cái xe rung mình, thì lưng ghế cũng gõ mạnh vào đầu xương đau điếng,

Đúng như lời tài xế, xe càng chạy, sự chật chội ban đầu càng giảm bớt. Chiếc xe xóc lên xóc xuống, nên hình như thịt xương cũng dần dần co rút, teo lại. Gió lùa vào trong xe thổi tan sức nóng bốc lên từ đầu máy. Lúc đã quen với thể ngồi bất tiện này, Quang vội đưa tay sờ vào túi quần sau. Quang thót người, giật mình, vì hạt nút đã đứt mất từ lúc nào. Rút vội cái bóp nhựa rẻ tiền, Quang hồi hộp kiểm soát lại giấy tờ. Thật may mắn, không mất mát gì. Cái thẻ kiểm tra đề tên Lê Xuân Quang, nhưng chiếc hình kèm theo nhợt nhạt, chỉ có hai con mắt với lỗ mũi là rõ ràng. Giấy hoãn dịch vì lý do học vẫn có hiệu lực đến ngày 15 tháng 10. Còn đúng một tháng nữa! Phải gắng chui

ngay vào một trường nào đó để xin tiếp tục hoãn dịch. Giấy khai sinh cũ kỹ các nếp xếp đã mòn vì mồ hôi và cọ xát. Bức hình chụp anh Lâm lúc thụ huấn quân sự ở Lam sơn, ngồi trầm ngâm dưới gốc cây, tay ôm khẩu súng giống y bức vẽ trên bản nhạc Chiều mưa biên giới. Bức hình cũ của chị Phú, lúc chưa uốn tóc đầu còn chải rẽ giữa. Bản chính bằng tú tài nét chữ ngoằn ngoèo cầu tha với hai khuôn dấu đóng vội nhòe mực, công trình của biết bao lo âu pháp phòng, tấm giấy thông hành đề bắt đầu một cuộc hành trình mới. Tờ giấy nháp màu vàng ghi địa chỉ của Vân ở Sài Gòn, cùng địa chỉ một vài người bạn khác. Tất cả hãy còn đây, nằm xếp ve trong cái bóp nhựa vàng xỉn như cuộc đời heo hắt của Quang. Quang trả cái bóp vào túi, cẩn thận cúi sâu xuống đáy. Tay trái sờ lên cái túi kia, Quang còn cảm thấy cộm cộm.

Người lơ xe tên Bảy chuyển từ trên trần xuống chỗ của Quang ngồi, gõ cạch cạch gọi Quang. Quang hỏi to để át tiếng gió thổi và tiếng máy :

— Cái gì ?

Tên lơ đáp cộc lốc :

— Tiền.

— Bao nhiêu ?

— Mua đi Sài Gòn luôn nghe ? 800

Quang ngạc nhiên :

— Sao nhiều dữ vậy ? Tôi lên ở Phú Tài mà.

— Xi. Phú Tài cũng như Qui Nhơn. Tám trăm.

Quang đưa tay mặt mở nút quần sau, lấy xấp bạc gói kỹ trong tờ giấy vờ.

Tên lơ nhận tiền, định lên trần trở lại thì Quang hỏi :

— Vé đâu ?

— Vào Nha-trang đưa cho.

Quang liếc nhìn lần cuối số tiền còn lại trong tờ giấy trắng. Bốn tờ năm trăm đồng. Số tiền dành dụm của đồng lương hạ sĩ, đánh đổi những căng thẳng mệt mỏi giữa đồng lầy trong xóm vắng, đánh đổi những im lặng chịu đựng, đánh đổi những giọt máu đã chảy những mồ hôi đã nhỏ. Quang biết anh Lâm không thể có nhiều hơn số tiền này, nên chỉ im lặng nhận gói bạc không nói gì. Anh Lâm dậy sớm đi công tác, và cả Quang lẫn chị Phú thao thức suốt đêm không ngủ được nên lúc anh Hai se sẽ trở dậy. Quang cũng dậy luôn. Chị Phú xuống bếp nhen cái rề-sô bắc son nấu cơm. Ba anh em quây quần quanh cái mâm nhôm ăn lót lòng, từ lâu lắm không ai nói với ai câu nào. Mãi tới lúc anh Lâm bỏ đĩa xuống, chị Phú mới lên tiếng :

— Anh hai đưa em xới thêm cho.

Anh Lâm đáp cộc lốc :

— No rồi.

Chị Phú cố nằn nì :

— Anh đi công tác. Ăn thêm, không thì đói.

Anh Lâm buộc lòng phải đưa chén

cho em. Quang lấy muống xúc thêm vài con tôm rim ra đĩa nhựa. Bên ngoài, trời vẫn con tối. Ánh đèn dầu lửa đủ chiếu sáng những khuôn mặt thấp thoáng, cần cù chịu đựng. Anh Lâm hỏi :

— Sáng nay út đi Sài Gòn phải không ?

— Dạ.

— Chừng nào về ?

Quang ngạc nhiên, thấy anh không hiểu gì hết về chuyện học hành thi cử của mình. Quang nói :

— Em vào đó tìm cách thi vào các trường dạy nghề. Nếu không đậu, em ở lại trong đó luôn, để ghi danh học đại-học.

Anh Lâm định hỏi gì nữa, nhưng lại thôi. Chị Phú hỏi :

— Vào đó tứ cố vô thân, ăn ở chỗ nào ?

Biết cả anh lẫn chị đều cố tránh né vấn đề chính, Quang trả lời thẳng :

— Anh hai với chị khỏi lo cho em. Trời sinh voi trời sinh cỏ. Em có nhiều thằng bạn đã vào đó trước, gửi thư về bảo tìm việc cũng dễ. Em sẽ vừa đi làm vừa học.

Cả hai người đều trầm ngâm khi Quang nói xong. Nét mặt anh Lâm khác thường, mắt hẳn vẻ lạnh lùng lắm lì hằng ngày. Có điều gì khiến anh băn khoăn, nhột nhột, mà anh không dám nói ra. Sự ray rứt khôn khổ ấy kéo dài mãi cho đến lúc mấy người bạn anh Lâm gọi anh đi tập

họp. Anh Lâm lên phòng trước lục lạo một lúc, ra cửa, gọi Quang đi theo mình. Hai anh em đứng tần ngần trong khung cửa. Anh Lâm đưa gói giấy cho em :

— Anh chỉ còn có bấy nhiêu. Út cầm lấy vào Sài Gòn tiêu.

Lần đầu tiên Quang thấy lòng thương mến anh tràn đầy. Quang cầm cổ tay anh, nhìn anh không nói được gì. Lúc chị Phú từ nhà sau lên phòng trước, anh Lâm có vẻ thẹn thùng vì sự biểu lộ tình cảm thái quá, giật tay ra khỏi bàn tay Quang, chạy ra sân tập họp. Quang biết anh Lâm cố che giấu sự bối rối xao xuyến trong lòng, trốn chạy không dám nhìn sự thực. Anh muốn khuyên Quang ở lại, vì dù sao, sự hiện diện lảng đãng

như cái bóng của đứa em út đã trở thành một nhu cầu cần thiết.

Nhưng bảo Út ở lại đây, trong cái xó trại tồi tàn này, cuộc đời nó sẽ ra sao ? Quân cảnh có cho phép nó sống ngoài vòng quân trường, khi giấy hoãn dịch đã quá hạn không ? Thôi ! Đề cho Út ra đi, dù biết căn phòng này rồi sẽ côi cút quanh hiu hờn vào những hồi tỉnh rượu. Dù biết không còn ai rót cho một ly nước súc miệng cho bớt vị cay xè lợm giọng. Dù biết không còn ai nâng vai đưa vào giường gỗ. Không còn tắm khăn tắm nước ấm chùi nhẹ trên mặt trên cổ, mơn man triu mến như bàn tay người mẹ già cho đứa con hoạn nạn, hăm hiu...

(còn tiếp)

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

HỎI LÀM CHI

Thi thành, hốt xướng thu phần quý
Đặng ám, tần nhiên hoa nguyệt yêu
V.H.C.

Lâu rồi... Lửa-quỷ Thơ-ma
Là đời anh, cũng chính là quê em.
Mưa như tơ dệt từng đêm,
Từng đêm lửa nổi thơ truyền đến nay.
Bao nhiêu ngàn lần, ai hay?
Trăng vơi rồi lại trăng đầy ngoài song.
Tiếng ma nửa gối sầu đông,
Thấp cao bóng quỷ từ trong tim đèn.
Trăng tàn mưa hắt hơi men
Thì ta lấp ngõ cài then với người.
Riêng hai ta một đất trời,
Là quê em ! chẳng là đời anh sao ?

Trăng vơi, dầu vẫn đầy phao,
Mưa ngừng rơi, vẫn giạt giào hững ngăm
Thơ rung lửa cháy ngoài tầm,
Hỏi làm chi mấy trăm năm sau mình !
Đâu kia ai rắc thành bình ?
Dưa này ai cắt đôi tình âm dương ?
Sao không biết học chàng Vương
Dây dưa giàn đậu mở đường Liễu-trai ?
Mà cho vàng sắt lắng tai
Thơ-ma Lửa-quỷ tung dài vút cao...

Anh đâu còn một kiếp nào
Đề về !... Em cũng chẳng vào đời chi !
Đời anh : một nét cuồng-si ;
Quê em : một nụ truyền-kỳ đấy thôi.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Sài Gòn 1972

Ghi chú.— Hai câu chữ Nho dùng tám tiêu-đề, nữ-sĩ Mộng-Tuyết đã dịch Nôm như sau :

Thấp cao thi vận mà Thu xướng
Mơ tỏ hoa đèn quý Nguyệt kêu.

Được tin người yêu cũ
tản cư khỏi Hội - an

Thơ HOÀNG - LỘC

em biết thương chưa trời thị xã ?
ơì ngày bỏ phố có phân vân ?
đêm rồi giặc pháo bao nhiêu quả
mà cỏ thành rơi vỡ bóng trăng ?

từ đó sân trường thêm cỏ mọc
con chim mùa phượng cũ bay rồi
mai này em sẽ em-đơn-chiếc
khi lỡ tìm theo nỗi ngược xuôi

ai khóc ? — hình như lòng nhau xưa ?
căn nhà ta cũng nát bao giờ
em đi — vườn chắc thêm hiu quạnh
tình đã xuân đâu mà tàn thu ?

ta vẫn quê người — thân lính thú
năm năm chưa dứt nạn sa trường
có về : ngôi vụn, tường xiêu đổ
nào thấy gì nhau để xót thương ?

đời ta : trời mưa — trời mưa mau
hội-an : một bóng áo tình đầu
hỡi em — hai đứa cùng lưu lạc
biết có còn nghe tiếng gọi nhau ?

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Cởi mở và tự trọng

Zao Wou-Ki là một họa sĩ Tàu, mang quốc tịch Pháp từ 1964, nhờ sự can thiệp của André Malraux. Ông là người Tàu đầu tiên vào dân Pháp.

Zao Wou-Ki ly hương từ năm 1948, hồi ông mới 27 tuổi. Năm 1972, tức 24 năm sau, ông trở về Tàu một chuyến, rồi lại qua Pháp. Báo chí Pháp hỏi ông về cảm tưởng về giới hội họa.

Ông bảo ở bên Trung Cộng ngày nay người ta cởi mở lắm, muốn tìm hiểu cái mới lắm. Đây là một thí dụ: Nhiều họa sĩ xúm lại hỏi Zao Wou-Ki: Ông vẽ theo lối nào? — Tranh trừu tượng. — Ừa, cái gì vậy? Zao Wou-Ki giải thích một hồi, rồi cuộc giới họa sĩ «cởi mở» của Trung Cộng nhìn nhau kết luận: «Thế thì tuyệt nhiên chẳng có gì đáng đáng đến chúng ta.»

Ngoài thái độ ham «tìm hiểu cái mới», họa sĩ Trung Cộng lại còn thái độ giữ gìn phẩm giá, cũng đáng chú ý lắm. Một người nói với Zao Wou-Ki: «Hồi trước, muốn bán tranh, chúng ta phải đi Hương cảng, Tân-gia-ba, tìm đến những nhân vật giàu có hay quyền thế, mời họ ăn uống để mong họ mua cho. Bây giờ thực tình chúng tôi thấy những chuyện ấy thiếu tư cách.» Thế bây giờ các họa sĩ Trung Cộng làm ăn cách nào? Zao Wou-Ki cho biết bạn của ông vẽ tranh cho nhà nước, lãnh

mỗi tháng 314 đồng. Và nhà họa sĩ tự trọng họ không hề thấy thiếu tư cách bởi vì trong xã hội ấy không có ai dám nói ra tiếng «họa nô», cái tiếng làm xám mặt giới nghệ sĩ các nước tư bản.

Thân xác và tinh thần

Nín đi con, búp bẽ ơi,

Nín đi con.

Ta ru con trong tay, cho con ngon giấc,

Này, này, cho con biết là ta không phải mẹ, mẹ con đã chết rồi,

Hãy cứu tôi, hãy cứu tôi,

Hãy cứu tôi, tôi nghe cuộc sống đến gần,

Trong lúc tôi chỉ muốn chết mà thôi.»

Tác giả tác phẩm xinh xắn trên đây là Marilyn Monroe. Vâng, chính là cô đào chiếu bóng Hoa Kỳ đã tự tử cách đây mười năm; chính cô ấy.

Thuở sinh thời, nàng nổi tiếng nhờ thân xác tuyệt mỹ. Chết rồi, con người ấy lại toan nổi tiếng vì một công trình sáng tạo, vì tinh thần.

Thơ của Marilyn Monroe mới vừa được phát giác và được công bố «Thác là thể xác, còn là tinh anh.» Tuy nhiên, thơ «Nín đi con» là một thứ tình anh có lẽ không trường tồn lâu dài lắm đâu.

Kẻ thương đời

Cuốn hồi ký của cựu Tổng thống Hoa kỳ Lyndon Johnson vừa được dịch ra tiếng Pháp.

Cuộc đời Tổng thống của tôi, dày hơn 700 trang, kết thúc một cách bi đát. Johnson trình bày tình trạng năm 1968 rất đen tối: tài chánh khủng hoảng, mục sư Luther King bị ám sát, rồi nghị sĩ Robert Kennedy bị ám sát..

« Tôi có cảm tưởng thường xuyên sống trong một giấc mơ hãi hùng... Quốc gia chúng ta và cả hoàn cầu như chìm đắm trong sự điên rồ. » Nói cách khác, Johnson cảm thấy đến hồi mặt ngươn.

Điều mà ông Johnson không chịu nói ra, có lẽ là nguyên do sự thất vọng của ông: có phải vì R. Kennedy với L. King bị ám sát mà ông đâm ra nản lòng? Đâu có! Người ta nghĩ là vì những phong trào phản chiến, đả đảo Johnson v.v... hết sức đông đảo, cuồng nhiệt, khắp Hoa kỳ, đã làm cho Johnson đâm nản chí, bỏ cuộc đấy chứ.

Năm 1968, nhiều người thấy ông Johnson thảm hại. Bốn năm sau, đọc sách ông, mới biết rằng bấy giờ ông ta đang thương hại xứ sở của ông và thương hại tất cả hoàn cầu!

Kẻ quá thương mình

Kate Millett là một lãnh tụ phong trào đòi quyền sống phụ nữ ở Hoa kỳ. *Mãi dâm* là tên cuốn sách của cô ta.

Thật ra đây là một công trình tập tập thể của bốn người đàn bà: Kate Millett, một nữ phụ tá, và hai cô điểm thực thụ. Như vậy, công trình

nghiên cứu có sự hợp tác chặt chẽ của giới chuyên môn, am hiểu đầy đủ về nghề nghiệp.

Mãi dâm bị kết án, cái đó là sự dĩ nhiên. Đáng chú ý ở đây là thái độ hăng say của sự kết án. Các tác giả chủ trương rằng trên đời phải tuyệt đối hết sạch gái điểm mới được. Còn một cô ăn sương, Millett cũng không nghe.

— Gì mà gắt gao quá vậy?

— Hễ trên đời mà còn có một người đàn bà bán dâm, thì bao nhiêu người đàn bà khác đều bị nam phái xếp vào phía có thể bán dâm. Một người bán dâm, cả giới bị nhục, bị xếp loại một cách nhục nhã.

Thành thử Kate Millett chống mãi dâm không hẳn là vì thân phận của chính gái mãi dâm, mà là vì sợ họ làm xấu lây tới mình.

Văn học và Pepsi-cola

Có một độ ông Nixon đi làm thuê cho hãng Coca, tưởng đâu giới kinh doanh Mỹ chỉ động viên đến Phó Tổng thống là cùng. Không ngờ, sau khi hợp tác với chính trị xong, giới kinh tài Mỹ lại có ngay chương trình hợp tác chặt chẽ với... văn học.

Số là Pepsi-Cola bấy lâu không được phép mon men qua Nga. Gần đây Giám đốc Pepsi-Cola là ông Donald Kendal có sáng kiến thu dụng một người cháu của đại văn hào Léon Tolstoi (tức Mike Lvoff) làm đại diện cho Pepsi ở Venezuela. Xong ông giám đốc khôn ngoan nọ

lại nhờ ông Mike Lvoff ấy làm trung gian trong các cuộc thương lượng với Bộ trưởng Ngoại thương Nga về vấn đề đưa Pepsi-Cola vào Nga.

Hắn lúc sinh thời Tolstoi không ngờ mình sẽ có một đóng góp ngộ nghĩnh như thế vào công cuộc làm ăn của một hãng nước ngọt.

TRĂNG THIÊN

Doãn Dân trên đại lộ kinh hoàng

Sau khi quân đội ta tái chiếm Hải-Lăng và tấn công Quảng Trị, khoảng đầu tháng 8-72 vừa qua, chị Doãn Dân đã tới Hải Lăng để tìm kiếm xác chồng, cũng như bao thân nhân các đồng bào tử thương vì pháo địch trên quãng đường từ Quảng-trị về Hải-lăng đã được mệnh danh là « Đại lộ kinh hoàng ». Chị được quân đội giúp phương tiện di chuyển và được người quân nhân, đã cùng đi với anh Doãn Dân trên khúc đường ngộ nạn, hướng dẫn để tìm lại nơi anh đã ngã xuống và nằm lại. Nhưng trên bãi cát nắng và gió ở hai bên đại lộ, trong hai ba ngày, chị đã không tìm được dấu tích gì của anh Dân cả. Vả chăng chính anh quân nhân đồng hành với tác giả « Chỗ của Huệ » nay cũng không còn nhớ được đích xác nơi nào Doãn Dân, tay đầy máu, đã móc cái ví ra trao cho anh cùng với tập bản thảo dở dang. Ví và bản thảo lúc chị Doãn Dân nhận được, vẫn còn đầy vết máu khô đen.

Chị Doãn Dân đã đi đến nơi có 400 quan tài, chờ để được chôn tập-thể,

đến nơi lượm xác các quân nhân, hy vọng nhận ra hoặc cái áo hoặc đôi giày của chồng, nhưng rồi cuộc khi trở lại Saigon chỉ chỉ mang theo về được... mấy bài thơ của Đại-úy Cao My Nhân, người nữ quân nhân Trưởng phòng xã hội, mà chị có dịp làm quen và tâm sự những ngày ra Trung này :

... Tôi băng khuâng nghe tin nhà văn
chết không toàn thấy

Trên đường về Hải-lăng, giặc pháo
kích

Xác người đổ như cây

Trận mưa bom, bão đạn, kéo dài 50
cây số...

... Rừng xuân xưa nở đầy trời hoa
thuốc nổ

Đẹp bão bùng khói súng tỏa hương
cay.

Trần Doãn Dân như thiên hạ dọa
đầy.

Trong giấc ngủ dài nằm kề nhau tức
tươi.

(Trích « Hoa chiến tranh »).

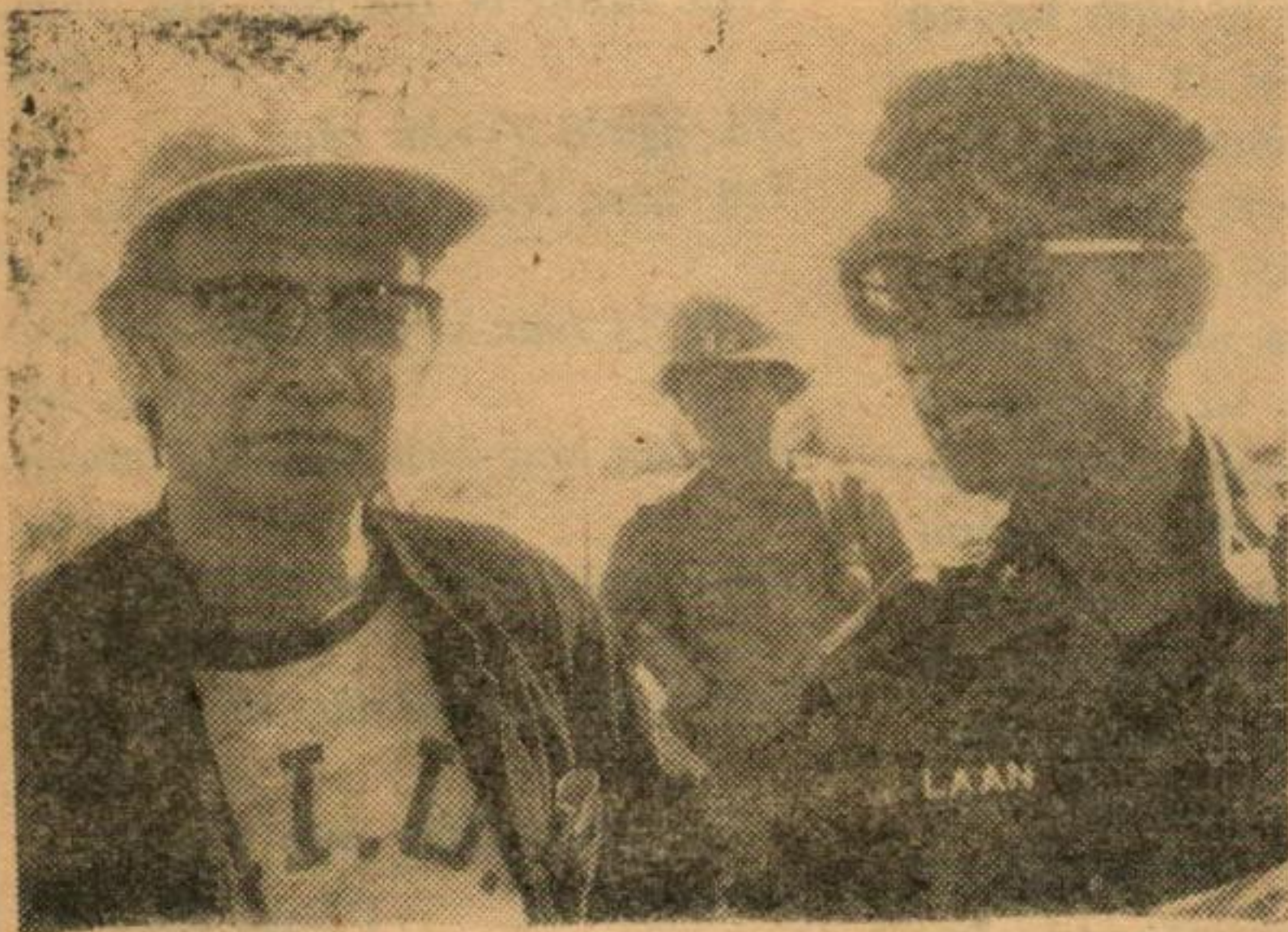
Phạm Duy và những Con đường tình

Từ khi các mặt trận Trị-thiên, Tam-biên, Bình-long bùng nổ, Phạm Duy đã cho ra « Điệp khúc Trần Thế Vinh » và phổ nhạc vào bài thơ dài của Phạm Lê Phan, đăng trên nguyệt san Tiền Phong của quân đội, thành một trường ca gồm 16 đoạn khúc mang tên « Chiến ca Mùa Hè 72 ». Anh cũng đã có dịp ra thăm mặt trận Trị-Thiên trong một chuyến đi cùng mấy nhà văn và mấy dân biểu.

Nay Phạm Duy lại trở về với những bài tình ca cổ hữu và mới đây

anh vừa phổ nhạc vào một bài thơ của Phạm Thiên Thư « *Gọi em là đóa hoa sầu* » và một bài thơ của Du Tử Lê mà anh đặt tên ca khúc là *Tình sầu Du Tử Lê*. Phạm Duy cho biết là anh sẽ lấy tên nhà thơ để đặt tựa cho nhiều ca khúc mà anh đã hay sẽ phổ nhạc vào thơ như thế. Anh đương làm việc rất say mê để cho

ra một tập nhạc mang tên chung là *Con đường tình chúng ta đi*: con đường tình của Phạm Duy, của Vũ Hữu Định, Nguyễn Tiến Cung, Du Tử Lê, Phạm Thiên Thư v.v... gồm những bài tình ca của Phạm Duy và những bài thơ phổ nhạc của các nhà thơ trên đây.



Phạm Duy và Chuẩn tướng Bùi Thế Lân trong chuyến anh ra thăm Trị - Thiên vào tháng 6 vừa qua.

PHÂN ƯU

Được tin : Cụ Quả-phụ LÊ CẬN Bà nội nhà văn LÊ TẮT ĐIỀU đã thất lạc tại Saigon ngày 24-8-1972, hưởng thọ 76 tuổi, xin trân trọng chia buồn cùng anh Lê Tắt Đều cùng tang quyến và xin cầu nguyện hương hồn Cụ sớm tiêu diêu nơi cõi Phật.

VÕ PHIẾN, TRẦN ĐẠI, LÊ THANH THÁI. NGUYỄN HUY NHÂN, LÊ NGỘ CHÂU PHẠM DUY, TẠ TỴ, QUẢN QUANG HOA, NGUYỄN HÙNG TÍN, CAO XUÂN SƠN, NGUYỄN LIÊN.

Vi Huyền Đắc và « Dịch Thuật »

Trên Đài phát thanh Saigon, ngày 11-8 vừa qua kịch tác gia Vi Huyền Đắc và cũng là một nhà dịch thuật tài danh ở miền Nam này, đã nói chuyện trong mục « Diễn đàn tự do » về đề tài « Dịch thuật ».

Diễn giả thấy người mình rất lo là đối với các dịch bản và công việc phiên dịch ở nước mình ít được quý mến, chăm sóc. Trong khi đó thì ở các nước Tây Âu hầu hết các nhà xuất bản đều có tổ chức những ban dịch thuật. Tàu và Nhật cũng lập những ban dịch thuật từ đầu thế kỷ 20 này. Khoảng 1935 người Nhật đã dịch toàn bộ 30 cuốn *Luận văn tập* (Essais) của Montaigne. Tại Trung-hoa thì có giai thoại kỳ thú về việc dịch thuật của nhà văn Lâm Cầm Nam. « Ông này vốn dĩ không biết một tí gì về Anh văn cả, ấy thế mà, ông đã ra công dịch được mười mấy bộ truyện của Âu-Tây bằng cách nhờ những thanh niên đi du học về, dịch truyền khẩu từng câu, từng đoạn ngắn một, cho ông ấy nghe, rồi ông viết ra bằng văn ngôn. Ngòi bút của Cầm Nam tiên sinh đã tung hoành một cách kỳ diệu và đã mở ra hẳn một chân trời mới ở đất Hoa-hạ thủ cựu và cổ chấp ».

Diễn giả còn cho biết :

« Dịch cũng là sáng tác. Cái bằng chứng hiển nhiên, là : cùng một

nguyên tác ấy, mỗi người dịch một khác, tôi chỉ nói về sự khác biệt thôi, chứ không nói bản văn dịch hay hoặc dở. Tại sao lại có sự khác biệt ấy ? Đó chính là cái phần sáng tác mà mỗi dịch giả đã đóng góp vào vậy » và « Người dịch có tài là người biết chăm chú sự sáng tạo, sự diễn thuật, sự chuyển ý, để cho độc giả có thể hiểu được một cách dễ dàng vì họ không thể đọc được nguyên tác ».

Cũng theo diễn giả : « Truyện ngắn, truyện dài, thi ca, từ khúc, kịch bản, toàn là những sản phẩm nghệ thuật, dịch giả, trước hết, phải có một tâm hồn nghệ sĩ, ngoài điều kiện tất yếu đó, người dịch sẽ phản bội tác giả một cách thảm hại ».

Tóm lại, theo nhà dịch thuật lão thành Vi Huyền Đắc thì có 4 điều cần chú ý trong công việc phiên dịch. Ông nói :

« Đối với công việc phiên dịch, người ta thường chủ trương rằng : điều thứ nhất phải dịch sát nguyên tác và điều thứ hai không được phản tác giả. Tôi tất đồng ý về hai nguyên tắc này, nhưng tôi cũng khẩn khoản xin thêm vào đó hai yếu tố nữa ; điều thứ ba, bản dịch phải là tiếng Việt thuần túy, và điều thứ tư, là độc giả phải tìm thấy sự hứng thú hoặc sự bồi ích gì trong khi duyệt đọc dịch bản » và muốn vậy thì nguyên tác phải là một áng văn tâm đắc của người dịch.

Bút Viết với**Ban chấp hành mới**

Sáng Chủ nhật 20-8 vừa qua tại Trụ sở của Trung tâm Văn bút V.N. ở đường Đoàn Thị Điểm Saigon, khoảng bảy chục cây bút hội viên đã hội họp đề bầu lại Ban chấp hành mới. Trong dịp này Ông Chủ-tịch Ban chấp hành cũ là L.M. Thanh Lãng, trước khi từ chức có khiêm tốn tự nhận mình là người ba phải... Nhưng các hội viên Văn bút lại tỏ ra chỉ thích cái « ba phải » của ông, nên mặc dầu cố tình xin nghỉ, ông vẫn được hội nghị đặt trở lại chức vụ Chủ-tịch. Và rốt cuộc Ban thường vụ mới cũng không khác Ban Thường vụ cũ là bao nhiêu :

Chủ-tịch : Thanh Lãng, Phó Chủ-tịch : Nguyễn Sa, Hồ Hữu Tường ; Tổng Thư-ký : Phạm Việt Tuyền ; Phó Tổng Thư-ký : Nhật Tiến ; Trần Trọng San ; Thủ quỹ : Đào Đăng Vỹ v.v... Các cây bút phụ nữ trong Ban chấp hành gồm có : Hoàng Hương Trang, Minh Quân, Tuệ Mai.

Ngay sau khi bầu xong Ban Chấp hành mới, Đại-hội cũng nêu lên vấn đề Sắc luật 007 về báo chí. Mấy hôm sau, trong phiên họp ngày 23-8-72, thừa Ủy nhiệm của Đại-hội sau khi nghiên cứu và thảo luận về Sắc luật này, Ban Chấp hành mới đã có những nhận định như sau :

«-1/ Sắc luật 007-TT-SLU đã giới hạn quyền Tự do của người cầm bút là quyền được Hiến chương Văn bút Quốc tế bảo vệ, tôn trọng.

«-2/ Chánh quyền nên tạm ngưng thi hành sắc luật nói trên để lắng nghe tiếng nói trung thực của giới liên hệ, nhất là tiếng nói của Nghiệp đoàn ký giả, của Hội chủ báo của Hội đồng Báo chí và tu chỉnh sắc luật sao cho phù hợp với quyền lợi tinh thần và vật chất của người cầm bút theo sự đòi hỏi của Hiến chương Văn bút Quốc tế, đồng thời cũng đáp ứng được nhu cầu hiện tại của tình hình đất nước.»

THU THỦY

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Nghiêm Quân (thơ) ; Hồ thị Dư Tâm (Giọt lệ cho người) ; Chu Vương Miện (thơ) ; Trần Dạ Lữ (thơ) ; Tiêu Hồng Thái (thơ) ; Tô Hưng Ba (Nỗi nhớ tuyệt vời) ; Diệp Hồng Phương (thơ) ; Ngô Hát Tuyền (thơ) ; Võ Văn Lê (thơ) ; Thị độ Opt (Bên lề cỏ) ; Băng Như (thơ) ; Nguyễn Đình Giang (Sơ lược về tổ chức tình báo Liên-Sô K.G.B.) ; Lan Huệ Em (thơ) ; Hồ Khê Bạt (thơ) ; Ngô Văn Sơn (Buổi chiều nghe tiếng đàn) ; Trần Nguyên Trần (thơ) ; Thái Minh Phương (Bên trong) ; Huỳnh Kim Sơn (thơ) ; Nguyễn Đức Nhân (thơ) ; Nguyễn Tiến Cung (thơ) ; Dương Thề Anh (thơ) ; L.M. (thơ) ; Tống Châu Ân (Về biên gặp mưa) ; Phạm Văn Bình (Trăng vỡ).

Những bài được lựa đăng, chúng tôi sẽ liên lạc với quý bạn bằng thư riêng hoặc sẽ nhắn tin trên các số Bách Khoa tới đây.

Thời sự thế giới

● TỪ MINH

Trong những tuần vừa qua các biến chuyển được nhiều người chú ý nhất trên thế giới vẫn là tình hình Trung Đông sau khi Ai cập đuổi cổ vấn quân sự của Nga về nước.

Sau vấn đề Trung Đông người ta còn nói nhiều tới tình hình Trung Cộng sau khi cái chết của Lâm Bưu được chính thức tiết lộ.

Tại Hoa-kỳ ông Nixon cũng được dư luận chú ý tới khi Đại-hội đảng Cộng-Hòa đồng thanh đề cử ông ra ứng cử Tổng-thống thêm một lần nữa.

Và sau cùng là vấn đề Nhật đang tìm cách xích dần lại phía Trung Cộng khiến Đài Loan bị cô đơn thêm.

Tình hình mới tại Trung Đông

Sau khi Tổng thống Anwar Sadat quyết định đuổi các cổ vấn quân sự Nga ra khỏi Ai-cập người ta thấy bàn cờ chính trị Trung Đông đã hoàn toàn thay đổi. Thật vậy Nga đã quyết định rút các cổ vấn và vật-liệu quân sự trở về mau lẹ hơn ông Sadat dự tính nên Ai-cập không còn được bảo vệ chặt chẽ như trước nữa. Với sự ra đi của Nga, các đô-thị Ai-cập lớn như Le Caire, Alexandrie không còn được các hệ-thống hỏa-tiến SAM phòng vệ như trước và người ta bắt đầu lo sợ rằng quân Do-thái sẽ lợi dụng tình trạng này để tấn công Ai-cập.

Nhưng thật ra, tại Do-thái không một ai muốn triệt để khai thác thế quân-sự yếu kém của Ai-cập trong giai đoạn này cả. Và cả hai bên người ta đều không tin tưởng gì vào những nỗ lực thương-thuyết của ông Gunnsar Jarring vào tháng này. Tuy bị yếu thế nhưng Ai-cập vẫn khẳng khái từ chối không chịu chấp nhận bàn cãi trực tiếp với Do-thái, trong khi Do-thái khước từ mọi hình-thức thương thuyết qua trung gian.

Về nội dung cuộc thương thuyết thì bất đồng ý kiến giữa hai bên càng nặng nề hơn nữa. Trong khi phe Ả-rập muốn rằng Do-thái phải trả lại hết các đất đai đã chiếm được trong cuộc hành quân chớp nhoáng 5 ngày vào tháng 6-1967 thì tại Do-thái nội bộ đã tỏ ra hết sức chia rẽ trước vấn đề này. Trong Nội-các Do-thái người ta thấy có 3 phe. Phe thứ nhất có lập-trường hiếu chiến nhất gồm có bà Golda Meir và Tổng-trưởng Quốc-phòng Moshe Dayan. Phe này chủ trương sát nhập các đất đai Ả-rập vào lãnh thổ Do-thái.

Phe thứ hai do Phó Thủ-tướng Yigal Allon lãnh đạo, chủ trương trả lại dần trong 4 năm các lãnh-thổ bên bờ phía Tây của sông Jourdain cho Ả-rập. Và phe thứ ba, ôn hòa hơn cả, có Ngoại - trưởng Abba Eban, chủ-trương trả lại hết các lãnh thổ chiếm được năm 1967, ngoại

trừ Jérusalem và đồi Golan vì là cần thiết cho việc bảo-vệ an ninh lãnh-thò Do-thái.

Tuy phần lớn trong chính-phủ đều có lập trường điều hòa nhưng dân chúng Do-thái bắt đầu chán nản trước các nỗ lực chiến-tranh từ trên 20 năm qua. Họ không còn muốn dành 40% ngân-sách quốc-gia cho vấn đề quốc phòng nữa, mà chỉ muốn nâng cao mức đời-thụ trong nước hơn trước. Do đó, khuynh hướng muốn thương thuyết đang được phát triển mạnh mẽ, nhất là trong lúc này phong trào liên Ả-rập đang bị rạn nứt nhiều. Mặc dầu Đại-tá Kaddafi, người hùng của xứ Lybie đòi ông Sadat xúc tiến việc thành lập liên-bang giữa 3 quốc-gia Ai-cập Lybie và Syrie, nhưng ông Sadat đã cố tìm cách trì hoãn việc thực-thi hiệp-ước liên-bang giữa 3 nước ký kết vào tháng 4-1971. Sự rạn nứt của khối Ả-rập sẽ không còn bắt buộc ông Sadat phải có một lập-trường cứng rắn trong việc thương thuyết với Do-thái nữa.

Trung Cộng trở về với chính sách ôn hòa

Sau khi cái chết của Lâm Bưu được Bắc-kinh chính thức tiết lộ và xác nhận, người ta có cảm tưởng rằng Trung - Cộng đang trở về một chính sách hòa - hoãn hơn. Trong « Ngày Quân lực » được tổ chức vào giữa tháng 8 vừa qua, người ta thấy chung quanh Chu Ân Lai tươi tỉnh, một số lớn các bộ

mặt cũ đã tái xuất hiện. Đó là những đảng viên dân sự cũng như quân sự trước kia bị cuộc « Cách-mạng Văn-hóa » loại ra khỏi chính trường Trung Cộng. Hai nhân vật cũ tái xuất hiện được người ta đặc biệt chú ý là hai tướng Trần Tái Đạo và Chung Hàm Hoa. Tướng Trần Tái Đạo trước kia làm Tư lệnh ở vùng Vũ-Hán đã từng đem quân dẹp toán Vệ-binh-đỏ ở vùng này. Và sau khi Lâm Bưu ra lệnh cho quân đội trung thành với Lâm từ Bắc-kinh tới thì Tướng Trần Tái Đạo đã phải đầu hàng. 5 năm sau, sự xuất hiện của vị tướng lãnh này chứng tỏ rằng Chính phủ Trung Cộng đã từ bỏ cuộc Cách mạng Văn hóa.

Các nhân vật dân sự chống Cách mạng Văn hóa cũng xuất hiện trở lại trên chính trường Bắc-kinh. Đó là các Phó Thủ-tướng Trần Vân và Nhiếp Vĩnh Thái.

Như vậy người ta thấy các nhân vật ôn hòa từ trước tới nay liên kết với Chu Ân Lai đã trở lại chính quyền.

Nhưng có một hiện tượng đặc biệt là cuộc Cách mạng Văn hóa được phát động chính là để củng cố địa vị của Mao Trạch Đông và hạ các đối thủ mà họ Mao cho là không có tinh thần Cách mạng. Nay các đối thủ này trở lại trong khi những người thân tín của Mao bị hạ thì uy quyền của họ Mao có còn được vững chắc như trước nữa hay không. Nhưng dù quyền hành có bị giảm đi thì họ Mao cũng khó có thể lấy lại được vị giở

này ông đã 78 tuổi và hình như đã quá già yếu để có thể tranh đấu hữu hiệu. Trong các buổi hội kiến với những người ngoại-quốc người ta luôn luôn thấy Mao Trạch Đông phải đi chuyển với 2 người xốc nách và chỉ đủ sức đứng để bắt tay mà thôi. Mao Trạch Đông hình như càng ngày càng đóng vai trò bù nhìn trong chính-thể Cộng-sản ở Hoa-lục.

Đại hội đảng Cộng hòa đề cử ông Nixon

Đại-hội Đảng Cộng-hòa đã nhóm họp tại Miami Beach từ ngày 21 đến 23-8 vừa qua để đề cử liên danh của Đảng ra ứng cử Tổng-thống. Lễ dĩ nhiên là đương kim Tổng-thống Nixon được đề-cử làm ứng-cử-viên của Đảng ra tranh cử vào tháng 11. Nhưng ông Nixon đã cố gắng làm như đây là một sự kiện mới trong đời ông. Thật ra thì đây cũng là lần đầu tiên mà ông Nixon đạt được một vinh quang lớn như vậy. Trong các kỳ Đại-hội Đảng lần trước ông luôn luôn phải đương đầu với các đối thủ như Goldwater, Rockefeller, Reagan v.v... Lần này ông đã nắm được hoàn toàn đảng Cộng-hòa. 1347 đại diện trên tổng số 1348 đã dồn phiếu cho ông Nixon và chỉ có một người bỏ phiếu cho ông Mc Closkey.

Chính đối thủ cũ của ông Nixon là ông Rockefeller lại là người đầu tiên đứng lên đề nghị Đại hội đưa ông Nixon ra ứng cử nhiệm kỳ nữa. Sau ông Rockefeller người ta còn thấy các ông Goldwater, Pershy kể cả ông Walter Hickel, người đã bị ông Nixon cách chức Bộ-trưởng Nội-vụ năm

1970, đều đứng lên ca ngợi ông Nixon

Trong bản diễn văn chấp nhận, ông Nixon, đã kêu gọi các đảng viên Dân-chủ không thích ông McGovern hãy bỏ phiếu cho Đảng Cộng-hòa để bảo vệ các nguyên-tắc căn-bản của Hoa-kỳ. Theo ông, các nguyên-tắc căn bản này là nền móng của một nước Hoa-kỳ lớn mạnh chứ không phải là của riêng một đảng nào. Ông cũng đề nghị đảng cử ông Spiro Agnew ra ứng cử Phó Tổng-Thống cùng một liên-danh với ông.

Lần này Đại-hội đảng Cộng-hòa đã đưa ra một hình ảnh đoàn kết chặt chẽ sau lưng ông Nixon. Một số thanh niên Yppies biểu tình phản chiến ngoài phòng hội đã không làm cho Đại-nội mất bầu không-khí vui vẻ. Ngược lại các cô gái làng chơi ở Miami thì lại ủng hộ đảng Cộng-hòa hết mình vì các đại diện của đảng này, phần lớn thuộc phe đại tư-bản nên "chịu chơi" và ăn sài rộng rãi hơn là các đảng viên Dân-chủ vào tháng trước.

Cuộc thăm dò dư luận mới nhất cho biết ông Nixon sẽ có khoảng 28% phiếu hơn ông McGovern.

Nhật xích lại gần Trung Cộng

Ngay từ khi làm Tổng-trưởng Thương-mại, ông Tanaka không giấu ý định sẽ xích lại gần Trung Cộng khi ông lên làm Thủ-tướng. Giờ đây ông Tanaka đã được Đảng cử ra thay thế ông Eisaku Sato và đương nhiên trở thành Thủ-tướng Nhật. Việc đầu tiên của ông là tiếp xúc với Trung Cộng để cải thiện bang-giao.

Kết quả là ông Tanaka được Bắc-kinh mời sang viếng thăm Trung-Cộng vào cuối tháng 9 hay đầu tháng 10 tới. Tại Bắc-kinh ông Tanaka sẽ thảo luận với Chu-An-Lai về vấn đề bình-thường-hóa bang-giao giữa 2 nước. Ông Tanaka đã tuyên bố sẵn sàng đoạn giao với Đài-loan nên Bắc-kinh có thể đề ông tiếp tục giao-thương với Đài-loan và duy-trì ở đây một phái-bộ thương-mại nhỏ. Tuy muốn thiết lập liên lạc ngoại-giao với Trung Cộng nhưng ông Tanaka vẫn muốn giữ thị-trường Đài-loan

vì mỗi năm Đài-loan và Nhật trao đổi hàng hóa với một trị giá là 1 tỷ Mỹ-kim.

Việc ông Tanaka sang Bắc-kinh đã được hoàn toàn giữ bí mật. Chính Hoa-kỳ cũng không được tham khảo trước vì Nhật muốn trả thù việc ông Nixon không tham khảo ý kiến với Nhật trước khi quyết định nhận lời mời của Chu Ân Lai năm ngoái.

Thêm một lần nữa một nước bạn đã bỏ rơi Đài-loan để đi kiếm lợi ở Trung Cộng.

TU MINH

Sắp phát hành :

— HƯƠNG RỪNG CÀ-MAU

của Sơn Nam

— BẠCH TÂN

truyện của Tì Vu, bản dịch Vi Huyền Đắc

— CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA

của Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch

— HÌNH NHƯ TÌNH YÊU

của Hoàng Ngọc Tuấn

— NHỮNG NGÀY CẠN SỮA

của Minh Quân

— HỒI KÝ BỐN MỐT NĂM LÀM BÁO

của Hồ Hữu Tường

— KÝ THÁC

của Bình Nguyên Lộc

— BỨC BÌNH PHONG

của S. Maugham, Nguyễn Minh Hoàng dịch

— MƯU SINH

của Maxime Gorki, Trương Đình Cử dịch

— TUỔI TRẺ, TUỔI TRẺ

của Hoàng Ngọc Tuấn

— VÂN ĐÀI LOẠI NGŨ

của Lê Quý Đôn

— VƯƠNG DƯƠNG MINH

của Phan Văn Hùm

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có



NƯỚC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai "HÒA TIÊN"!

